

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN CHĂN NUÔI**

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC NĂM 2005

TÊN CỤM CÔNG TRÌNH

**CHỌN LỌC, NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG
MỘT SỐ GIỐNG GÀ NỘI, GÀ NGOẠI LÔNG MÀU
VÀ TẠO CON LAI ĐỂ PHÁT TRIỂN
CHĂN NUÔI NÔNG HỘ**

Cơ quan chủ trì:

- VIỆN CHĂN NUÔI

Bộ chủ quản:

- BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

- BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Các tác giả: PGS.TS. Nguyễn Đăng Vang, PGS.TS. Nguyễn Huy Đạt,
TS. Trần Công Xuân, TS. Đoàn Xuân Trúc, TS. Phùng Đức Tiến,
PGS.TS. Bùi Quang Tiến, ThS. Nguyễn Hữu Tĩnh, TS. Trần Long,
ThS. Hoàng Văn Lộc, KS. Nguyễn Thị Hoài Tao,
TS. Phạm Thị Minh Thu.

PHẦN I

- | | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Công văn đề nghị xét giải thưởng | 6. Biên bản họp Hội đồng cơ sở |
| 2. Bản giới thiệu tóm tắt | 7. Biên bản kiểm phiếu |
| 3. Đơn đề nghị xét thưởng | 8. Bản báo cáo tóm tắt |
| 4. Quyết định thành lập Hội đồng | 9. Giấy chứng nhận đăng ký đề tài |
| 5. Bản nhận xét các Ủy viên HĐ | |

Hà Nội, tháng 04/2005

Số: 171 /VCN-KHCN
V/v: Đề nghị xét giải thưởng Nhà
nước về KHCN năm 2005

Hà nội, ngày 9 tháng 4 năm 2005

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG XÉT GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

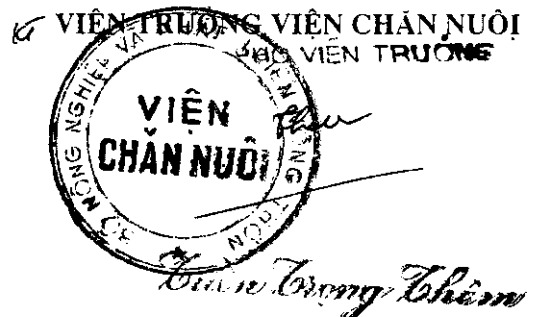
Theo quyết định số 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành qui định điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự và thủ tục xét tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà Nước về KHCN năm 2005, ngày 7 tháng 4 năm 2005, Hội đồng KHCN cấp cơ sở xét giải thưởng Nhà nước về "*Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nội, gà ngoại lông màu và tạo con lai để phát triển chăn nuôi nông hộ*" Viện Chăn Nuôi đã tổ chức họp. Căn cứ vào Đơn đề nghị xét thưởng của đồng tác giả, sau khi thẩm định nội dung Báo cáo tóm tắt cụm công trình và các thủ tục khác theo quy định của Thủ tướng Chính Phủ, Hội đồng đã tiến hành bỏ phiếu đánh giá Hồ sơ xét thưởng.

Căn cứ những thành tựu về khoa học, công nghệ, hiệu quả kinh tế, hiệu quả kinh tế – xã hội, hiệu quả khoa học - công nghệ của cụm công trình và kết quả làm việc của Hội đồng KHCN cấp cơ sở xét giải thưởng Nhà nước, Viện Chăn nuôi kiến nghị Hội đồng giải thưởng cấp Bộ xem xét và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt tặng **GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC** cho cụm công trình "*Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nội, gà ngoại lông màu và tạo con lai để phát triển chăn nuôi nông hộ*".

Xin trân trọng cảm ơn. *Tuấn*

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, Khoa học



BẢN GIỚI THIỆU TÓM TẮT
CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG VỀ KH&CN NĂM 2005

(Kèm theo quyết định số: 33/2005/QĐ TTG ngày
15/02/2005 của Thủ tướng chính phủ)

- Đề nghị giải thưởng Hồ Chí Minh. ☐
- Đề nghị giải thưởng Nhà nước. ☒

1. Tên cụm công trình đề nghị xét giải thưởng

“Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nội, gà ngoại lông màu và tạo con lai để phát triển chăn nuôi nông hộ”.

2. Đặc điểm công trình

- a. Sử dụng ngân sách nhà nước ☒
- b. Không sử dụng ngân sách nhà nước ☐

3. Thời gian thực hiện (1985-2004) ☐☐ ☐☐

4. Cơ quan chủ trì công trình

Viện Chăn nuôi.

5. Nội dung tóm tắt của công trình (Thành tựu mới, đóng góp mới, hiệu quả)

Trong thời gian 20 năm, cụm công trình triển khai 126 đề tài nghiên cứu về các lĩnh vực di truyền giống, kỹ thuật nuôi dưỡng, ấp trứng, thú y và các mô hình chăn nuôi gà lông màu thu được các kết quả như sau:

Chọn tạo được nguồn nguyên liệu di truyền giống gà nội, ngoại để làm cơ sở cho công tác lai tạo giống mới.

Chọn lọc nâng cao năng suất của các giống gà nội (Gà Ri, Đông Tảo, Tàu Vàng, Rhoderi, BT2...) có năng suất trứng từ 75-128 quả tăng 25,4%; tỷ lệ trứng có phôi, ấp nở tăng 15-20% thời gian nuôi thịt giảm 30-50%. Đã chọn được 7 dòng, giống gà được Nhà nước công nhận và đưa vào nuôi giữ giống gốc.

Thông qua các chương trình dự án Nhà nước và quốc tế đã nhập nội và nghiên cứu thích nghi 31 dòng gà lông màu cao sản của Trung Quốc, Israel, Cộng hoà Pháp, Cộng hoà Séc, Hungari và Hà Lan....

Từ nguyên liệu di truyền nhập nội cụm công trình đã áp dụng công nghệ chọn giống hiện đại chọn tạo thành công 15 dòng, giống gà năng suất đạt 92-97% so với giống nguyên sản được Nhà nước hỗ trợ nuôi giữ giống gốc.

Từ nguồn nguyên liệu di truyền gà nội và gà ngoại đã nghiên cứu và xác định được 4 tổ hợp lai gà hướng trứng và 18 tổ hợp lai hướng thịt có ưu thế lai về các tính trạng sản xuất từ 6-10% phục vụ chăn nuôi nông hộ.

Các mô hình chăn nuôi gà lông màu được nghiên cứu ở nhiều địa phương với các quy mô khác nhau có sức thuyết phục cao và lan tỏa rộng trong sản xuất.

Cụm công trình đã hoàn thiện 17 quy trình chăn nuôi, ấp trứng và đã áp dụng rộng rãi vào sản xuất.

Việc áp dụng và hướng dẫn công nghệ chăn nuôi gà giống gốc, gà sinh sản và gà thịt đã làm thay đổi nhận thức, tập quán từ chăn nuôi quảng canh, không đầu tư sang chăn nuôi đầu tư vốn, đầu tư kỹ thuật có hiệu quả góp phần xóa đói giảm nghèo cho đồng bào vùng sâu, vùng xa.

Trong 14 năm qua, cụm công trình đã chuyển giao vào sản xuất 417.724 triệu con gà trong đó có 408,472 triệu con nuôi thịt và 9,252 triệu con nuôi lấy trứng. Sản phẩm thịt sản xuất ra là 743,36 nghìn tấn và 151.23 triệu quả trứng. Tổng số tiền làm lợi: 10.236 tỷ đồng.

Chăn nuôi gà lông màu trở thành một nghề chăn nuôi mới góp phần thu hút khoảng 110.000 lao động với thu nhập trung bình 3,5 triệu đồng/năm. Phát triển chăn nuôi gà lông màu đã góp phần chuyển dịch sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cụm công trình tham gia đào tạo hơn 100 sinh viên đại học, 16 thạc sỹ và 4 tiến sỹ chuyên ngành.

6. Về tác giả công trình

TT	Học hàm, học vị, họ và tên
1	PGS.TS. Nguyễn Đăng Vang
2	PGS.TS. Nguyễn Huy Đạt
3	TS. Trần Công Xuân
4	TS. Đoàn Xuân Trúc
5	TS. Phùng Đức Tiến
6	PGS.TS. Bùi Quang Tiến
7	Th.S. Nguyễn Hữu Tính.
8	TS. Trần Long
9	Th.S. Hoàng Văn Lộc
10	KS. Nguyễn Thị Hoài Tao
11	TS. Phạm Thị Minh Thu

KT/VIỆN TRƯỞNG VIỆN CHĂN NUÔI



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
VIỆN CHĂN NUÔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2005

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC
VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: Hội đồng xét giải thưởng Nhà nước về Khoa học Công nghệ

Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 33/2005/QĐ-TTg ngày 18/02/2005 ban hành quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự và khả năng xét giải thưởng Nhà nước về khoa học công nghệ.

Trong 20 năm nghiên cứu về chăn nuôi nói chung và chăn nuôi gia cầm nói riêng, Viện Chăn nuôi chọn cụm công trình nghiên cứu: ***“Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nội, gà ngoại lông màu để phát triển chăn nuôi nông hộ”*** để đăng ký giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ. Về lĩnh vực này có nhiều nhà khoa học của Viện Chăn nuôi, Viện KHKT Nông nghiệp Việt Nam, Viện KHKT Nông nghiệp miền Nam, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam nghiên cứu trong nhiều năm và đạt được những thành tựu đáng khích lệ, đã được Hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước, cấp Bộ đánh giá xuất sắc, nhiều đề tài được công nhận là TBKT, được công nhận một số giống mới, trong đó có nhiều công trình nghiên cứu đang có tác động lớn đến phát triển chăn nuôi gà trong phạm vi cả nước.

Để kịp thời động viên và đánh giá kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, đánh giá giá trị khoa học và thực tiễn của cụm công trình, tập thể tác giả cụm công trình kính đề nghị Hội đồng xét giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ cấp cơ sở xem xét, đánh giá.

Xin trân trọng cảm ơn!

Các đồng tác giả:

Số: 42 VCN-KHCN/QĐ

Hà nội, ngày 6 tháng 4 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA VIỆN TRƯỞNG VIỆN CHĂN NUÔI

V/v: Thành lập Hội đồng KHCN xét giải thưởng Nhà nước về Nghiên cứu và phát triển gà lông màu thả vườn ở Việt Nam

VIỆN TRƯỞNG VIỆN CHĂN NUÔI

- Căn cứ quyết định số 315 NN-TCCB/QĐ ngày 9/12/1992 của Bộ Nông nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT) quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy quản lý của Viện Chăn Nuôi.
- Căn cứ quyết định số 22 NN-TCCB/QĐ ngày 27/5/1993 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê chuẩn điều lệ hoạt động của Viện Chăn Nuôi.
- Xét đề nghị của các ông Trưởng Phòng Khoa học Kế hoạch và HTQT.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Nay thành lập Hội đồng KHCN xét giải thưởng Nhà nước về Nghiên cứu và phát triển gà lông màu thả vườn ở Việt Nam (*có danh sách kèm theo*).
- Điều 2:** Hội đồng có trách nhiệm xem xét đánh giá những thành tựu mà công trình đã đạt được; xác nhận danh sách đồng tác giả; kiểm phiếu đánh giá; lập biên bản đánh giá và gửi hồ sơ đề nghị xét thưởng cấp Bộ đúng theo quy định tạm thời về điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự và thủ tục xét tặng giải thưởng Nhà nước về KHCN năm 2005.
- Điều 3:** Các ông có tên trong danh sách Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
- Điều 4:** Hội đồng tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ. *TyB*

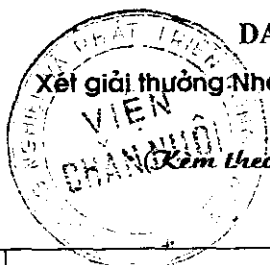
Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu: VT, Phòng Khoa học

KT/VIỆN TRƯỞNG VIỆN CHĂN NUÔI
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Thêm

Trần Trọng Thêm



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG KHCN

Xét giải thưởng Nhà nước về Nghiên cứu và phát triển gà lông màu thả vườn ở Việt Nam

Kèm theo quyết định số 42 VCN-KHCN/QĐ)

TT	Họ và tên	Chức danh Hội đồng	Ghi chú
1.	PGS.TS. Hoàng Văn Tiệu	Chủ tịch	
2.	GS.TS. Lê Văn Liễn	Phó Chủ tịch, phản biện	
3.	TS. Nguyễn Quế Côi	Phản biện	
4.	TS. Bạch Thị Thanh Dân	Ủy viên	
5.	PGS.TS. Bùi Đức Lũng	Ủy viên	
6.	TS. Nguyễn Hữu Tào	Ủy viên	
7.	TS. Phạm Công Thiều	Ủy viên	
8.	TS. Nguyễn Văn Đức	Ủy viên	
9.	TS. Phạm Sỹ Tiệp	Thư ký	

☒

1. Tên công trình (cụm công trình) đề nghị xét thưởng

..... Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng
mô hình "gòn gòn gà nòi, gà ngoại, lông màu
và tạo con lai để phân phối. Thiển chuyển hơn này họ

- 2

☒

7

☒☒

Đổi mới và say Tao công nghệ của công nghệ laser
quan trọng:
+ Hình thành nghệ thuật mới chân mới ga
thời kỳ mới từ sản xuất
+ Tạo ra các sản phẩm mới của công nghệ
thời kỳ.

b/ Nhận xét, đánh giá về chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, công nghệ (đạt trình độ quốc tế hoặc cao hơn chỉ tiêu của sản phẩm, quy trình, hệ thống tương tự khác trong nước? nêu địa chỉ so sánh cụ thể. ...)

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt cao hơn
so với các công nghệ hiện tại như các ví
tỷ lệ mới sản, về công nghệ sản phẩm
trên và về sản phẩm.

c/ Nhận xét, đánh giá về tình hình được cấp văn bằng bảo hộ

Nhiệm vụ chung của công nghệ laser là hiện tại
kỹ thuật. Các tài liệu kỹ thuật mới là có
tất cả các bài học.

4.2. Về hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ

a/ Nhận xét, đánh giá về hiệu quả kinh tế hoặc hiệu quả kinh tế - xã hội đã tạo ra của công trình (đạt hiệu quả rất lớn hoặc hiệu quả lớn; đóng góp rất lớn hoặc đóng góp lớn cho phát triển kinh tế xã hội hoặc quốc phòng-an ninh? thể hiện cụ thể như thế nào?

Hiệu quả kinh tế - xã hội của công trình rất lớn về tăng sản phẩm với số lượng lớn chất lượng cao.

b/ Nhận xét, đánh giá và phân tích những tác động về khoa học của công trình (có đóng góp quan trọng hoặc có đóng góp vào việc thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực khoa học? thể hiện cụ thể như thế nào? ...)

Kết quả nghiên cứu của công trình có tác động khoa học lớn về giống (hệ thống giống lúa) và kỹ thuật canh tác (nuôi cấy thời vụ mùa công nghiệp).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ tên và chữ ký)

Tr. Văn Hiến
Lê Văn Hiến

-----*-----

**PHIẾU NHẬN XÉT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG VỀ KH&CN NĂM 2005**
(Kèm theo Quyết định số: 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ).

Ủy viên phản biện

☐

Ủy viên

☐

1. Tên công trình (cụm công trình) đề nghị xét thưởng

...Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà
Nội, gà Ngan lông màu. Đa tạo con lai để phát triển chăn
nuôi nhốt.....

• Đề nghị giải thưởng Hồ Chí Minh

☐

• Đề nghị giải thưởng Nhà nước

☒

2. Tác giả công trình

☐

2.1. Tên tác giả (một người)

☒

2.2. Đồng tác giả

3. Cơ quan chủ trì công trình (nếu có)

Viện chăn nuôi

4. Các chỉ tiêu nhận xét - đánh giá

4.1. Về giá trị khoa học:

a/ Nhận xét, đánh giá về đổi mới và sáng tạo công nghệ của công trình: đổi mới **đặc biệt quan trọng** (đối với công trình đề nghị giải thưởng Hồ chí Minh) hoặc **quan trọng** (đối với công trình đề nghị giải thưởng Nhà nước) về các mặt như: giải quyết những vấn đề then chốt để cải tiến công nghệ, phát triển hoặc tạo sản phẩm mới; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo điều kiện hình thành và phát triển ngành nghề mới; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, của ngành kinh tế. . . những đổi mới và sáng tạo đó được thể hiện cụ thể như thế nào?

Đây là năm công trình quan trọng đã giải quyết được những nội dung cơ bản hàng cái tiến công nghệ

- Đã giải quyết được các quy trình công nghệ gồm các nội dung sinh dưỡng thực vật, quy trình chăn sóc nuôi dưỡng, Thuyết pháp bên áp dụng Thuyết một quy trình khép kín để nuôi dưỡng cho người chăn nuôi để nuôi các giống đã chọn lọc và các công thức lai

- Công trình đã đáp ứng yêu cầu phát triển gia long mẫu cho từng lai và đáp ứng nhu cầu cho từng vùng, địa phương

- Đã nâng cao sức cạnh tranh của chăn nuôi gà lai có giá trị thịt thơm ngon

b/ Nhận xét, đánh giá về chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, công nghệ (đạt trình độ quốc tế hoặc cao hơn chỉ tiêu của sản phẩm, quy trình, hệ thống tương tự khác trong nước? nêu địa chỉ so sánh cụ thể. . .)

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt cao hơn so với gà nội và đã có một số chỉ tiêu cao hơn so gà ngoại và đạt 79,5% ở các chỉ tiêu khai.

Đã hình thành được nghề chăn nuôi gà long mẫu cho các vùng đặc biệt là vùng cao, sâu, xa

Khảo nghiệm giao TBKT, xây dựng mô hình các nêu rõ hơn để làm nổi bật hiệu quả của KH-CN

c/ Nhận xét, đánh giá về tình hình được cấp văn bằng bảo hộ

Chưa có các văn bằng cấp thiết cần bố xung hoàn thiện

4.2. Về hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ

a/ Nhận xét, đánh giá về hiệu quả kinh tế hoặc hiệu quả kinh tế - xã hội đã tạo ra của công trình (đạt hiệu quả rất lớn hoặc hiệu quả lớn; đóng góp rất lớn hoặc đóng góp lớn cho phát triển kinh tế xã hội hoặc quốc phòng-an ninh? thể hiện cụ thể như thế nào?

- Đã đánh giá được hiệu quả kinh tế xã hội, tiết kiệm ngoại tệ có ý nghĩa trong chiến lược hồ sơ đánh giá có mô hình nhà
- Về khoa học CN ở đây là tạo đánh giá có độ đồng đều đánh giá được uy tín đối với người chiến lược

b/ Nhận xét, đánh giá và phân tích những tác động về khoa học của công trình (có đóng góp quan trọng hoặc có đóng góp vào việc thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực khoa học? thể hiện cụ thể như thế nào? ...)

Có đóng góp quan trọng trong việc phát triển một ngành chiến lược nhà. Công trình đã tiết kiệm được ngoại tệ nhập giống

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ tên và chữ ký)



Bach Thị Thanh Dân

**PHIẾU NHẬN XÉT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG VỀ KH&CN NĂM 2005**
(Kèm theo Quyết định số: 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ).

Ủy viên phản biện

11

Ủy viên

☒

1. Tên công trình (cụm công trình) đề nghị xét thưởng

Chung học, Nắng, Cao này một, chất hướng mặt 95'
gần gần nước, gần gần, không màu và tạo các lại đi?
phải + in" khác như thế này.

- Đề nghị giải thưởng Hồ Chí Minh
- Đề nghị giải thưởng Nhà nước

7

☒

2. Tác giả công trình

11

2.1. Tên tác giả (một người)

☒

2.2. Đồng tác giả

3. Cơ quan chủ trì công trình (nếu có)

4. Các chỉ tiêu nhận xét - đánh giá

4.1. Về giá trị khoa học:

a/ Nhận xét, đánh giá về đổi mới và sáng tạo công nghệ của công trình: đổi mới **đặc biệt quan trọng** (đối với công trình đề nghị giải thưởng Hồ chính Minh) hoặc **quan trọng** (đối với công trình đề nghị giải thưởng Nhà nước) về các mặt như: giải quyết những vấn đề then chốt để cải tiến công nghệ, phát triển hoặc tạo sản phẩm mới; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo điều kiện hình thành và phát triển ngành nghề mới; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, của ngành kinh tế. . . những đổi mới và sáng tạo đó được thể hiện cụ thể như thế nào?

Cung cấp tài năng đã đạt được những tiến bộ mà là với khoa
học công nghệ và. Việc đưa các tài năng này về với công nghệ
này đã tạo ra một bộ phận của nhân tài trong nước.
Đến người tài năng là một thế hệ tiếp theo.
Đến hai việc của? Các tài năng này có thể được đưa
đến gần? Nghề. Khuyến khích phát triển.

b/ Nhận xét, đánh giá về chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, công nghệ (đạt trình
độ quốc tế hoặc cao hơn chỉ tiêu của sản phẩm, quy trình, hệ thống tương tự khác trong
nước? nêu địa chỉ so sánh cụ thể. . .)

Khoa công nghệ này đã được nhận được một số nhà đầu
tư quốc gia (quỹ đầu tư) từ các nước ngoài
ngay từ khi cho ra đời. Đặc biệt hơn cho thấy ảnh
hưởng của các nhà đầu tư.

c/ Nhận xét, đánh giá về tình hình được cấp văn bằng bảo hộ

Cung cấp tài năng đã được nhận được các bằng sáng
lưu và tiến bộ kỹ thuật mà Bộ Nội vụ đang đưa
cho phép đưa ra xuất.

Phân loại được thì hầu như chưa có đây
là tài năng chung của nước ta.

4.2. Về hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ

a/ Nhận xét, đánh giá về hiệu quả kinh tế hoặc hiệu quả kinh tế - xã hội đã tạo ra của công trình (đạt hiệu quả rất lớn hoặc hiệu quả lớn; đóng góp rất lớn hoặc đóng góp lớn cho phát triển kinh tế xã hội hoặc quốc phòng-an ninh? thể hiện cụ thể như thế nào?

- Tạo công ăn việc làm cho 110.000 lao động có 2 khu nhập
là 3, 5 triệu đồng/năm. góp phần đi đầu về chi tiêu.
An ninh trị vì. Địch phải thừa hưởng 100% N/mười của cùng
Công trình này.
- góp phần đưa ra ngoài khơi bờ v. công nghệ cho ngành
chào mời gia cầm mới chuy và ngành chăn nuôi mới này

b/ Nhận xét, đánh giá và phân tích những tác động về khoa học của công trình (có đóng góp quan trọng hoặc có đóng góp vào việc thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực khoa học? thể hiện cụ thể như thế nào? ...)

Từ kinh nghiệm của cùng công trình thời gian này đã giúp
chuyển đổi đổi mới kỹ thuật và tiến hành của
đơn vị đưa ra công nghệ của nước nhà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ tên và chữ ký)



Phạm Công Thiệu

-----*-----

**PHIẾU NHẬN XÉT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG VỀ KH&CN NĂM 2005**
(Kèm theo Quyết định số: 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ).

Ủy viên phản biện

☐

Ủy viên

☒

1. Tên công trình (cụm công trình) đề nghị xét thưởng

... Chọn... lập... xây... các... máy... thiết... chế... lập... 1. 10' 9' 12' 18'
... 10' 12' 18' 24' 30' 36' 42' 48' 54' 60' 66' 72' 78' 84' 90' 96' 102' 108' 114' 120'
... 126' 132' 138' 144' 150' 156' 162' 168' 174' 180' 186' 192' 198' 204' 210' 216' 222' 228' 234' 240'

• Đề nghị giải thưởng Hồ Chí Minh

☐

• Đề nghị giải thưởng Nhà nước

☒

2. Tác giả công trình

☐

2.1. Tên tác giả (một người)

2.2. Đồng tác giả

☒

3. Cơ quan chủ trì công trình (nếu có)

4. Các chỉ tiêu nhận xét - đánh giá

4.1. Về giá trị khoa học:

a/ Nhận xét, đánh giá về đổi mới và sáng tạo công nghệ của công trình: đổi mới **đặc biệt quan trọng** (đối với công trình đề nghị giải thưởng Hồ chính Minh) hoặc **quan trọng** (đối với công trình đề nghị giải thưởng Nhà nước) về các mặt như: giải quyết những vấn đề then chốt để cải tiến công nghệ, phát triển hoặc tạo sản phẩm mới; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo điều kiện hình thành và phát triển ngành nghề mới; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, của ngành kinh tế. . . những đổi mới và sáng tạo đó được thể hiện cụ thể như thế nào?

4.2. Về hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ

a/ Nhận xét, đánh giá về hiệu quả kinh tế hoặc hiệu quả kinh tế - xã hội đã tạo ra của công trình (đạt hiệu quả rất lớn hoặc hiệu quả lớn; đóng góp rất lớn hoặc đóng góp lớn cho phát triển kinh tế xã hội hoặc quốc phòng-an ninh? thể hiện cụ thể như thế nào?

- Công trình này mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rất to lớn, rất thay đổi nước Việt, từ đây các người dân và dân nước Việt Nam
- Góp phần to lớn mà ít người nghĩ đến người mang sức lực xã
- Đã gây được một làn sóng và các sự kiện khác
- mang lại một kết quả cao cho người dân Việt Nam.

b/ Nhận xét, đánh giá và phân tích những tác động về khoa học của công trình (có đóng góp quan trọng hoặc có đóng góp vào việc thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực khoa học? thể hiện cụ thể như thế nào? ...)

- Các thành tựu về các lĩnh vực khác nhau
- Các lĩnh vực khác nhau liên quan đến công nghệ.

Nhận xét chung: Công trình đã góp phần to lớn vào phát triển và chuyển đổi của Việt Nam. Ở đây và một số nơi khác đang được cho người dân, góp phần cải thiện cuộc sống người dân Việt Nam.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ tên và chữ ký)



Nguyễn Văn (b)

**PHIẾU NHẬN XÉT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG VỀ KH&CN NĂM 2005**
(Kèm theo Quyết định số: 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ).

Ủy viên phản biện

☐

Ủy viên

☒

1. Tên công trình (cụm công trình) đề nghị xét thưởng

... Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng môisở
giống gà nòi, gà ngoại lông màu và tạo con lai để phân
truyền chất nuôi nấng bả.....

• Đề nghị giải thưởng Hồ Chí Minh

☐

• Đề nghị giải thưởng Nhà nước

☒

2. Tác giả công trình

☐

2.1. Tên tác giả (một người)

2.2. Đồng tác giả

☒

3. Cơ quan chủ trì công trình (nếu có)

4. Các chỉ tiêu nhận xét - đánh giá

4.1. Về giá trị khoa học:

a/ Nhận xét, đánh giá về đổi mới và sáng tạo công nghệ của công trình: đổi mới *đặc biệt quan trọng* (đối với công trình đề nghị giải thưởng Hồ chí Minh) hoặc *quan trọng* (đối với công trình đề nghị giải thưởng Nhà nước) về các mặt như: giải quyết những vấn đề then chốt để cải tiến công nghệ, phát triển hoặc tạo sản phẩm mới; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo điều kiện hình thành và phát triển ngành nghề mới; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, của ngành kinh tế. . . những đổi mới và sáng tạo đó được thể hiện cụ thể như thế nào?

Khi chọn lọc → Ng cao ng suất cao hơn so với o
 chọn lọc.
 Nhân thuần : Để khng phải nhập ngoại nu^o - o tr^o tiêu
 Đã thích nghi ở VN -
 Kết quả : Đã được đưa vào C^o nhân g^o g^o - của
 nhà nước.
 Kết quả cm lai đã vượt trội so với g^o thuần

b/ Nhận xét, đánh giá về chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, công nghệ (đạt trình độ quốc tế hoặc cao hơn chỉ tiêu của sản phẩm, quy trình, hệ thống tương tự khác trong nước? nêu địa chỉ so sánh cụ thể. . .)

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt mức ^{đảm nhập n^o} ^{đầu m^o đầu} và cao hơn hẳn so với trước khi chọn lọc -
- Các chỉ tiêu ICT các t^o hợp lại tốt hơn so với ai đ^o / g^o thuần.

c/ Nhận xét, đánh giá về tình hình được cấp văn bằng bảo hộ

Các sản phẩm này đã được cấp văn bằng bảo hộ thuộc cụm C^o này -

4.2. Về hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ

a/ Nhận xét, đánh giá về hiệu quả kinh tế hoặc hiệu quả kinh tế - xã hội đã tạo ra của công trình (đạt hiệu quả rất lớn hoặc hiệu quả lớn; đóng góp rất lớn hoặc đóng góp lớn cho phát triển kinh tế xã hội hoặc quốc phòng-an ninh? thể hiện cụ thể như thế nào?

- Chuyển đổi cơ cấu rất rõ rệt: nhiều công ty tiếp
nụm đổi thay đổi cơ cấu nghề sản xuất nhiều loại
thủ của SX.

b/ Nhận xét, đánh giá và phân tích những tác động về khoa học của công trình (có đóng góp quan trọng hoặc có đóng góp vào việc thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực khoa học? thể hiện cụ thể như thế nào? ...)

- Đây là 1 công trình đã xây dựng hoàn thành theo
hệ thống đóng góp - Công trình này thúc đẩy SX
và mở các hướng kinh tế của phát CN gia cầm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ tên và chữ ký)


Nguyễn Văn Đức

**PHIẾU NHẬN XÉT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG VỀ KH&CN NĂM 2005**
(Kèm theo Quyết định số: 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ).

Ủy viên phản biện

☐

Ủy viên

☒

1. Tên công trình (cụm công trình) đề nghị xét thưởng

Chọn lọc năng cao năng suất, chất lượng một số giống gà, nội, gà ngoại lông màu và tạo còn lại để phát triển chăn nuôi nông hộ.....

• Đề nghị giải thưởng Hồ Chí Minh

☐

• Đề nghị giải thưởng Nhà nước

☒

2. Tác giả công trình

☐

2.1. Tên tác giả (một người)

☒

2.2. Đồng tác giả

3. Cơ quan chủ trì công trình (nếu có)

4. Các chỉ tiêu nhận xét - đánh giá

4.1. Về giá trị khoa học:

a/ Nhận xét, đánh giá về đổi mới và sáng tạo công nghệ của công trình: đổi mới *đặc biệt quan trọng* (đối với công trình đề nghị giải thưởng Hồ chí Minh) hoặc *quan trọng* (đối với công trình đề nghị giải thưởng Nhà nước) về các mặt như: giải quyết những vấn đề then chốt để cải tiến công nghệ, phát triển hoặc tạo sản phẩm mới; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo điều kiện hình thành và phát triển ngành nghề mới; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, của ngành kinh tế. . . những đổi mới và sáng tạo đó được thể hiện cụ thể như thế nào?

- ĐB' Núi nhô vắn dẽ trên chót trong KH công nghệ;
- + Giống gỗ: Tre nà 1 loại con lai nys cl cao. (gỗ màu thò nâu)
- + Các giá đỡ kỹ thuật: (TĐd, Đ' r'g', T'g' l'huai, T'g' giồng b'ng,
- Tổng d'ng công nghệ và Hiên quả K'p-XH. r'ng nà và có hq K'p cao. t'p nà g'p d'ng g'p l'ng M'p th' n'v'.

b/ Nhận xét, đánh giá về chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, công nghệ (đạt trình độ quốc tế hoặc cao hơn chỉ tiêu của sản phẩm, quy trình, hệ thống tương tự khác trong nước? nêu địa chỉ so sánh cụ thể. . .)

- Các chỉ tiêu KTKT là các chỉ số trong nước, khi nào ở mức thấp; thì tiến.

c/ Nhân xét, đánh giá về tình hình được cấp văn bằng bảo hộ

Cần thêm cái vỉ băng chày 'thi' cho đầy đủ.

4.2. Về hiệu quả kinh tế, kinh tế – xã hội và khoa học – công nghệ

a/ Nhận xét, đánh giá về hiệu quả kinh tế hoặc hiệu quả kinh tế- xã hội đã tạo ra của công trình (đạt hiệu quả rất lớn hoặc hiệu quả lớn; đóng góp rất lớn hoặc đóng góp lớn cho phát triển kinh tế xã hội hoặc quốc phòng-an ninh? thể hiện cụ thể như thế nào?

b/ Nhận xét, đánh giá và phân tích những tác động về khoa học của công trình (có đóng góp quan trọng hoặc có đóng góp vào việc thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực khoa học? thể hiện cụ thể như thế nào? ...)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ tên và chữ ký)



TS. Phan Sỹ Hiệp

- Đồ 'Mũi' nhô vắn dẽ trên chớt trong Kê công nghệ:
- + Giống gạc: Đó là 1 loại cỏ lá: rất cao. (gà Mũi thỏ vắn)
- + Các giai đợy kỹ thuật: (Thổ đđ, Ấp ỉg, Tỷ lưưis, Tỷ giồng bẽg,
- Tổng đượ công nghệ và hiều quả Kê-xh. rớng rấ và có hq kê cao. tá là gạc lóit gạc lóit Mũi thỏ vắn..

b/ Nhận xét, đánh giá về chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, công nghệ (đạt trình độ quốc tế hoặc cao hơn chỉ tiêu của sản phẩm, quy trình, hệ thống tương tự khác trong nước? nêu địa chỉ so sánh cụ thể. . .)

- Các chỉ tiêu KTKT là cao và rớ trong nĩ, khi nĩ ở mức 1cha, tiến tiến.

c/ Nhận xét, đánh giá về tình hình được cấp văn bằng bảo hộ

Cần thêm các văn bằng chĩ 'chĩ' cho đầy đủ.

- Đã chọn lọc và kỹ cao định kỹ một giống gà nội (gà ri; gà Mù; gà trăn ...).
- Đã chọn lọc, thuần ois định và kỹ thuần kỹ cao kỹ một 1 số giống gà nội.

b/ Nhận xét, đánh giá về chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, công nghệ (đạt trình độ quốc tế hoặc cao hơn chỉ tiêu của sản phẩm, quy trình, hệ thống tương tự khác trong nước? nêu địa chỉ so sánh cụ thể. ...)

- Kỹ cao kỹ một tỷ giống ri từ 20 - 40 q' (tên 120 quả/năm; giá chi phí TA (0,5 - 0,8 kg TA/kg tỷ (chỉ lý)).
- Kỹ một tỷ giống Têay đạt 144 - 158 quả (tỷ đạt với Tỷ Quê).
- (Chỉ lý 12 tuần tuổi đạt 180 gr; chi phí TA/kg tỷ? là 3 - 3,5 kg).
- giống lý phỉ, cái chôn (tỷ đạt tỷ đạt x' l' của tỷ Quê).
- giống Kabin; Sasso cái chôn (tỷ đạt tỷ đạt x' l' của tỷ Quê).
- Cái tỷ thuần lai: đến cho vào thế lai và định kỹ thuần chôn như tập như.

c/ Nhận xét, đánh giá về tình hình được cấp văn bằng bảo hộ

4.2. Về hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ

a/ Nhận xét, đánh giá về hiệu quả kinh tế hoặc hiệu quả kinh tế - xã hội đã tạo ra của công trình (đạt hiệu quả rất lớn hoặc hiệu quả lớn; đóng góp rất lớn hoặc đóng góp lớn cho phát triển kinh tế xã hội hoặc quốc phòng-an ninh? thể hiện cụ thể như thế nào?

- Kết quả MC khi áp dụng vào SX đã đem lại lợi ích kinh tế lớn, đã giúp phân bổ lại lợi ích tạo nên môi trường sống tốt đẹp; tạo cơ hội, môi trường cho lao động nghệ thuật.

b/ Nhận xét, đánh giá và phân tích những tác động về khoa học của công trình (có đóng góp quan trọng hoặc có đóng góp vào việc thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực khoa học? thể hiện cụ thể như thế nào? ...)

- Có thể giúp làm tăng tỷ lệ tăng trưởng kinh tế như tăng cường các kỹ thuật mới trong ngành nông nghiệp.
- Tạo ra các cấp bậc có trình độ cao hơn các cấp bậc trước đây.
- Tạo ra môi trường sống mới có chất lượng nghệ thuật cao.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ tên và chữ ký)

Hoàng Anh

Nguyễn Văn Tấn.

-----*-----

**PHIẾU NHẬN XÉT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG VỀ KH&CN NĂM 2005**
(Kèm theo Quyết định số: 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ).

Ủy viên phản biện

☐

Ủy viên

☒

1. Tên công trình (cụm công trình) đề nghị xét thưởng

... "Chương trình nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ sản xuất giống lợn nái, gà, vịt, lươn, tôm, cá, hải sản, đặc biệt là..."

• Đề nghị giải thưởng Hồ Chí Minh

☐

• Đề nghị giải thưởng Nhà nước

☒

2. Tác giả công trình

☐

2.1. Tên tác giả (một người)

☒

2.2. Đồng tác giả

3. Cơ quan chủ trì công trình (nếu có)

4. Các chỉ tiêu nhận xét - đánh giá

4.1. Về giá trị khoa học:

a/ Nhận xét, đánh giá về đổi mới và sáng tạo công nghệ của công trình: đổi mới **đặc biệt quan trọng** (đối với công trình đề nghị giải thưởng Hồ chí Minh) hoặc **quan trọng** (đối với công trình đề nghị giải thưởng Nhà nước) về các mặt như: giải quyết những vấn đề then chốt để cải tiến công nghệ, phát triển hoặc tạo sản phẩm mới; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo điều kiện hình thành và phát triển ngành nghề mới; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, của ngành kinh tế. . . những đổi mới và sáng tạo đó được thể hiện cụ thể như thế nào?

Tất nhiên người làm các giống gà như gà Ri, gà Nòi

- Gà Nòi vậy đã chọn lọc này lâu này mới. Gà Ri từ 90 quả trứng/năm/năm lên 120 quả/năm/năm. Khối lượng trứng - trứng đạt 15 tuần mới đạt 14g này mới 12 tuần đạt 11-1,24g một chi phí thức ăn thấp 3,2g. Hiện nay gà Ri đã được Bò đưa vào giống gà/gà nước già.
- Tất nhiên game này mới như gà Vạn Hưng, gà Kabur, Hedy - Puly cũ gars. Gà JASZ đã chọn lọc như trước đã đạt được mức nhất là phát triển mà dùng cân phải nặng tương xứng, với có như cũ này mới đã đạt được 90-95% so với gà Ri gốc - tiếp theo 120 quả trứng/năm - cái này gà này đã được Bò cũng như đang vào giống gà.

b/ Nhận xét, đánh giá về chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, công nghệ (đạt trình độ quốc tế hoặc cao hơn chỉ tiêu của sản phẩm, quy trình, hệ thống tương tự khác trong nước? nêu địa chỉ so sánh cụ thể. . .)

- Gà Ri đạt 120 quả/cả lứa trứng đạt 30 quả. KL mới 12 tuần đạt 1,1-1,24g ở 12 tuần gần 3 tuần mới - chi phí TA trung bình 3,2g, giảm được 0,5-0,8g.
- Gà Vạn Hưng đạt 144-158 quả/ứng đạt tương đương với TA. KL mới 12 tuần đạt 1810-1850 gam - chi phí TA cho 14 tỷ KL cao 3-3,3g.
- Gà Hedy Hedy đạt 121 quả/ứng tương đương với TA, KL mới 12 tuần đạt 1486 chi phí 2,5g TA cho 14 tỷ KL đạt tương đương TA.
- Gà Kabur đạt 182 quả/9/năm - KL mới 12 tuần đạt 2025 gam, chi phí TA thấp 2,65g đạt 95% so với Fseal.
- Gà Sasso SL trứng đạt 197 quả/9/năm - KL mới 12 tuần đạt 2142 gam - chi phí TA cho 14 tỷ KL thấp 2,45g - đạt 95% so với gốc.

c/ Nhận xét, đánh giá về tình hình được cấp văn bằng bảo hộ

- Gà Ai Cập có SL trứng 205-209 quả. Chi phí thức ăn thấp 1,92g cho 10 quả trứng - chất lượng trứng thơm ngon - đẻ nhiều - Nặng nhất đạt tương đương gốc được triển khai nhân rộng và dùng.
- Các cây chuối lá đều cho quả nhiều - chất lượng rất cao - được triển khai nhân rộng.

4.2. Về hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ

a/ Nhận xét, đánh giá về hiệu quả kinh tế hoặc hiệu quả kinh tế - xã hội đã tạo ra của công trình (đạt hiệu quả rất lớn hoặc hiệu quả lớn; đóng góp rất lớn hoặc đóng góp lớn cho phát triển kinh tế xã hội hoặc quốc phòng-an ninh? thể hiện cụ thể như thế nào?

- Việc áp dụng công nghệ công nghệ vào sản xuất giúp tăng năng suất sản phẩm được hiệu quả kinh tế - kinh doanh hiệu quả có các vật liệu - tài nguyên là các nguồn tài nguyên trong sản xuất - các nhà đầu tư mới sẽ mang đến một môi trường đầu tư tốt nhất. Các nhà đầu tư cũng cần việc làm tăng thu nhập của các nhà đầu tư.

b/ Nhận xét, đánh giá và phân tích những tác động về khoa học của công trình (có đóng góp quan trọng hoặc có đóng góp vào việc thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực khoa học? thể hiện cụ thể như thế nào? ...)

- Đã tạo ra được công nghệ tạo ra các công nghệ từ những nguồn vốn đầu tư có thể giúp doanh nghiệp - các nhà đầu tư có thể đầu tư vào các công nghệ mới - xây dựng được hệ thống sản xuất.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ tên và chữ ký)



Hoàng Văn Việt

Hà nội, ngày 7 tháng 4 năm 2005

PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT THƯỞNG CÔNG TRÌNH
ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2005
(Kèm theo Quyết định số 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tên Công trình (cụm công trình) đề nghị giải thưởng:

Chọn lọc năng cao này một, chất lượng một số giống gia nội
gia ngoại lấy máu in tạo còn lại để phát triển nuôi nấng.

2. Tác giả công trình:

2.1. Tên tác giả (một người):

☐

2.2. Đồng tác giả:

☒

3. Quyết định thành lập Hội đồng giải thưởng cấp cơ sở: K' 42. ven / Khen / QĐ.

4. Ngày họp Hội đồng: 8/4/2005

Địa điểm:

Viện Chăn nuôi

5. Đánh giá của thành viên Hội đồng về công trình:

- Đề nghị giải thưởng Nhà nước:

☒

- Không đề nghị:

☐

6. Ý kiến nhận xét hoặc đề nghị khác (nếu có)

VIỆN CHĂN NUÔI
HỘI ĐỒNG GIẢI THƯỞNG CẤP CƠ SỞ

Biểu E1-8
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 7 tháng 4 năm 2005

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
XÉT GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2005
(Kèm theo Quyết định số: 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Những thông tin chung

1. Tên công trình (cụm công trình) đề nghị xét thưởng:
Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nội, gà ngoại lông màu và tạo con lai để phát triển chăn nuôi nông hộ.
2. Quyết định thành lập Hội đồng cấp cơ sở: Số 42 QĐ/VCN-KHCN, ngày 6 tháng 4 năm 2005 của Viện Trưởng Viện Chăn nuôi.
3. Ngày họp Hội đồng: Ngày 7 tháng 4 năm 2005.
Địa điểm: Viện Chăn nuôi.
4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (phiên họp có bỏ phiếu):
...8..../....9.....Gồm:
 - 1/ PGS.TS Hoàng Văn Tiệu – Chủ tịch Hội đồng.
 - 2/ GS.TS. Lê Văn Liên - Phó Chủ tịch Hội đồng.
 - 3/ TS. Nguyễn Quế Côi – Phản biện.
 - 4/ TS. Nguyễn Văn Đức – Ủy viên.
 - 5/ TS. Bạch Thanh Dân – Ủy viên.
 - 6/ TS Nguyễn Hữu Tào – Ủy viên.
 - 7/ TS. Phạm Công Thiếu – Ủy viên.
 - 8/ TS. Phạm Sỹ Tiếp – Thư ký.Vắng mặt: ...01..... người, gồm các thành viên:
 - 1.PGS.TS. Bùi Đức Lũng (có lý do).
5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (phiên họp có bỏ phiếu)
 - 1/ TS. Phùng Đức Tiến – GD Trung tâm Nghiên cứu Gia cầm Thu Phương – VCN.
 - 2/ TS. Phạm Thị Minh Thu – Trung tâm Nghiên cứu Gia cầm Thu Phương – VCN.
 - 3/ ThS. Hoàng Văn Lộc - Trung tâm Nghiên cứu Gia cầm Thu Phương – VCN.

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận đánh giá từng công trình, đối chiếu với từng chỉ tiêu xét thưởng.

2. Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

a) Trưởng Ban: TS. Phạm Sỹ Tiếp

b) Hai uỷ viên:

TS. Phạm Công Thiều

TS. Bạch Thanh Dân

3. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá Hồ sơ đề nghị xét thưởng trên cơ sở cân nhắc, đối chiếu với từng chỉ tiêu đánh giá xét thưởng.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá xét thưởng Hồ sơ được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

4. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

4.1 Kết quả bỏ phiếu của Hội đồng (*số phiếu đề nghị trên tổng số thành viên có mặt*)

- Đề nghị Giải thưởng Nhà nước: $8/8 = 100\%$.
- Không đề nghị giải thưởng: $0/8 = 0\%$.

4.2 Đánh giá, nhận xét về *giá trị khoa học, giá trị công nghệ, hiệu quả kinh tế, hiệu quả kinh tế – xã hội, hiệu quả khoa học - công nghệ* - bởi những giá trị đó mà Hội đồng đề nghị tặng Giải thưởng Nhà nước cho công trình:

+ Về *giá trị khoa học*:

Đây là một công trình quan trọng đã giải quyết được những nội dung cơ bản của cải tiến công nghệ.

- Đã giải quyết được công nghệ giống gà màu thả vườn.
- Đã giải quyết được các quy trình công nghệ gồm các nội dung ảnh hưởng thức ăn, quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng thú y phòng bệnh, ấp trứng thành một quy trình khép kín
- Đã đổi mới, sáng tạo công nghệ, gồm:

+ Đã hình thành và phát triển sản phẩm mới, nâng cao số lượng, chất lượng sản phẩm. Hình thành nghề mới: chăn nuôi gà thịt lông màu trong sản xuất.

- + Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
- Đã nâng cao các chỉ tiêu Kinh tế – Kỹ thuật: Gà lai cho năng suất thịt cao hơn từ 90 – 95% so với gà nội; nâng cao tỷ lệ nuôi sống, khả năng sinh sản...
- Đã xây dựng thành công các mô hình chăn nuôi gà lông màu với quy mô lớn và quy trình kỹ thuật hiện đại, phù hợp với từng vùng sinh thái khác nhau.
- + Về hiệu quả Kinh tế – Xã hội và Công nghệ:

Hiệu quả Kinh tế – Xã hội của công trình là rất lớn:

- Đã góp phần quyết định cho việc nâng cao năng suất sinh trưởng và sinh sản cho gà lông màu, cao hơn hẳn so với gà nội và một số chỉ tiêu cao hơn gà ngoại. Công trình đã góp phần làm tăng số lượng, chất lượng đàn gà lông màu, tăng độ đồng đều và khối lượng cơ thể gà thả vườn, do đó đã làm tăng đáng kể tỷ trọng ngành chăn nuôi gà trên phạm vi cả nước.
- Công trình đã góp phần làm tăng hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi, đã hình thành nghề chăn nuôi gà lông màu cho các vùng, đặc biệt là vùng núi, vùng sâu, vùng xa.
- Kết quả nghiên cứu của công trình có tác động khoa học lớn về con giống (hình thành hệ thống giống hình tháp), về kỹ thuật chăn nuôi gà thịt lông màu công nghiệp. Đã góp phần tiết kiệm được đáng kể phần lớn ngoại tệ nhập giống.

4.3 Kết luận của Hội đồng (để lại những nội dung thích hợp)

Căn cứ vào kết quả đánh giá và kiểm phiếu, Hội đồng kiến nghị Hội đồng giải thưởng cấp Bộ xem xét và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt tặng GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC cho công trình sau:

- Tên cụm công trình: Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nội, gà ngoại lông màu và tạo con lai để phát triển chăn nuôi nông hộ.

- Danh sách đồng tác giả công trình :

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Ghi chú
1.	PGS.TS. Nguyễn Đăng Vang	
2.	PGS.TS. Nguyễn Huy Đạt	
3.	TS. Trần Công Xuân	
4.	TS. Đoàn Xuân Trúc	
5.	TS. Phùng Đức Tiến	
6.	PGS.TS. Bùi Quang Tiến	
7.	ThS. Nguyễn Hữu Tính	
8.	TS. Trần Long	
9.	ThS. Hoàng Văn Lộc	
10.	KS. Nguyễn Thị Hoài Tao	
11.	TS. Phạm Minh Thu	

THƯ KÝ KHOA HỌC CỦA HỘI ĐỒNG

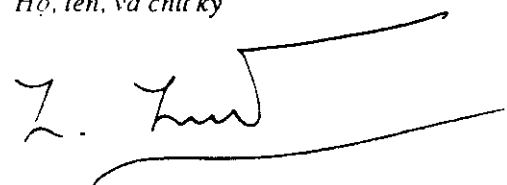
Họ, tên, và chữ ký



TS. Phạm Sỹ Tiếp

P.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Họ, tên, và chữ ký



GS.TS. Lê Văn Liên

XÁC NHẬN CỦA VIỆN CHĂN NUÔI



Trần Trọng Thêm

VIỆN CHĂN NUÔI
HỘI ĐỒNG XÉT GIẢI THƯỞNG CẤP CƠ SỞ

Biểu E1 - 7
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
oOo

Hà Nội, ngày 7 tháng 4 năm 2005

KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT THƯỞNG CÔNG TRÌNH
ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2005
(Kèm theo Quyết định số 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tên Công trình (cụm công trình) đề nghị giải thưởng:

Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nòi, gà
ngon, lông màu và tạo con lai để phát triển chăn nuôi nông hộ

2. Quyết định thành lập Hội đồng giải thưởng cấp cơ sở: H/42 ngày 06/4/2005

3. Ngày họp Hội đồng: H/4/2005

Địa điểm: Hội trường tầng 2 - Viện Chăn nuôi

4. Kết quả bỏ phiếu:

- Số phiếu phát ra: 8

- Số phiếu thu về: 8

- Số phiếu hợp lệ: 8

- Kết quả bỏ phiếu (số phiếu đề nghị trên tổng số thành viên có mặt): 8/8

+ Đề nghị Giải thưởng Nhà nước: ☒

+ Không đề nghị giải thưởng:

5. Kết luận: Đề nghị xét giải thưởng nhà nước về Chọn lọc và Đ.
nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nòi, gà ngon, lông màu và tạo con lai
phát triển chăn nuôi nông hộ

BAN KIỂM PHIẾU
(Họ tên và chữ ký)

Bach Thi Thanh Dân

Phạm Sỹ Trục

Phạm Công Nhân

VIỆN CHĂN NUÔI
HỘI ĐỒNG GIẢI THƯỞNG CẤP CƠ SỞ

Biểu E1- 5
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 7 tháng 4 năm 2005

PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT THƯỞNG CÔNG TRÌNH
ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2005
(Kèm theo Quyết định số 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tên Công trình (cụm công trình) đề nghị giải thưởng:

Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nòi, gà ngan lông mái và tạo con lai để phát triển chăn nuôi nông hộ.

2. Tác giả công trình:

2.1. Tên tác giả (một người):

☐

2.2. Đồng tác giả:

☒

3. Quyết định thành lập Hội đồng giải thưởng cấp cơ sở: Sĩ 42. VEN - KH&CN / QĐ

4. Ngày họp Hội đồng: 7/4/2005.

Địa điểm: Viện Chăn nuôi

5. Đánh giá của thành viên Hội đồng về công trình:

- Đề nghị giải thưởng Nhà nước:

☒

- Không đề nghị:

☐

6. Ý kiến nhận xét hoặc đề nghị khác (nếu có)

(1) Đánh (x) vào một trong hai ô tương đương

**PHIẾU NHẬN XÉT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG VỀ KH&CN NĂM 2005**
(Kèm theo Quyết định số: 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ).

Ủy viên phản biện

☐

Ủy viên

☒

1. Tên công trình (cụm công trình) đề nghị xét thưởng

Chạy lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà rô-
gà ngai, lộn, màu và da, con lai di sản, chăn nuôi ng. hộ...

• Đề nghị giải thưởng Hồ Chí Minh

☐

• Đề nghị giải thưởng Nhà nước

☒

2. Tác giả công trình

☐

2.1. Tên tác giả (một người)

2.2. Đồng tác giả

☒

3. Cơ quan chủ trì công trình (nếu có)

Viện Chăn nuôi

4. Các chỉ tiêu nhận xét - đánh giá

4.1. Về giá trị khoa học:

a/ Nhận xét, đánh giá về đổi mới và sáng tạo công nghệ của công trình: đổi mới *đặc biệt quan trọng* (đối với công trình đề nghị giải thưởng Hồ chính Minh) hoặc *quan trọng* (đối với công trình đề nghị giải thưởng Nhà nước) về các mặt như: giải quyết những vấn đề then chốt để cải tiến công nghệ, phát triển hoặc tạo sản phẩm mới; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tạo điều kiện hình thành và phát triển ngành nghề mới; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, của ngành kinh tế. . . những đổi mới và sáng tạo đó được thể hiện cụ thể như thế nào?

Hà nội, ngày tháng năm 2005

PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT THƯỞNG CÔNG TRÌNH
ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2005
(Kèm theo Quyết định số 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tên Công trình (cụm công trình) đề nghị giải thưởng:

Chọn lọc năng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nội, gà ngoại lông màu và ta con lai để phát triển chăn nuôi nòng hộ

2. Tác giả công trình:

2.1. Tên tác giả (một người):

☐

2.2. Đồng tác giả:

☒

3. Quyết định thành lập Hội đồng giải thưởng cấp cơ sở: NĐ 42 VCN - KH&CN/Q

4. Ngày họp Hội đồng:

7-4-2005

Địa điểm:

viện chăn nuôi

5. Đánh giá của thành viên Hội đồng về công trình:

- Đề nghị giải thưởng Nhà nước:

☒

- Không đề nghị:

☐

6. Ý kiến nhận xét hoặc đề nghị khác (nếu có)

VIỆN CHĂN NUÔI
HỘI ĐỒNG GIẢI THƯỞNG CẤP CƠ SỞ

Biểu E1- 5
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 7 tháng 4 năm 2005

PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT THƯỞNG CÔNG TRÌNH
ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2005
(Kèm theo Quyết định số 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tên Công trình (cụm công trình) đề nghị giải thưởng:

Chọn lọc, nâng cao nếp suất, chất lượng nước ở giếng
nội; giếng khai thác nước và tạo cơn lai để phát triển
Nước Nếp hồ

2. Tác giả công trình:

2.1. Tên tác giả (một người):

☐

2.2. Đồng tác giả:

☒

3. Quyết định thành lập Hội đồng giải thưởng cấp cơ sở: 51/42 RCN - KH. CN/60

4. Ngày họp Hội đồng: 8/4/2005

Địa điểm: Viện Chăn nuôi

5. Đánh giá của thành viên Hội đồng về công trình:

- Đề nghị giải thưởng Nhà nước:

☒

- Không đề nghị:

☐

6. Ý kiến nhận xét hoặc đề nghị khác (nếu có)

Biểu E1- 5
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT THƯỞNG CÔNG TRÌNH
ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2005
(Kèm theo Quyết định số 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ)

"Chon taa, ngy coo ngy mat, chet lachy onat, oo' gung &
not stai luy n-ai vaxtao con cai et' plat tich chon n
ngy ho."

--	--

☒

Địa điểm: vùng này nước

☒

1

- Bỏ' máy' trên' như' 8.5 về' tới' bên' dưới' qua' một' đi'.
- Bỏ' máy' cái' dưới' cái' y' như' trên' đi' tới' - đây' bị' làm' quên' ...
- Kê' khai' trên' như' cái' bỏ' trên' giờ' ở' cái' là' gần' như' này

(1) Đánh (x) vào một trong hai ô tương đương

Hà nội, ngày tháng năm 2005

PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT THƯỞNG CÔNG TRÌNH
ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2005
(Kèm theo Quyết định số 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tên Công trình (cụm công trình) đề nghị giải thưởng:

Chọn lọc năng cao năng suất chất lượng một số giống
gỗ nguyên liệu màu tốt cho con lai để phát triển chăn
nuốt lợn.

2. Tác giả công trình:

2.1. Tên tác giả (một người):

☐

2.2. Đồng tác giả:

☒

3. Quyết định thành lập Hội đồng giải thưởng cấp cơ sở:

Sr 42 VN-KHAN/Q

4. Ngày họp Hội đồng:

7/4/2005

Địa điểm:

Viện Chăn nuôi

5. Đánh giá của thành viên Hội đồng về công trình:

- Đề nghị giải thưởng Nhà nước:

☒

- Không đề nghị:

☐

6. Ý kiến nhận xét hoặc đề nghị khác (nếu có)

Hà nội, ngày 7 tháng 4 năm 2005

PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT THƯỞNG CÔNG TRÌNH
ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2005
(Kèm theo Quyết định số 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tên Công trình (cụm công trình) đề nghị giải thưởng:

Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà Nội,
gà Ngoại lông màu và tạo con lai để phát triển chăn nuôi
nông hộ.

2. Tác giả công trình:

2.1. Tên tác giả (một người):

☐

2.2. Đồng tác giả:

☐

3. Quyết định thành lập Hội đồng giải thưởng cấp cơ sở:

4. Ngày họp Hội đồng: 7/04/2005

Địa điểm: Hội trường tầng II Viện Chăn nuôi

5. Đánh giá của thành viên Hội đồng về công trình:

- Đề nghị giải thưởng Nhà nước:

☐

- Không đề nghị:

☐

6. Ý kiến nhận xét hoặc đề nghị khác (nếu có)

Đây là công trình n/c có giá trị đặc biệt về ý nghĩa thực tiễn
sâu sắc. Nên đề nghị một số nội dung về đời mới công nghệ trong
chăn nuôi gà lông màu và phải xây dựng mô hình chăn nuôi

(1) Đánh (x) vào một trong hai ô tương đương

Hà nội, ngày 7 tháng 4 năm 2005

PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT THƯỞNG CÔNG TRÌNH
ĐỀ NGHỊ GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2005
(Kèm theo Quyết định số 33/2005/QĐ-TTg ngày 15/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tên Công trình (cụm công trình) đề nghị giải thưởng:

Chọn lọc năng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nòi, gà ngoại lông màu và tạo em bé di truyền chân nòi không hổ.

2. Tác giả công trình:

2.1. Tên tác giả (một người):

☐

2.2. Đồng tác giả:

☒

3. Quyết định thành lập Hội đồng giải thưởng cấp cơ sở: Số 42.VCN-KHCN/QĐ

4. Ngày họp Hội đồng:

7/4/2005

Địa điểm:

Viện Chăn Nuôi

5. Đánh giá của thành viên Hội đồng về công trình:

- Đề nghị giải thưởng Nhà nước:

☒

- Không đề nghị:

☐

6. Ý kiến nhận xét hoặc đề nghị khác (nếu có)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN CHĂN NUÔI**

BÁO CÁO TÓM TẮT

**CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ ĐỂ
NGHỊ XÉT THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2005**

CỤM CÔNG TRÌNH

**CHỌN LỌC, NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT
LƯỢNG MỘT SỐ GIỐNG GÀ NỘI, GÀ NGOẠI
LÔNG MÀU VÀ TẠO CON LAI ĐỂ PHÁT
TRIỂN CHĂN NUÔI NÔNG HỘ**

Cơ quan chủ trì công trình: - VIỆN CHĂN NUÔI

Bộ chủ quản:

- BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

- BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Hà Nội, tháng 04/2005

BÁO CÁO TÓM TẮT
CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ
ĐỀ NGHỊ XÉT THƯỞNG VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2005

(Kèm theo quyết định số: 33/2005/QĐ TTG ngày
15/02/2005 của Thủ tướng chính phủ)

- Đề nghị giải thưởng Hồ Chí Minh. ☐
- Đề nghị giải thưởng Nhà nước. ☒

1. Tên cụm công trình đề nghị xét giải thưởng

“Chọn lọc, nâng cao năng suất, chất lượng một số giống gà nội, gà ngoại lông màu và tạo con lai để phát triển chăn nuôi nông hộ”.

2. Lĩnh vực khoa học và công trình

- 2.1. Khoa học tự nhiên ☐
- 2.2. Khoa học xã hội và nhân văn ☐
- 2.3. Khoa học kỹ thuật ☐
- 2.4. Khoa học nông, lâm nghiệp ☒
- 2.5. Khoa học y dược ☐

3. Đặc điểm công trình

- 3.1. Sử dụng ngân sách nhà nước ☒
- 3.2. Không sử dụng ngân sách nhà nước ☐

4. Thời gian thực hiện (1985-2004) ☐☐ ☐☐

5. Cơ quan chủ trì công trình

Viện Chăn nuôi.

6. Bộ chủ quản

Bộ Nông nghiệp và PTNT; Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Tóm tắt chung về công trình

7.1. Bối cảnh hình thành cụm công trình

Chăn nuôi gia cầm có ưu thế chu kỳ sản xuất ngắn, vòng vốn quay nhanh, sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao. Chính vì vậy từ những năm đầu của thập kỷ 50, chăn nuôi gia cầm thế giới đã phát triển với tốc độ nhanh nhờ ứng dụng công nghệ di truyền, chọn lọc giống, cải thiện môi trường, chăm sóc nuôi dưỡng.

Theo số liệu của FAO năm 2003 tổng đàn gà trên thế giới là 45,986 tỷ con, sản lượng thịt tương ứng 65,016 triệu tấn, trứng 55,827 triệu tấn, tốc độ tăng đầu con trong giai đoạn 1993 - 2003 đạt bình quân 5%/năm. Mức tiêu thụ thịt gà/đầu người ở một số nước từ 1994 - 1999 như: Mỹ là 43.9kg; Canada 33,9kg; Thái Lan 13,7 kg; Trung Quốc 11,7 kg.

Ở nước ta từ năm 1973 được sự giúp đỡ của các nước XHCN đặc biệt là Cu Ba hệ thống chăn nuôi gà công nghiệp được hình thành với sự ra đời của các cơ sở như: Xí nghiệp gà giống dòng thuần Tam Đảo, Xí nghiệp gà giống dòng thuần Ba Vì, Xí nghiệp gà Tam Dương, Xí nghiệp gà Lương Mỹ, Xí nghiệp gà Cầu Diễn, Đông Anh (Hà Nội), Xí nghiệp gà Thành Tô (Hải Phòng).

Qua 17 năm hoạt động (1973 - 1990), ngành gà công nghiệp đã tạo ra một khối lượng sản phẩm thịt, trứng tương đối lớn đáp ứng một phần nhu cầu trong nước. Trong giai đoạn 1986 - 1990, do chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, ngành nông nghiệp Việt Nam đã có nhiều khởi sắc với tốc độ phát triển tương đối nhanh nhưng chăn nuôi gà vẫn chỉ đạt tốc độ tăng đầu con 1,97%/năm, mặc dù gà công nghiệp đã chiếm tới 21 triệu con. Chăn nuôi trong nông hộ tuy tạo ra khối lượng sản phẩm lớn nhưng vẫn còn mang tính tự cấp tự túc, nhỏ lẻ, manh mún. Mức tiêu thụ thịt gà/đầu người Việt Nam bình quân rất thấp 1,7 kg thịt hơi, chỉ bằng 12% so với Thái Lan và 14% so với Trung Quốc.

Để phát huy lợi thế so sánh của các vùng, miền và kinh tế hộ, đẩy mạnh chăn nuôi gà, vấn đề đặt ra là phải có bước đột phá thay đổi về công nghệ, đặc biệt là di truyền chọn giống, chăm sóc nuôi dưỡng và thú y phòng bệnh bởi lẽ các giống gà nội tuy có chất lượng thịt, trứng thơm ngon nhưng năng suất thấp, chưa được chọn lọc, quy trình thú y phòng bệnh không được áp dụng đầy đủ nên tỷ lệ nuôi sống chỉ đạt 53%.

Nhằm giải quyết vấn đề trên từ năm 1985, các đề tài trong cụm công trình đã đi sâu chọn lọc nâng cao các giống gà nội, nghiên cứu ứng dụng thành tựu công nghệ tiên tiến của thế giới về gà lông màu, hoàn thiện quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, ấp trứng và thú y phòng bệnh, xây dựng các mô hình có sức lan tỏa rộng trong sản xuất tạo động lực cho sự phát triển chăn nuôi gà ở Việt Nam.

7.2. Các nội dung chủ yếu của cụm công trình

- Nghiên cứu đặc điểm di truyền, chọn lọc nâng cao các tính trạng sản xuất của một số giống gà địa phương như gà Ri, gà Mía, gà Đông Tảo và gà Tàu Vàng.

- Nghiên cứu phát triển các giống gà nhập nội theo mô hình hình tháp như: Moravia, Goldline 54, Tam Hoàng 882, Tam Hoàng Jiangcun, Lương Phượng, Kabir, ISA 57, Sasso, ISA color,...

- Nghiên cứu tạo giống và các tổ hợp lai từ các giống gà nội, gà ngoại có năng suất, chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu sản xuất ở các vùng kinh tế sinh thái.

- Nghiên cứu xây dựng quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, ấp trứng và thú y phòng bệnh để tạo một nền chăn nuôi gia cầm với quy mô và tỷ suất hàng hóa cao hơn trước, thích hợp cho từng vùng sinh thái.

- Nghiên cứu xây dựng mô hình để phát triển chăn nuôi gà trong sản xuất tại nhiều địa phương.

7.3. Đặc điểm chủ yếu của cụm công trình

Kết quả nghiên cứu của cụm công trình (126 công trình khoa học) được triển khai trong khuôn khổ:

7.3.1. Đề tài, dự án cấp Nhà nước (Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước)

- KN 02 - 08 giai đoạn 1991 - 1995: “Xác định tính năng sản xuất của các giống gà trứng cao sản Moravia, Goldline và một số công thức lai mới”.

- KHCN 08 - 13 giai đoạn 1996 - 2000: “Nghiên cứu chọn lọc, nhân thuần nâng cao năng suất và chất lượng một số giống gia cầm trong nước và nhập nội, tạo các tổ hợp lai nhằm phát triển chăn nuôi trong nông hộ”.

- Các dự án sản xuất thử cấp Nhà nước trong chương trình phát triển nông thôn và miền núi.

7.3.2. Đề tài, dự án cấp Bộ

- Đề tài nghiên cứu trọng điểm cấp Bộ giai đoạn 2001 - 2005: “Nghiên cứu chọn tạo một số dòng gà chăn thả Việt Nam năng suất chất lượng cao”.

- Chương trình phát triển giống vật nuôi quốc gia.

- Mô hình khuyến nông chăn nuôi gia cầm.

7.3.3. Đề tài thường xuyên cấp Bộ về chăn nuôi gà

- 9 đề tài thường xuyên cấp Bộ.

7.3.4. Một số dự án hợp tác quốc tế và chương trình quốc gia

- Hợp tác với Công ty Prosperous Farm Limited- Hồng Kông.

- Hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ song phương giữa Việt Nam và Cộng Hoà Séc (1988 - 1990), giữa Việt Nam và Hungari (2002 - 2004).

- Chương trình xóa đói giảm nghèo 135.

Cum công trình gồm 126 đề tài nghiên cứu khoa học được triển khai tại Viện Chăn nuôi, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Trường Đại học Nông nghiệp I, Đại học Nông lâm Huế, Đại học Nông lâm Thái Nguyên và một số tỉnh thành trong cả nước.

Kết quả nghiên cứu đã đi vào sản xuất được các hộ nông dân, cơ sở sản xuất ở các thành phần kinh tế tiếp nhận nhanh chóng, phát triển mạnh mẽ trên diện rộng tạo ra sản phẩm hàng hóa lớn trong cả nước.

8. Tóm tắt những kết quả sáng tạo, đổi mới công nghệ của cum công trình

8.1. Những nội dung của thành tựu khoa học công nghệ chủ yếu

8.1.1. Nghiên cứu chọn lọc nâng cao năng suất một số giống gà nội

Trước thực trạng các giống gà nội bị pha tạp và thoái hóa, cum công trình đã tiến hành chọn lọc định hướng nâng cao năng suất tạo ra 7 dòng, giống gốc quốc gia.

- Giống gà Rhode ri được tạo ra bằng phương pháp tự giao F1 giữa gà Rhode và gà Ri được Bộ Nông nghiệp công nhận là nhóm giống năm 1985.

- Nghiên cứu chọn lọc, nâng cao năng suất thịt, trứng gà Ri, gà Mía, gà Đông Tảo và gà Tàu Vàng.

- Tạo dòng gà nội mới theo phương pháp chọn lọc định hướng ở một số tính trạng sản xuất quan trọng như khả năng cho thịt và sinh sản của các giống gà nội hình thành đàn gà giống gốc được Bộ Nông nghiệp cho duy trì ở các Trại giống gốc của Bộ hiện nay.

- Từ đàn giống gốc, hạt nhân đã cung cấp nhiều con giống tốt cho sản xuất, làm nguyên liệu lai với gà nhập nội tạo các tổ hợp lai đáp ứng nhu cầu của người chăn nuôi.

- Đã nghiên cứu cải tiến quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, thú y phòng bệnh các giống gà nội.

Bảng 1: Năng suất một số giống gà nội đã được chọn tạo

Chỉ tiêu \ Giống	Ri	Mía	Đông Tảo	Tàu Vàng	BT2	Rhoderi	BT1
Nuôi sinh sản							
Tỷ lệ nuôi sống (%)							
- Giai đoạn 0-9 tuần tuổi	95	88	85	94,5	96	98	93,7
- Giai đoạn 10-19 tuần tuổi	97,8	97	92	96	98	98	
- Tỷ lệ hao hụt gà đẻ TB/tháng	0,7	0,8	2	0,9			
Khả năng sinh sản							
- Tuổi đẻ (ngày)	134-135	133-135	150	135	147	147	147
- Số lượng trứng/mái/năm (quả)	128	100-120	75	123	177	201	207
- Khối lượng trứng bình quân (g)	41-42	45,2	54	43	53,6	49,3	54,6
- TTTA cho 10 quả trứng (kg)	2,65	3,6	4,4	2,9	2,3	1,92	1,71
- Tỷ lệ trứng có phôi (%)	96,5-97	90,0	89,2	86,9	95	94	93
- Tỷ lệ gà nở/tổng trứng ấp (%)	78-81	71,9	68,5	79,8	80,2	75 - 76	76
Nuôi thương phẩm thịt							
- Khối lượng cơ thể 12 tuần tuổi (g)	1100-1200	1230	1370	1180	1650	1,4 - 1,5	1,43
- TTTA/1 kg thịt hơi (kg)	3,20	2,99	3,10	3,07	2,8	3,3	32
Tỷ lệ nuôi sống 1-12 tuần tuổi (%)	95-96	96	90	95	96,4	95	95,5

Nhờ có chọn lọc và cải tiến quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, 7 giống gà nội năng suất trứng tăng 25,4%; tỷ lệ phôi, ấp nở cao hơn 15 - 20% thời gian nuôi thịt giảm 30-50% đưa lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho người chăn nuôi.

8.1.2. Nghiên cứu phát triển các giống gà cao sản nhập nội

Các giống gà nội tuy đã được chọn lọc có năng suất cao hơn, chất lượng thịt thơm ngon nhưng năng suất vẫn ở mức thấp so với các giống gà lông màu của thế giới. Để khắc phục tình trạng này góp phần đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gà, con đường ngắn nhất đối với nước ta là phải áp dụng nhanh những thành tựu khoa học công nghệ về di truyền giống của thế giới.

Đi theo hướng này sau 20 năm, cụm công trình đã nghiên cứu thích nghi 31 dòng của 11 giống gà lông màu cao sản nhập nội. Từ nguồn nguyên liệu này đã chọn tạo được 15 dòng giống được công nhận giống gốc quốc gia. Hình thành hệ thống nhân giống hình tháp, giảm bớt ngoại tệ nhập giống phục vụ đắc lực cho sản xuất hình thành ngành chăn nuôi gà lông màu có quy mô hàng hóa.

- Giống gà Moravia của Cộng Hoà Séc nhập năm 1990.
- Giống gà Goldline 54 của Hà Lan nhập năm 1991.
- Gà Tam Hoàng 882 nhập năm 1992, Tam Hoàng Jiangcun của Trung Quốc nhập năm 1995.
- Sasso của Pháp nhập năm 1996.
- Gà Lương Phượng của Trung Quốc nhập năm 1997.
- Gà Kabir của Israel nhập năm 1997.
- Gà Ai Cập nhập năm 1997.
- Gà ISA 57 nhập năm 1999.
- ISA color nhập năm 2000.
- Gà chân thả lông màu Hungary nhập năm 2002.

Các giống gà trên được nghiên cứu tại Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương (Hà Nội), Trung tâm nghiên cứu gia cầm Vạn Phúc (Hà Tây), Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi miền Núi (Thái Nguyên), Xí nghiệp gà giống Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Xí nghiệp gà giống Ba Vì (Hà Tây), Xí nghiệp gà giống Hòa Bình (Hòa Bình), Xí nghiệp gà giống Tam Dương (Vĩnh Phúc), Xí nghiệp gà giống Lương Mỹ (Hà Tây), Xí nghiệp gà giống Châu Thành (Nam Định), Công ty cổ phần Phúc Thịnh (Hà Nội), Trung tâm nghiên cứu phát triển chăn nuôi miền Trung (Bình Định), Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao TBKT thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu và huấn luyện chăn nuôi Bình Thắng (Bình Dương). ... Kết quả nghiên cứu cho thấy các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của một số giống gà nhập nội đều đạt từ 90 - 98% so với nguyên gốc. Như vậy, nhờ áp dụng công nghệ tiên tiến của thế giới chỉ trong vòng từ 3 đến 5 năm đã thích nghi, chọn lọc, nhân thuần được một giống thay vì phải mất 10 - 12 năm để tạo ra một giống mới.

Bảng 2: Năng suất của một số giống gà lông màu nhập nội hướng thịt đã thích nghi từ năm 1992-2004

Chỉ tiêu \ Giống	TH 882	Jiangcun	Lương Phụng	Kabir	Sasso	Isa JA57	Isa Color
Nuôi sinh sản							
+ Tỷ lệ nuôi sống (%)							
- Giai đoạn 0-6 tuần tuổi	96	96	98,5	98	97	97	96,5
- Giai đoạn 7-19 tuần tuổi	95,5	95	97,5	96	95	95	97
+ Khả năng sinh sản							
- Tuổi đẻ (ngày)	138-140	140	138	160	165	154	
- S.L trứng/mái/năm (quả)	144	158	171	187	197	177	179
- K.L trứng bình quân (g)	55	51,8	55,3	57	57,5	59,5	
- TTTA cho 10 trứng (kg)	3,3	2,92	2,6	2,4	2,3	2,4	2,83
- Tỷ lệ trứng có phôi (%)	95	96	96,3	95,2	96,1	87,8	
- TL gà nở/tổng trứng ấp (%)	79,2	80,4	86,7	85,3	78,8	78,8	68,2
Nuôi thương phẩm							
- Khối lượng cơ thể (g)							
+ 9 tuần tuổi				2075	2192	2179	1947
+ 12 tuần tuổi	1850	1810	1986				
- TTTA/1 kg thịt hơi (kg)	3,0-3,2	3,2-3,3	2,5	2,65	2,45	2,48	2,30
TL nuôi sống đến giết thịt (%)	95-97	95-97	96,0	95	93,5	96,3	96

Bảng 3: Năng suất một số giống gà lông màu hướng trứng nhập nội đã thích nghi

Chỉ tiêu \ Giống	Ai Cập	Moravia	Goldline
+ Tỷ lệ nuôi sống (%)			
- Giai đoạn 0-9 tuần tuổi	98,06	96,0	97,8
- Giai đoạn 10-19 tuần tuổi	97,03	95 - 97	95,0
+ Khả năng sinh sản			
- Tuổi đẻ (ngày)	147 - 149	147	147
- Số lượng trứng/mái/năm (quả)	205 - 209	235	276
- Khối lượng trứng bình quân (g)	42,8	56,6	54,0
- TTTA cho 10 quả trứng (%)	1,92	1,7 - 1,9	1,57
- Tỷ lệ trứng có phôi (%)	96,3	93 - 95	91
- Tỷ lệ gà nở/tổng trứng ấp (%)	88,5	85	76 - 78

Các giống gà lông màu nhập nội sau khi nghiên cứu thích nghi, chọn lọc đã phát triển tốt trong điều kiện Việt Nam.

8.1.3. Nghiên cứu các tổ hợp lai phục vụ phát triển chăn nuôi nông hộ

Để tận dụng đặc điểm di truyền chất lượng thịt thơm ngon của các giống gà nội, khả năng sinh sản, sinh trưởng cao của các giống gà ngoại, nhiều đề tài

đã nghiên cứu tạo được 22 tổ hợp lai tổ hợp lai hướng trứng và hướng thịt, có ưu thế lai về khả năng sản xuất và chất lượng sản phẩm, phù hợp với điều kiện chăn nuôi ở các vùng sinh thái Việt Nam.

Các đề tài cũng đã đi sâu nghiên cứu và lựa chọn được nhiều tổ hợp lai giữa các dòng, giống gà ngoại đáp ứng yêu cầu sản xuất.

Bảng 4: Năng suất của một số tổ hợp lai gà lông màu hướng trứng

Chỉ tiêu \ Giống	Ai Cập- Goldline	Moravia 4 dòng	Goldline 4 dòng	Goldline- Rhoderi
+ Tỷ lệ nuôi sống 1-133 ngày (%)	96,5	95,5	96,3	97,0
- Tuổi đẻ (ngày)	136	141	151	148
- Số lượng trứng/mái/năm (quả)	220	242	265	223
- Khối lượng trứng bình quân (g)	53,4	56,4	56 - 57	54-55
- TTTA cho 10 quả trứng (kg)	1,77	1,86	1,61	1,6

Lần đầu tiên ở Việt Nam có 4 tổ hợp lai gà trứng lông màu cho năng suất chất lượng trứng cao được nghiên cứu và chuyển giao vào sản xuất.

Bảng 5: Năng suất các tổ hợp lai hướng thịt

STT	Tên tổ hợp lai	Tuần tuổi	KL cơ thể (kg)	Nuôi sống (%)	TTTA/kg thịt hơi (kg)
1	Trống Đông Tảo x mái Jiangcun	12	1683	96 - 98	2,9 - 3,1
2	Trống Kabir x mái Jiangcun	12	2230	93,3	2,9
3	Trống Rhoderi x mái Jiangcun	12	1550	95	3,2
4	Trống TH 882 x mái Rhoderi	12	1800	94	3,0
5	Trống Kabir x mái F1 (Rhoderi x Jiangcun)	12	2013	94	2,9
6	Trống Mía x mái Kabir	12	1725	89	3,28
7	Trống Ri x mái Kabir	12	1683	93,5	3,17
8	Trống Kabir x mái Ri (VP1)	12	1706	89,9	3,56
9	Trống TH 882 x mái F1 (Rhoderi x Jiangcun)	12	1900 - 2050	94 - 98	3,0
10	Trống Kabir x mái Lương Phượng	12	1635	98	3,06
11	Trống Kabir x mái TH 882	12	1608	98	3,1
12	Trống TH 882 x mái Lương Phượng	12	1550	98	3,2
13	Trống Sasso x mái Lương Phượng	9	2369	96,0	2,4 - 2,5
14	Trống F1 (Sasso x Lương Phượng) x mái Lương Phượng	10	2406	96,0	2,51
15	Trống Sasso x mái ISA color	9	1612	98,5	2,41
16	Trống Kabir x mái ISA	9	1780	96,3	2,32
17	Trống Lương Phượng x mái ISA	9	1773	96,7	2,33
18	Trống S77 x mái ISA	9	1724	98,3	2,37

Từ nhiều công thức lai đã xác định được 18 tổ hợp lai hướng thịt có năng suất cao hơn gà nội từ 25 - 62,5% đáp ứng yêu cầu phát triển chăn nuôi trong nông hộ. Ngoài việc chọn lọc các tính trạng số lượng năng cao năng suất và chất lượng giống gà. Nghiên cứu một số gen ở mức độ phân tử đã được khởi động.

- Bước đầu thành công kỹ thuật đông lạnh tinh dịch gà để tiến tới sử dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo gà góp phần cho công tác chọn lọc và nhân giống gà có hiệu quả hơn.

- Tổ chức nhân giống theo phương pháp ghép gia đình tránh cận huyết và xác định hệ số di truyền, tương quan di truyền các tính trạng sản xuất để lựa chọn phương pháp chọn lọc giống phù hợp có hiệu quả.

- Hệ số di truyền khối lượng cơ thể của gà Mía từ 0,5 – 0,54.

- Hệ số di truyền sản lượng trứng của gà Mía $0,24 \pm 0,14$.

- Hệ số di truyền khối lượng trứng của gà Mía $0,53 \pm 0,014$.

Xác định các hệ số di truyền của gà Tam Hoàng, Jiangcun và xây dựng được các chỉ số chọn lọc kết hợp cho 2 giống gà trên.

- Đã xây dựng phần mềm chương trình quản lý giống gà VPM (Việt Nam Poultry Manager) giúp cho các nhà chăn nuôi có điều kiện tiếp cận với công tác quản lý hiện đại.

8.1.4. Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật

Để khai thác tối đa tiềm năng di truyền của từng dòng, giống, con lai, cum công trình đã hoàn thiện và phổ biến trong sản xuất 15 quy trình chăn nuôi và 2 quy trình ấp trứng.

TT	Tên quy trình	Số lượng
<i>Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà nội</i>		
1	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà Ri	1
2	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà Mía	1
3	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà Rhoderi	1
<i>Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà nhập nội</i>		
4	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà Moravia	1
5	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà Goldline	1
6	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà Tam Hoàng	1
7	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà ISA 57	1
8	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà LV	1
9	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà Kabir	1
10	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà Ai Cập	1
11	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà Sasso	1
12	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà ISA color	1
13	Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà lai nuôi thịt	3
<i>Quy trình ấp trứng nhân tạo</i>		
14	Quy trình ấp trứng gà lông màu	1
15	Quy trình ấp trứng gà Tam Hoàng	1

8.1.4.1. Thức ăn dinh dưỡng

Đã nghiên cứu ứng dụng thành công công nghệ nuôi gà sinh sản, đặc biệt công nghệ cho ăn hạn chế để khống chế khối lượng cơ thể đưa lại năng suất sinh sản cao.

Nghiên cứu ảnh hưởng của các mức protein, năng lượng trao đổi, cân bằng một số axit amin trong khẩu phần ăn đến sinh trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của gà lông màu. Đã có những kết luận cụ thể đối với gà nuôi tập trung và nuôi chăn thả. Gà Tam Hoàng 882 cân được nuôi dưỡng bằng khẩu phần có 2950, 3000 và 3100 kcal năng lượng trao đổi/kg thức ăn 19; 18 và 17% protein thô; 1,05; 0,9 và 0,75% lysine tổng số; 0,78; 0,7 và 0,6% methionine + cystine; 0,69; 0,61 và 0,52% tương ứng với các giai đoạn 0-4; 5-8 và 9 đến kết thúc nuôi. Các nghiên cứu về khoáng đa lượng (canxi, phospho), ứng dụng enzyme phytaza, enzyme avizyme 1502 đã được triển khai để nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng thức ăn đối với gà lông màu.

Trong điều kiện các địa phương ở vùng sâu vùng xa không có nguồn cung cấp bột cá sau 4 tuần có thể thay thế bột cá bằng khô dầu đậu tương để hạ giá thành thức ăn. Trong khẩu phần thức ăn nuôi gà thịt có thể sử dụng bột sản khô với tỷ lệ 15 và 20% tương ứng trong giai đoạn 5-8 và 9-12 tuần tuổi.

Một số nghiên cứu đã đưa ra công thức thức ăn đậm đặc và thức ăn hỗn hợp để nuôi gà Ri và gà Mía từ nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương, giá thành có thể giảm được khoảng 30% so với thức ăn công nghiệp bán trên thị trường.

Đã có quy trình nuôi giun đất, chế biến bột giun khô hoặc chế biến bột lá sản để sử dụng trong chăn nuôi gà lông màu có hiệu quả.

Nuôi giun đất: Sử dụng giun quế nuôi cấy trên nguồn thức ăn (Rơm ure 30%, lá cây 30%, phân gia súc 40%) ủ thành đống, trát bùn sau 15 ngày cấy giun giống. Sau 30 ngày thấy xuất hiện phân giun thì có thể thu hoạch và chế biến thành bột giun làm thức ăn cho gà.

Những kết quả này đã được thực hiện ở Tuyên Quang và Thái Nguyên góp phần làm giảm giá thành, nâng cao hiệu quả chăn nuôi tại nông hộ miền núi.

8.1.4.2. Ấp trứng

Ấp trứng là một khâu quan trọng trong quy trình công nghệ sản xuất con giống. Do trứng giống gà lông màu có khối lượng và đặc điểm cấu tạo khác so với trứng giống gà công nghiệp, để nâng cao tỷ lệ ấp nở một số đề tài đã triển khai nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ ấp nở như: Nhiệt độ, ẩm độ, mật độ trứng, bảo quản, kỹ thuật khử trùng trứng, chế độ ấp... Từ kết quả thu được của các thí nghiệm đã hoàn thiện được quy trình ấp trứng gà lông màu đơn kỳ.

đa kỳ cho tỷ lệ nở cao 86 - 87%/trứng ấp, tương đương các nước có ngành chăn nuôi gia cầm tiên tiến trên thế giới.

Từ những nguyên lý cơ bản của quá trình ấp trứng và mẫu máy nhập nội đã nghiên cứu, cải tiến, sản xuất nhiều loại máy ấp với công suất khác nhau có giá thành thấp cho tỷ lệ ấp nở cao phục vụ phát triển chăn nuôi trong nông hộ và trang trại, giảm một lượng đáng kể ngoại tệ để nhập khẩu.

8.1.4.3. Thú y phòng bệnh

Trong chăn nuôi gia cầm, thú y là giải pháp có ý nghĩa quan trọng để nâng cao các chỉ tiêu kỹ thuật và hiệu quả kinh tế. Đồng thời với việc nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật khác, quy trình thú y phòng bệnh đã được áp dụng một cách có chọn lọc trên đối tượng gà lông màu cho kết quả tốt.

8.1.5. Xây dựng mô hình chăn nuôi gà trong nông hộ

Để chuyển tải các kết quả nghiên cứu vào sản xuất, cần phải có những mô hình trình diễn cho bà con nông dân tham quan học tập. Với nhận thức đó, nhiều đề tài, dự án trong cụm công trình đã ứng dụng những TBKT về giống, chăm sóc nuôi dưỡng, thú y phòng bệnh xây dựng được nhiều mô hình đưa lại hiệu quả kinh tế cao và có sức lan tỏa rộng.

Đã tổ chức hàng trăm lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật cơ sở, bà con nông dân, cung cấp tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tờ gấp chăn nuôi gà lông màu cho các hộ chăn nuôi cho hầu hết các tỉnh thành trong cả nước.

Nhiều mô hình nuôi gà lông màu đã được xây dựng thành công ở các vùng:

Đồng bằng Sông Hồng: Đã xây dựng mô hình tại các hộ nông dân ở Gia Lâm, Đông Anh (Hà Nội), Tiên Du (Bắc Ninh), Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Tây...

Chăn nuôi gà tại hộ gia đình, 10 tuần tuổi gà Sasso đạt từ 2,0-2,7 kg; gà Kabir đạt từ 1,7-2,5 kg; gà Tam Hoàng đạt từ 1,4-2,0 kg. Do thức ăn tự phối trộn nên giá thành thức ăn biến động từ 2.800-3.000 đồng/kg nên chi phí thức ăn cho 1 kg thịt thấp, từ 7.200 đến 10.000 đồng.

Do thực hiện đúng quy trình thú y và chăm sóc nuôi dưỡng nên tỷ lệ nuôi sống cao đạt 95-98%. Các mô hình nuôi từ 70 - 100 gà thịt mang lại hiệu quả cao cho người chăn nuôi.

Vùng trung du miền núi: Đã xây dựng các mô hình tại Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, Thanh Hóa, Phú Thọ, Vĩnh Phúc...

Kết quả mô hình nuôi gà Lương Phượng và Tam Hoàng tại hộ gia đình có quy mô gà thịt từ 30-100 gà/lúa và nuôi gà sinh sản với quy mô 30 - 50 mái/hộ tại xã Nhân Mục, Hàm Yên-Tuyên Quang: 8 tháng để đã mang lại thu nhập

đáng kể cho các gia đình. Lãi bình quân 1 hộ là 521.500 đồng. Lãi suất trên vốn đầu tư trực tiếp là 18,4% và giá trị 1 ngày công đạt 21.580 đồng.

Nuôi gà thịt với quy mô 30 gà/lứa sau 4-5 tháng nuôi thu lãi từ 73.000 - 93.000 đồng/lứa. Lãi xuất trên vốn đầu tư trực tiếp là 8,8-11%, giá trị một công lao động từ 14.200 - 15.330 đồng.

Nếu nuôi quy mô 100 gà/lứa sau 4-5 tháng nuôi thu lãi 455.200 đồng/lứa. Lãi xuất trên vốn đầu tư trực tiếp là 17,86% với giá trị một ngày công là 18.670 đồng.

Các tỉnh miền Trung: Đã xây dựng nhiều mô hình tại Bình Định, Phú Yên, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa... Nuôi gà thịt với quy mô 50 - 100/lứa gà Lương Phượng, Lương Phượng lai, Tam Hoàng sau 2,5 - 3 tháng nuôi thu lãi tương ứng từ 250.000 - 500.000 đồng/lứa góp phần tăng thêm giá trị nông nghiệp cho các tỉnh miền Trung.

Các tỉnh miền Nam: Đã xây dựng các mô hình tại Long An, Bình Dương, Đồng Nai, Tiền Giang, Cần Thơ... Nhiều mô hình nuôi thịt quy mô lớn hơn 1.000 con đã đạt mức lợi nhuận trên 100 triệu/hộ/năm.

Từ việc tổng kết hiệu quả kinh tế, chăn nuôi gà lông màu với các quy mô khác nhau đã giúp người chăn nuôi tham khảo và lựa chọn quy mô phù hợp.

8.2. Nội dung bảo mật (Không có)

8.3. So sánh kết quả nghiên cứu đạt được của cụm công trình

8.3.1. Các giống gà nội

Các giống gà nội thông qua chọn lọc đã nâng cao được năng suất hơn nhiều so với trước đây:

Gà Ri qua nhiều đời chọn lọc có ngoại hình cân đối màu lông vàng rơm đặc trưng, tỷ lệ nuôi sống từ 1-6 tuần tuổi đã được nâng cao lên 98%. So với trước đây 73% thì kết quả của đề tài vượt hơn 25%. Chúng tỏ gà Ri qua chọn lọc có tỷ lệ nuôi sống cao và sức đề kháng tốt.

Tuổi đẻ của gà Ri chọn lọc là 135 ngày sớm hơn 19 ngày so với kết quả trước đây. Sản lượng trứng của gà Ri từ 102 quả/mái/năm tăng lên 128 quả. Tỷ lệ trứng có phôi, tỷ lệ ấp nở cũng tăng hơn 8-10%.

Trước đây, gà Ri nuôi thương phẩm 20 - 25 tuần đạt khối lượng cơ thể 1.100-1.200 g ngày nay chỉ cần 12 tuần tuổi đạt khối lượng nêu trên.

Tiêu tốn thức ăn cho 1kg thịt gà là 3,5kg trong khi đó kết quả nghiên cứu công bố năm 1985 của một số tác giả là 5,7kg. Rõ ràng gà Ri hiện nay đã có năng suất khác với gà Ri trước đây. Chăn nuôi gà Ri đúng phương pháp có hiệu quả kinh tế rõ rệt.

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của gà Tàu vàng tại Đông Nam bộ tương tự như gà Ri.

Các kết quả nghiên cứu chọn lọc gà Mía và gà Đông Tảo cho thấy năng suất cũng đã được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ nuôi sống trước đây chỉ đạt 60-70% đến nay đã được nâng lên 85-90%. Sản lượng trứng/năm trước đây chỉ đạt 60-70 quả nay đã được nâng lên 110-120 quả (tăng 53,8%). Khối lượng cơ thể gà Mía 12 tuần tuổi đạt 1.230g; tiêu tốn thức ăn cho 1 kg thịt là 2,9kg.

8.3.2. Các giống gà nhập nội

Các giống gà nhập nội được nghiên cứu một cách đồng bộ như di truyền chọn giống, thức ăn dinh dưỡng, ấp trứng và thú y phòng bệnh từ đó có cơ sở khoa học để phát triển vào sản xuất.

Các giống gà Goldline, Moravia, Ai Cập, Tam Hoàng, Lương Phượng, Kabir, ISA JA57, ISA color, Sasso... đều đạt tỷ lệ nuôi sống cao 95 - 98% trong các giai đoạn con, dò, hậu bị, sinh sản. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng đạt 92 - 97% so với nguyên gốc. Tỷ lệ phôi đạt 95 - 97%, tỷ lệ nở/tổng trứng ấp 84 - 86% tương đương nguyên gốc.

8.3.3. Các tổ hợp lai

8.3.3.1. Các tổ hợp lai hướng trứng

Đã tạo được các tổ hợp lai hướng trứng cho năng suất trứng đạt 220 - 265 quả/mái/năm tùy từng công thức lai, cao hơn gà Ri 2,1 lần. Con lai giữa gà Ai Cập - Goldline có chất lượng trứng thơm ngon không thua kém trứng gà nội.

8.3.3.2. Các tổ hợp lai hướng thịt

Các tổ hợp lai hướng thịt có tỷ lệ nuôi sống cao 94 - 96% với ưu thế lai 4 - 6%. Thời gian nuôi thịt rút ngắn từ 15 tuần xuống còn 9 - 12 tuần, khối lượng cơ thể tùy từng công thức lai đạt từ 1,6 - 2,4 kg so với 1,1 - 2,2 kg, cao hơn trung bình khoảng 15%. Năng suất thịt cao, tỷ lệ thân thịt 71,9 - 72,48%, tỷ lệ thịt đùi 19,9 - 21,76%, tỷ lệ thịt ngực 18,96 - 20,87%. Chất lượng thịt thơm ngon, tỷ lệ protein thịt ngực 22,4 - 22,7%; thịt đùi 18,8 - 18,9%; Lipid 0,51 - 1,6%; khoáng 1,16 - 1,24%; thành phần các axit amin quan trọng trong thịt cũng đã được xác định thông qua các thiết bị phân tích hiện đại: glutamic 2,324 - 2,931%; methionine 0,489 - 0,521%; threonine 0,754 - 0,937%; agrinine 1,21 - 1,34%; phenylalamine 0,755 - 0,821%; leucine 1,487 - 1,673%...

Các nghiên cứu về dinh dưỡng thức ăn đã phát huy tối đa tiềm năng di truyền con giống và giảm chi phí thức ăn xuống 7 - 10%.

Một số nghiên cứu xây dựng công thức thức ăn đậm đặc và thức ăn hỗn hợp hướng dẫn cho nông dân tự sản xuất từ nguyên liệu sẵn có ở địa phương.

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng và hoàn thiện quy trình ấp nở đã tăng tỷ lệ ấp nở cao hơn 4 - 6% góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi gà sinh sản.

Đã sản xuất và chuyển giao trên 200 máy ấp công nghiệp cho các vùng miền trong cả nước.

8.4. Tình hình ứng dụng công nghệ

Từ năm 1995 sau khi đã nghiên cứu chọn lọc nâng cao năng suất giống gà Ri, đánh giá đầy đủ các chỉ tiêu năng suất và có quy trình chăn nuôi phù hợp. Đàn gà Ri giống gốc của Trung tâm nghiên cứu gia cầm Vạn Phúc mỗi năm sản xuất khoảng 70.000 gà con bố mẹ 1 ngày tuổi cung cấp cho hầu hết các tỉnh miền Bắc. Từ đó sản xuất ra hàng triệu gà Ri thương phẩm. Nhiều hộ nông dân nuôi gà Ri được chọn lọc theo quy trình hướng dẫn phù hợp đã có hiệu quả kinh tế cao.

Tại một số địa phương như Hà Tây, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hà Nội... đã hình thành nhiều trang trại chăn nuôi gà Mía và gà Đông Tảo có quy mô chăn nuôi từ 100 - 500 gà mái đẻ, đưa lại hiệu quả kinh tế cho hộ nông dân.

- Đối với các giống gà nhập nội và con lai sau khi nghiên cứu đã được phát triển mạnh mẽ trong sản xuất trên phạm vi toàn quốc đạt 90 triệu con năm 2003 (tương đương 30 triệu con tại thời điểm thống kê ngày 01/08) góp phần quan trọng đưa tổng đàn gà tăng từ 80,18 triệu con năm 1990 lên 185 triệu con năm 2003 với tốc độ tăng đều con trung bình 9,33%/năm cao gấp 5,5 lần so với giai đoạn 1986 - 1990.

Phát triển gà lông màu năng suất, chất lượng cao đã trở thành giải pháp quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn của các địa phương.

Từ việc phát triển gà lông màu đã góp phần đẩy mạnh kinh tế hộ và kinh tế trang trại đưa số trang trại chăn nuôi gia cầm lên 2.260 vào năm 2003. Nhiều trang trại quy mô hàng nghìn con mái sinh sản với hệ thống máy ấp đồng bộ có thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm.

Các quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, thức ăn dinh dưỡng, ấp trứng, thú y phòng bệnh đã được người chăn nuôi tiếp nhận và ứng dụng rộng rãi trong sản xuất đưa lại hiệu quả kinh tế cao góp phần tăng tỷ lệ nuôi sống.

8.5. Hiệu quả kinh tế

Trong những năm 80 gà Rhode ri đã góp phần chuyển giao giống mới về chăn nuôi gà cho các hợp tác xã và hộ gia đình từ 5000-12.000 con/năm ở nhiều tỉnh miền Bắc nước ta.

Từ năm 1990 đến 2004, cụm công trình đã đưa vào sản xuất tổng số gà ông bà là 212,450 nghìn con với giá thành sản xuất 106.000 đ/con trong khi đó nếu phải nhập là 650.000 đ/con, như vậy số tiền giảm do không phải nhập giống ông bà là: 116,85 tỷ đồng.

Tổng số gà bố mẹ được tạo ra trong các năm là: 5.744,4 nghìn con. Như vậy, trong trường hợp không tự sản xuất được gà bố mẹ từ gà ông bà, chúng ta phải nhập gà bố mẹ thì kinh phí là rất lớn (giá nhập khẩu giống bố mẹ Tam Hoàng, Lương Phượng: 27.000 đ/con; Kabir, Saso, Isa, JA 57 và các giống khác: 125.000đ/con. Giá thành sản xuất 1 gà bố mẹ từ đàn ông bà tái tạo đối với Lương Phượng, Tam Hoàng 7.000đ/con, giảm chi phí 20.000đ/con. Đối với gà Kabir, Saso và các giống gà khác giá thành 25.000đ/con, giảm chi phí 100.000đ/con). Tổng tiền giảm do không phải nhập là 8.354 tỷ đồng.

Tổng số gà thương phẩm được chuyển giao vào sản xuất trong 14 năm qua là 417,724 triệu con trong đó có 408,472 triệu gà nuôi thịt và 9,252 triệu con gà nuôi lấy trứng.

Số sản phẩm thịt sản xuất ra là 743,36 nghìn tấn và 151,23 triệu quả trứng trong 14 năm.

Giá thành 1 kg gà thịt gà 11.500 đ, giá bán trung bình 14.000 đ, thu lợi 2.500đ/kg. Giá thành quả trứng 450đ/quả; giá bán trung bình 600đ/quả, thu lợi 150 đ/quả.

Số tiền làm lợi từ sản phẩm trứng là: 22,7 tỷ đồng.

Lợi nhuận thu được từ gà thương phẩm trong 14 năm qua là: 1.858,4 tỷ đồng.

Tổng tiền làm lợi: 10.236 tỷ đồng.

8.6. Hiệu quả kinh tế - xã hội và khoa học công nghệ

8.6.1. Hiệu quả kinh tế - xã hội

Phát triển chăn nuôi gà lông màu đã góp phần hình thành nhiều trang trại, gia trại hàng hóa. Với 90 triệu gà lông màu/năm đã tạo thêm việc làm cho 110.000 lao động có thu nhập trung bình 3,5 triệu đồng/năm.

Tạo ra khối lượng sản phẩm thịt hàng hóa hơn 153 nghìn tấn góp phần đáp ứng nhu cầu trong nước về nguồn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao với tổng giá trị 2.100 tỷ đồng.

Gà lông màu thả vườn thích hợp với chăn nuôi hộ gia đình đã góp phần xóa đói giảm nghèo cho nhiều hộ gia đình có ít vốn đầu tư nhất là vùng trung du, miền núi. Phát triển chăn nuôi gà lông màu đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Các công trình nghiên cứu và chuyển giao góp phần nâng cao trình độ ứng dụng khoa học kỹ thuật làm cho tập quán chăn nuôi gà có sự thay đổi cơ bản từ chăn nuôi quảng canh, ít đầu tư, năng suất thấp không hiệu quả kinh tế sang chăn nuôi thâm canh và bán thâm canh có đầu tư mức độ, đổi mới công nghệ lựa chọn giống nuôi, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, ấp trứng, tiêm phòng và sử dụng thuốc thú y hợp lý đã làm cho năng suất chăn nuôi tăng lên.

Đã áp dụng các công nghệ cao trong việc nhân giống chọn lọc giống và ấp trứng gà công nghiệp, phát triển nhanh rộng khắp các giống gà có năng suất chất lượng cao.

Cụm công trình đã góp phần quan trọng vào việc hình thành nghề chăn nuôi gà lông màu năng suất, chất lượng cao có quy mô sản xuất hàng hóa.

8.6.2. Hiệu quả khoa học công nghệ

Những người làm công tác giống gia cầm đã tiếp thu và sử dụng tốt công nghệ chọn lọc, nhân giống gia cầm hiện đại theo mô hình hình tháp của thế giới theo dõi năng suất cá thể, ghép phối theo đơn vị huyết thống đánh giá giá trị giống bằng phân tích di truyền từ đó xác định phương pháp chọn lọc và quyết định chọn lọc có hiệu quả. Đã xây dựng nguồn gen gà nội, gà ngoại quý (7 giống gà nội, 15 dòng gà ngoại) làm cơ sở cho công tác lai tạo.

Các nghiên cứu về giải pháp kỹ thuật như: thức ăn, dinh dưỡng, mức ăn hạn chế để khống chế khối lượng, ấp trứng, thú y phòng bệnh đã giúp cho người chăn nuôi nhận thức được vai trò của protein, cân đối axit amin, năng lượng và các premix bổ sung, chế độ ấp hợp lý trong chăn nuôi gà.

Kết quả cụm công trình đã có hàng chục lớp tập huấn, hướng dẫn chăn nuôi gà và đã giúp đỡ nhiều gia đình phát triển chăn nuôi đúng phương pháp đưa lại hiệu quả kinh tế cao.

Trong khuôn khổ cụm công trình đã tham gia đào tạo trên 100 sinh viên tốt nghiệp đại học của các trường Đại học Nông nghiệp, Sư phạm và Khoa học Tự nhiên. Đã đào tạo thành công 4 tiến sỹ chuyên ngành chăn nuôi và 16 thạc sỹ chuyên ngành (có phụ lục kèm theo).

8.7. Các giải thưởng KHCVN đã giành được của công trình

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm khen thưởng
1	Giải thưởng “Bông lúa vàng” tại Hội chợ nông nghiệp quốc tế Cần Thơ năm 1997 cho 2 dòng gà Tam Hoàng 882 và Jiangcun.	1997
2	Giải thưởng “Bông lúa vàng” tại Hội chợ nông nghiệp quốc tế Cần Thơ năm 1999 cho 1 số tổ hợp lai để nuôi gà trong nông hộ.	1999
3	Giải thưởng “Bông lúa vàng năm 2000” tại Hội chợ nông nghiệp quốc tế Cần Thơ cho Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương vì có nhiều thành tích nghiên cứu và chuyển giao 1 số giống gia cầm năng suất chất lượng cao cho sản xuất (trong đó có gà lông màu).	2000
4	Giải thưởng: “Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xanh” cho đề tài nghiên cứu: “Quy trình ấp nở đối với trứng gà Tam Hoàng” của trưởng ban chỉ đạo Hội chợ tuần lễ xanh quốc tế Việt Nam năm 2001.	2001
5	Giải thưởng: “Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xanh” cho đề tài nghiên cứu: “Nghiên cứu chọn lọc 2 dòng gà Tam Hoàng 882 và Jiangcun” của trưởng ban chỉ đạo Hội chợ tuần lễ xanh quốc tế Việt Nam năm 2001.	2001
6	Giải thưởng Cúp vàng vì sự nghiệp xanh Việt Nam 2001 cho Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương vì có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu và đưa vào sản xuất các giống gia cầm mới cho năng suất chất lượng cao (trong đó có gà lông màu).	2001
7	Giải thưởng Cúp vàng vì sự nghiệp xanh Việt Nam 2002 cho Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương vì có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu và đưa vào sản xuất các giống gia cầm mới cho năng suất chất lượng cao (trong đó có gà lông màu).	2002
8	Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam 1992-2002 cho Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, đơn vị nhiều năm đạt giải thưởng Bông lúa vàng (trong đó có gà lông màu).	2002
9	Giải thưởng Kovalevskaja cho tập thể cán bộ khoa học nữ Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương vì có nhiều đóng góp trong nghiên cứu và chuyển giao TBKT về gia cầm và sản xuất (trong đó có gà lông màu).	2002
10	Giải thưởng cúp vàng Vì sự nghiệp xanh Việt Nam 2003 cho Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương vì có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu và đưa vào sản xuất các giống gia cầm mới cho năng suất chất lượng cao (trong đó có gà lông màu).	2003

8.8 Văn bằng bảo hộ

a. Bảng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích được cấp trong nước

TT	Tên nội dung văn bằng	Năm cấp
1	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm công nhận TBKT giống gà Moravia	1993
2	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm công nhận TBKT giống gà hướng trứng Goldline	1999
3	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm công nhận dòng gà Tam Hoàng 882 là TBKT	1995
4	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT dòng gà Tam Hoàng Jiangcun	1997
5	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT gà lai Rhoderi x Tam Hoàng 882	1997
6	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT gà lai Rhoderi x mái Jiangcun, gà Tam Hoàng 882 x Rhoderi Jiangcun để nuôi trong nông hộ	1999
7	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT gà thịt lông màu Kabir	1999
8	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT Tổ hợp lai gà địa phương BT2 và gà lông màu	1999
9	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT kết quả chọn lọc dòng gà Tam Hoàng 882 và Jiangcun	2001
10	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT dòng gà ISA-JA 57	2001
11	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT Tổ hợp lai gà Kabir với gà Tam Hoàng Jiangcun	2001
12	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT Tổ hợp lai gà trống Kabir với mái Ri	2001
13	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT dòng gà Kabir CT3	2001
14	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT dòng gà CT3	2001
15	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT quy trình ấp nở đối với gà Tam Hoàng	2001
16	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận TBKT tỷ lệ khoáng Ca, D và Vitamin ADE trong khẩu phần gà đẻ trứng	2001
17	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận dòng thuần gà Ai Cập 3 dòng gà Lương Phượng Lv1, LV2, LV3 là giống gà ông bà.	2004

b. Văn bằng bảo hộ ở nước ngoài (Không có)

9. Về tác giả công trình

9.1. Trường hợp tác giả là cá nhân (Không có)

9.2. Trường hợp đồng tác giả

Họ và tên (và học hàm, học vị)	Ngày, tháng, năm sinh	Nam/ nữ	Cơ quan công tác hoặc quản lý	Địa chỉ cơ quan	Địa chỉ, điện thoại nhà riêng	Thời gian tham gia công trình	Cống hiến khoa học - sáng tạo chủ yếu cho công trình đăng ký xét thưởng
Nguyễn Đăng Vang (PGS. TS)	20/11/1950	Nam	Viện Chăn nuôi	Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội (8362385)	7568032	1985-2004	Chủ nhiệm đề tài KHCN-08-13 từ 1996- 2000.
Nguyễn Huy Đạt (PGS. TS)	10/07/1949	Nam	Trung tâm NCGC Vạn Phúc	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Tây (034825582)	8582510	1985-2004	- Chủ trì đề tài cấp Nhà nước KN02-08 giai đoạn 94-95 về Goldline và Moravia. - Chủ trì tham gia đề tài thường xuyên về giống gà nội 1996-2000. - Chủ trì đề tài trọng điểm cấp Bộ về chọn tạo giống gà chân thả Việt Nam giai đoạn 2001- 2005.

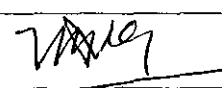
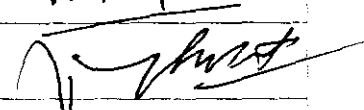
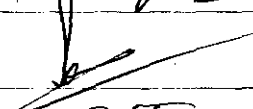
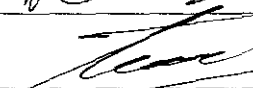
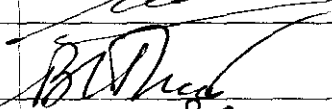
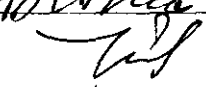
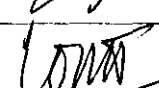
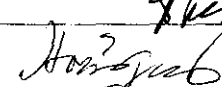
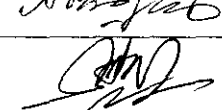
Trần Công Xuân (TS)	13/05/1943	Nam	Hiệp hội Chăn nuôi Gia cầm	Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, Hà Nội	8521412	1986-2003	Nghiên cứu về giống, thức ăn dinh dưỡng, quy trình chăn nuôi và xây dựng mô hình phát triển gà lông màu.
Đoàn Xuân Trúc (TS)	25/05/1950	Nam	TCT Chăn nuôi Việt Nam	274, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	8582257	1988-2004	Nghiên cứu phát triển các giống gà lông màu nhập nội, công thức lai, xây dựng quy trình chăn nuôi.
Phùng Đức Tiến (TS)	24/10/1963	Nam	Trung tâm NCGC Thụy Phương	Thụy Phương-Từ Liêm, Hà Nội (8385622)	7843437	1988-2004	Nghiên cứu về di truyền chọn giống, thức ăn dinh dưỡng, quy trình chăn nuôi và xây dựng mô hình phát triển gà lông màu liên tục từ 1988 đến nay.
Bùi Quang Tiến (PGS. TS)	13/05/1943	Nam	Hội Chăn nuôi Việt Nam (8691511)	62, Trường Chinh, Đống Đa	8624880	1988-2002	Nghiên cứu chọn tạo giống gà Rhoderi, công thức lai nghiên cứu quy trình chăn nuôi.
Nguyễn Hữu Tinh (ThS)	14/12/1967	Nam	Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam	14, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	9/21/5, Đạt Thanh Khuong	1992-2004	Tham gia lai tạo giống gà BT1, BT2; nghiên cứu phát triển trong sản xuất.

				(9100490-8297889)	6. Q. Tân Bình		
Trần Long (TS)	22/08/1947	Nam	Viện Chăn nuôi	Thụy Phương-Từ Liêm, Hà Nội (8385292)	8550073	1985-2004	Tham gia đề tài nghiên cứu giống gà nội, gà ngoại và gà lai. Tham gia đề tài KN02-08 (1991-1995); KHCN-08 (1996-2000).
Hoàng Văn Lộc (ThS)	27/05/1955	Nam	Trung tâm NCGC Thụy Phương	Thụy Phương-Từ Liêm, Hà Nội (8389773)	8766626	1986 đến nay	Nghiên cứu về di truyền chọn tạo các giống gà Tam Hoàng, Lương Phượng, Kabir và các tổ hợp lai gà Goldline, Rhoderi, xây dựng mô hình chăn nuôi gà trong nông hộ.
Nguyễn Thị Hoài Tao (KS)	29/08/1934	Nữ	Hội Chăn nuôi Việt Nam (8691511)	62, Trường Chinh, Đống Đa	TT Nghĩa Đô, Cầu Giấy 8363807		Nghiên cứu chọn tạo giống gà Rhoderi, công thức lai nghiên cứu quy trình chăn nuôi.
Phạm Thị Minh Thu (TS)	24/09/1961	Nữ	Trung tâm NCGC Thụy Phương	Thụy Phương-Từ Liêm, Hà Nội (8389773)	8433320	1986-2004	Nghiên cứu về di truyền chọn tạo các giống gà, nghiên cứu quy trình chăn nuôi, mô hình chăn nuôi gà trong nông hộ.

10. Các cơ quan tham gia chính

TT	Tên cơ quan, tổ chức	Địa chỉ, điện thoại cơ quan	Tên người liên hệ, điện thoại	Triển khai công nghệ và cống hiến chủ yếu của tổ chức
1	Viện Chăn nuôi	Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội (8362385)	Nguyễn Đăng Vang (7568032)	Chủ nhiệm các đề tài KH-CN nghiên cứu về gà lông màu.
2	Trung tâm Nghiên cứu Gia cầm Thụy Phương	Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội (8385622)	Phùng Đức Tiến (0913.571785)	Nghiên cứu giống gà nội, gà ngoại, các công thức lai, quy trình chăn nuôi, xây dựng mô hình.
3	Trung tâm Nghiên cứu Gia cầm Vạn Phúc	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Tây	Nguyễn Hữu Đạt (8340525)	Nghiên cứu giống gà nội, gà ngoại, các công thức lai, quy trình chăn nuôi, xây dựng mô hình.
4	Trung tâm Nghiên cứu Chuyển giao TB Tp Hồ Chí Minh	85/841 Nguyễn Văn Nghi, Gò Vấp (8942474)	Nguyễn Quốc Đạt	Nghiên cứu giống gà nội, gà ngoại, các công thức lai, quy trình chăn nuôi, xây dựng mô hình.
5	Bộ môn Di truyền giống	Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội (8362385)	Trần Long (8385292)	Nghiên cứu di truyền chọn giống gà nội, gà ngoại và gà lai.
6	TCT Chăn nuôi Việt Nam	519 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội (6361417)	Đoàn Xuân Trúc (6361417)	Nghiên cứu các giống gà nhập nội, quy trình chăn nuôi.
7	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam	14, Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (9100490-8297889)	Phạm Văn Biên (9100490-8297889)	Nghiên cứu các giống gà nội, gà lai, quy trình chăn nuôi và chuyển giao TBKT.

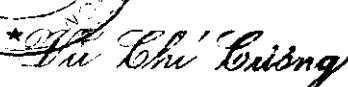
11. Xác nhận của các tác giả công trình

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Chữ ký
1	PGS.TS. Nguyễn Đăng Vang	
2	PGS.TS. Nguyễn Huy Đạt	
3	TS. Trần Công Xuân	
4	TS. Đoàn Xuân Trúc	
5	TS. Phùng Đức Tiến	
6	PGS.TS. Bùi Quang Tiến	
7	Th.S. Nguyễn Hữu Tinh.	
8	TS. Trần Long	
9	Th.S. Hoàng Văn Lộc	
10	KS. Nguyễn Thị Hoài Tao	
11	TS. Phạm Thị Minh Thu	

12. Ý kiến tổ chức xét thưởng cấp cơ sở nơi sáng tạo công trình hoặc tác giả đang làm việc hoặc đang quản lý

Đồng ý đề nghị Hội đồng Bộ xét thưởng giá thưởng như mức cho công trình này.

KT/VIÊN TRƯỞNG VIỆN CHĂN NUÔI 

 * 

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SỸ, TIẾN SỸ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TRÌNH

1. Thạc sỹ

1. Hoàng Văn Lộc - Nghiên cứu một số tính trạng năng suất của dòng gà Goldline tại Viện Chăn nuôi, 1993
2. Nguyễn Thị Khanh - một số đặc điểm về khả năng sinh trưởng, cho thịt và sinh sản của gà Tam Hoàng nuôi tại Hà Nội, 1995.
3. Trịnh Văn Thân - Nghiên cứu kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho gà, 1996.
4. Phạm Thị Minh Thu. Nghiên cứu lai kinh tế giữa gà Rhoderi với Tam Hoàng 882, 1996.
5. Nguyễn Quý Khiêm. Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả ấp nở trứng gà Tam Hoàng và Goldline nuôi tại Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương
6. Lê Thị Nga - Nghiên cứu khả năng sản xuất của gà Đông Tảo và Khả năng cho thịt của con lai giữa gà Đông Tảo và gà Tam Hoàng, 1998.
7. Lê Thị Hồng Dung - So sánh các thế hệ lai giữa gà ta Tiền Giang với gà Tam Hoàng, Ma Hoàng và BT2, 1998.
8. Vũ Ngọc Sơn - Nghiên cứu đặc điểm ngoại hình và tính năng sản xuất của gà Lương Phượng, 1999.
9. Nguyễn Thị Thanh Bình. Nghiên cứu khả năng sinh trưởng của gà Ri nuôi tại hà Tây và Sơn La, 1999
10. Nguyễn Thị Hải - Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và tính năng sản xuất của gà lông màu Kabir, 1999.
11. Hồ Xuân Tùng. Nghiên cứu một số tổ hợp lai gà thả vườn lông màu ở miền Bắc, 2000.
12. Nguyễn Ngọc Dung. Nghiên cứu sức sản xuất của bộ giống gà thịt lông màu ISA-JA 57 nuôi tại xí nghiệp giống Hoà Bình, 2000.
13. Nguyễn Văn Đại. Khảo sát đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng, cho thịt của gà lai F1 (trống Mía x mái Kabir) nuôi nhốt và bán nuôi nhốt tại Thái Nguyên, 2000.

14. Lê Thu Hiền. Nghiên cứu khả năng sản xuất của gà Lương Phượng hoa nhập nội và con thương phẩm, 2001.

15. Nguyễn Hữu Tĩnh. Xác định một số thông số di truyền của một vài tính trạng sản xuất hai dòng gà thả vườn BT2, 2005.

16. Cao Đình Tuấn. Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ xung enzyme avizyme 1502 trong khẩu phần có tỷ lệ cám gạo khác nhau đến năng suất của gà Lương Phượng nuôi thịt. 2005

2. Tiến sỹ

1. Phạm Thị Minh Thu. Xác định năng suất, chất lượng một số tổ hợp lai giữa gà Rhoderi, Tam Hoàng 882 và Jiangcun, 2002.

2. Đào Văn Khanh. Nghiên cứu khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của gà lông màu Kabir, Lương Phượng, Tam Hoàng nuôi bán chân thả ở bốn mùa vụ khác nhau tại Thái Nguyên, 2002.

3. Nguyễn Quý Khiêm. Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả ấp nở trứng gà Tam Hoàng, 2003.

4. Trần Sáng Tạo. Nghiên cứu mức năng lượng, protein trong khẩu phần ăn của gà thả vườn tại Thừa Thiên Huế, 2004.

CÁC BÀI BÁO VÀ BÁO CÁO VỀ NGHIÊN CỨU CHỌN LỌC, NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG MỘT SỐ GIỐNG GÀ LÔNG MÀU TRONG NƯỚC VÀ NHẬP NỘI ĐỂ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI NÔNG HỘ

PHẦN 1: CHỌN TẠO NÂNG CAO NĂNG SUẤT CÁC GIỐNG GÀ NỘI

TT	Tác giả	Năm	Tên bài	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Bùi Quang Tiến và CTV	1985	Báo cáo tạo giống gà Rhoderi	Kết quả nghiên cứu tạo giống gà Rhoderi	Hà Nội
2	Nguyễn Hoài Tao và cộng tác viên Trung tâm NCGC Thụy Phương	1992	Kết quả chọn tạo dòng gà RhodeRi cao sản ổn định màu lông và màu vỏ trứng	Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật chăn nuôi 1985-1990.	Viện Chăn nuôi - 1992
3	Bùi Đức Lũng, Trần Long	1994	Nuôi giữ quỹ gen hai giống gà nội: gà Đông Tảo, gà Mía	Kết quả nghiên cứu bảo tồn nguồn gen vật nuôi ở Việt Nam	NXB Nông nghiệp
4	Nguyễn Hữu Tinh và CS -Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp miền Nam	1996	Chăn nuôi gà thả vườn ở miệt vườn các tỉnh phía Nam	Chăn nuôi	Hội Chăn nuôi Việt Nam
5	Lê Thanh Hải, Nguyễn Hữu Tinh, Lê Thị Hồng Dung, Nguyễn Thị Lê, Đặng Thị Hạnh	1998	Giống gà thả vườn BTI, kết quả nghiên cứu và phát triển trong sản xuất	Nông nghiệp-công nghiệp thực phẩm	Tạp chí khoa học công nghệ và quản lý kinh tế
6	Nguyễn Đăng Vang, Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Lê Thị Nga, Nguyễn Mạnh Hùng	1999	Khả năng sản xuất của gà Mía nuôi tại Thụy Phương	Chuyên san chăn nuôi gia cầm	Hội chăn nuôi Việt Nam
7	Nguyễn Hoài Tao	1999	Vì sao gà Ri vẫn được ưa chuộng	Chuyên san chăn nuôi gia cầm	Hội chăn nuôi Việt Nam, Hà Nội -1999
8	Trần Long, Nguyễn Thị Thu, Bùi Đức Lũng	2000	Bước đầu nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng của gà Ri	Tuyển tập đề tài nghiên cứu năm 2000	
9	Lê Thanh Hải, Đồng Sỹ Hùng,	2001	Một số đặc điểm sinh học của các	Báo cáo khoa học chăn	Thành phố Hồ

	Đặng Thị Hạnh, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Nguyễn Thị Lệ, Nguyễn Hữu Tinh-Viện KHKT Nông nghiệp Việt Nam		đồng gà thả vườn BT2 và năng suất con lai của chúng	nuôi thử y 1999-2000. Phản chạn nuôi gia cầm	Chí Minh 10-12/4/2001
10	Nguyễn Đăng Vang, Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Lê Thị Nga, Nguyễn Mạnh Hùng	2001	Khả năng sản xuất của gà Ri nuôi tại Thụy Phương	Nghiên cứu chọn lọc nhân thuần năng cao năng suất và chất lượng một số giống gia cầm trong nước và nhập nội, tạo các tổ hợp lai nhằm phát triển chăn nuôi trong nông hộ giai đoạn 1996-2000	Báo cáo tổng kết đề tài KHCN-08-13
11	Nguyễn Đăng Vang, Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Lê Thị Nga, Nguyễn Mạnh Hùng	2001	Khả năng sinh sản của gà Đông Tảo	Nghiên cứu chọn lọc nhân thuần năng cao năng suất và chất lượng một số giống gia cầm trong nước và nhập nội, tạo các tổ hợp lai nhằm phát triển chăn nuôi trong nông hộ giai đoạn 1996-2000	Báo cáo tổng kết đề tài KHCN-08-13
12	Trịnh Xuân Cư, Hồ lam Sơn, Lương Thị Hồng, Nguyễn Đăng Vang, Trần Long	2001	Nghiên cứu một số đặc điểm về ngoại hình và tính năng sản xuất của gà Mía trong điều kiện chăn nuôi tập trung	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13 giai đoạn 1996-2000	Hà Nội
13	Dinh Công Tiến, Nguyễn Văn Bắc, Nguyễn Ngọc Dương	2001	Kết quả bước đầu theo dõi đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của gà Tàu vàng miền Nam	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13 giai đoạn 1996-2000	Hà Nội
14	Lê Thị Thuý, Trần Xuân Hoàng, Eiji Kobayashi - Mitsuru	2001	So sánh sự sai khác di truyền trong các giống gia cầm Việt Nam	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13 giai đoạn	Hà Nội

	Minezawwa		bằng kỹ thuật di truyền phân tử (RELP)	1996-2000	
15	Trần Long, Nguyễn Thị Minh Tâm, Hồ Lam Sơn, Lương Thị Hồng, Trịnh Xuân Cư, Nguyễn Đăng Vang	2001	Nghiên cứu xác định hệ số di truyền và tương quan di truyền một số tính trạng sản xuất của gà Mía	báo cáo KH đề tài KHCN 08-13 giai đoạn 1996-2000	Hà Nội
16	Bùi Đức Lũng, Nguyễn Huy Đạt, Vũ Thị Hưng, Nguyễn Thị San, Nguyễn Thanh Sơn, Trần Long	2002	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và tính năng sản xuất của giống gà Ri qua 3 đời chọn lọc, nuôi dưỡng trong điều kiện bán chăn thả ở miền Bắc Việt Nam	Báo cáo khoa học năm 2001. Phân nghiên cứu giống gia cầm	Hà Nội, 2002
17	Đặng Thị Hạnh, Đồng Sỹ Hùng, Trần Văn Tĩnh, Nguyễn Hữu Tĩnh, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Nguyễn Thị Hiệp và ctv-Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam	2004	Nghiên cứu chọn lọc tăng năng suất các dòng gà BT2 để có khả năng cạnh tranh với các giống gà thả vườn nhập nội	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y. Phân chăn nuôi gia cầm	NXB Nông nghiệp
18	Bùi Đức Lũng, Vũ Thị Hưng, Nguyễn Huy Đạt	2004	Tính năng sản xuất của giống gà Ri vàng rom Việt Nam thế hệ xuất phát	Gia cầm	Thông tin KHCN-Sản xuất thị trường
19	Bùi Đức Lũng, Nguyễn Huy Đạt, Vũ Thị Hưng, Trần Long	2004	Đặc điểm ngoại hình và năng suất của gà Ri, vàng rom (VR) Việt Nam ở thế hệ xuất phát qua chọn lọc và nhân giống	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y. Phân chăn nuôi gia cầm	NXB Nông nghiệp
20	Trần Xuân Hoàn, Nguyễn Đăng Vang	2001	Phân tích đa hình AND ở gen hoocmon sinh trưởng của một số giống gà Việt Nam	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13	
21	Trần Xuân Hoàn, Nguyễn Đăng Vang, Lê Đình Lương	2001	Cấu trúc đặc thù Intron I trong gen hoocmon sinh trưởng của một số giống gà Việt Nam	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13	
22	Trần Xuân Hoàn, Nguyễn	2001	Phân tích gen hoocmon sinh	Báo cáo khoa học đề	

	Đặng Vang, Phạm Doãn Lân		trường ở gà Ri bằng kỹ thuật PCR-RFLP	tài KHCN 08-13	
23	Trần Xuân Hoàn, Nguyễn Đặng Vang, Trịnh Xuân Cư	2001	Phân tích đa hình AND trong Intron I gen hormon sinh trưởng của gà Mía	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13	

PHẦN 2: NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN CÁC GIỐNG GÀ CAO SẢN NHẬP NỘI

TT	Tác giả	Năm	Tên bài	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Nguyễn Huy Đạt, Trần Long, Nguyễn Thành Đồng, Đoàn Xuân Trúc, Hà Đức Kính, Đỗ Văn Thăng, Nguyễn Văn Trường, Vũ Đài, Lưu Thị Xuân, Trần Công Xuân, Nguyễn Hoài Tao, Nguyễn Văn Thiện, Trịnh Xuân Cư, Nguyễn Thuý Hiền, Hoàng Văn Lộc, Chu Thị Thắng	1995	Xác định tính năng sản xuất của giống gà cao sản Moravia, Goldline và một số công thức lai mới	báo cáo tóm tắt đề tài KN02-08	
2	Nguyễn Huy đạt, Trần Long, Vũ Đài, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Thị San, Lưu Thị Xuân, Nguyễn Thành Đồng	1995	Xác định tính năng sản xuất của giống gà trứng Goldline 54	Kết quả nghiên cứu KHCN nông nghiệp 1994-1995	NXB Nông nghiệp
3	Bùi Quang Tiến, Trần Công Xuân, Hoàng Văn Lộc, Vũ Thị Thảo	1995	Kết quả nghiên cứu chọn lọc hai dòng gà Goldline tại Viện Chăn nuôi	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật chăn nuôi	NXB Nông nghiệp
4	Trần Công Xuân, Hoàng Văn Lộc, Nguyễn Thị Khanh, Vũ Thị Thảo	1995	Kết quả Nghiên cứu một số đặc điểm về tính năng sản xuất gà Tam Hoàng	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật chăn nuôi	NXB Nông nghiệp
5	Nguyễn Huy Đạt, Đoàn Xuân Trúc, Hà Đức Tính, Trần Long, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Thị	1996	Nghiên cứu tính năng sản xuất của giống gà trứng Moravia và con lai giữa dòng tại xí nghiệp gà	Tuyển tập công trình nghiên cứu KHKT gia cầm	NXB Nông nghiệp

6	Sau, Nguyễn Thành Đồng Đoàn Xuân Trúc, Nguyễn Văn Trung, Đặng Ngọc Dư	1998	giống Tam Dương - Vĩnh Phú Nghiên cứu 1 số đặc điểm và tính năng sản xuất của gà thịt lông màu Kabir	Nông nghiệp-Công nghiệp thực phẩm	Tạp chí khoa học công nghệ và quản lý kinh tế
7	Đoàn Xuân Trúc, Nguyễn Văn Trung, Đặng Ngọc Dư	1999	Nghiên cứu khả năng sản xuất của giống gà thịt lông màu Kabir nuôi tại Việt Nam	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1998-1999. Phân chân nuôi gia cầm	Hà Nội, 1999
8	Trần Công Xuân, Bùi Quang Tiến, Hoàng Văn Lộc và các cộng tác viên	1999	Kết quả nghiên cứu khả năng sản xuất gà thương phẩm Goldline 54	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật gia cầm và động vật mới nhập.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
9	Trần Công Xuân, Hoàng Văn Lộc, Nguyễn Đăng Vang, Nguyễn Thị Khanh, Nguyễn Quốc Đạt	1999	Một số đặc điểm và tính năng sản xuất của gà Tam Hoàng Jiangcun vàng	Chuyên san chăn nuôi gia cầm	Hội chăn nuôi Việt Nam
10	Nguyễn Hoài Tao	1999	Trao đổi và tìm hiểu về gà Tam Hoàng	Chuyên san chăn nuôi gia cầm	Hội chăn nuôi Việt Nam, Hà Nội -1999
11	Đoàn Xuân Trúc, Đỗ Thị Tính, Nguyễn Xuân Bình, Bùi Văn Điệp, Bùi thị Hương, Trần Văn Tiến và ctv	2000	Nghiên cứu khả năng sản xuất của giống gà thịt lông màu ISA-JA57 nuôi tại Việt Nam	Nông nghiệp-công nghiệp thực phẩm	Tạp chí khoa học công nghệ và quản lý kinh tế
12	Đoàn Xuân Trúc, Nguyễn Văn Trung, Đặng Ngọc Dư	2000	Khả năng sản xuất của giống gà Kabir -CT3 nuôi bán chân thả tại Xí nghiệp gà giống Châu Thành	Nông nghiệp-công nghiệp thực phẩm	Tạp chí khoa học công nghệ và quản lý kinh tế
13	Nguyễn Thị Khanh, Trần Công Xuân, Hoàng Văn Lộc, Vũ Quang Ninh.	2001	Kết quả chọn lọc nhân thuần gà Tam Hoàng dòng 882 và Jiangcun vàng tại Trung tâm NCGC Thụy Phương.	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999-2000. Phân chân nuôi gia cầm.	T.P Hồ Chí Minh, 10-12 tháng 4/2001
14	Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Thành Đồng, Lê Thanh Ân, Hồ Xuân	2001	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và tính năng sản xuất của giống gà	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999-2000.	NXB Tp HCM 10-12/4/2001

	Tùng, Phạm Bích Hương và CS		Lương Phượng hoa nuôi tại trại thức nghiệm Liên Ninh	Phần chân nuôi gia cầm	
15	Phạm Việt Anh, Hà Duy Sơn, Nguyễn Văn Vinh, Đoàn Trọng Tuấn	2001	Kết quả nghiên cứu một số đặc điểm và khả năng sản xuất của gà bố mẹ Tam Hoàng 882 số 2 tại miền Trung	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13 giai đoạn 1996-2000	Hà Nội
16	Nguyễn Đức Hưng, Nguyễn Đăng Vang và CTV	2001	Sức sản xuất của một số giống gà mới nhập nội nuôi tại Thừa Thiên Huế	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13 giai đoạn 1996-2000	Hà Nội
17	Trần Long, Nguyễn Thị Minh Tâm, Nguyễn Thị Khanh, Nguyễn Đăng Vang	2001	Xác định hệ số di truyền và tương quan di truyền một số tính trạng sản xuất của gà Tam Hoàng 882, gà Jiangcun và xây dựng phương pháp chọn lọc thích hợp nhằm nâng cao năng suất chất lượng giống	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13 giai đoạn 1996-2000	Hà Nội
18	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Lê Thị Nga, Đỗ Thị Sợi, Nguyễn Thị Mười, Nguyễn Liên Hương, Đào Thị Bích Loan	2002	Kết quả nghiên cứu khả năng sản xuất của 4 dòng gà Kabir ông bà nhập nội nuôi tại Trung tâm NCGC Thụy Phương – Viện Chăn nuôi	Báo cáo khoa học năm 2001. Phần chân nuôi gia cầm	Báo cáo khoa học năm 2001. Hà Nội 2002
19	Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Thành Đồng, Lê Thanh Ân, Hồ Xuân Tùng, Phạm Bích Hương và CS	2002	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và tính năng sản xuất của gà Lương Phượng hoa dòng M1, M2 nuôi tại trại thức nghiệm Liên Ninh	Báo cáo khoa học năm 2001. Phần nghiên cứu giống gia cầm	Hà Nội, 2002
20	Đoàn Xuân Trúc, Đỗ Thị Tính, Hà Đức Tính, Nguyễn Xuân Bình, Bùi Văn Diệp, Trần Văn Tiến, Trần Văn Phượng, Nguyễn Huy Đạt, Trần Long	2004	Nghiên cứu chọn tạo 2 dòng gà thuần chủng HB5 và HB7 của giống gà chuyên thịt lông màu bán chân thả HB 2000	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y. Phần chân nuôi gia cầm	NXB Nông nghiệp
21	Đoàn Xuân Trúc, Nguyễn Văn	2004	Nghiên cứu khả năng sản xuất của	Báo cáo khoa học chăn	NXB Nông

	Xuân, Nguyễn Thị Tiếp, Hoàng Văn Hải, Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Thành Đồng		gà ông bà và bố mẹ Sasso nuôi tại Xí nghiệp gà giống Tam Đảo và Trung tâm NCGC Vạn Phúc	nuôi thú y. Phần chăn nuôi gia cầm	nghịệp
22	Đoàn Xuân Trúc, Hà Đức Tính, Nguyễn Xuân Bình, Bùi Văn Điệp, Trần Văn Tiến, Nguyễn Xuân Dũng	2004	Nghiên cứu khả năng sản xuất của gà ông bà và gà bố mẹ lông màu ISA color nuôi tại Xí nghiệp gà giống Hoà Bình	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y. Phần chăn nuôi gia cầm	NXB Nông nghiệp
23	Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Văn Đồng và CS	2004	Khả năng sản xuất của gà ông bà Sasso nuôi tại miền Bắc Việt Nam	Gia cầm	Thông tin KHCN-Sản xuất thị trường
24	Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Văn Đồng, Lê Thị Thanh Ngân, Phạm Thị Hưng	2004	Kết quả nghiên cứu khả năng sản xuất của gà ông bà Sasso nuôi tại trại thực nghiệm Liên Ninh	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y. Phần chăn nuôi gia cầm	NXB Nông nghiệp
25	Đoàn Xuân Trúc, Hà Đức Tính, Bùi Văn Điệp, Trần Văn Tiến, Nguyễn Xuân Dũng, Nguyễn Xuân Bình	2004	Khả năng thích nghi của gà giống ông bà và bố mẹ ISA color	Báo cáo khoa học 2004	NXB Nông nghiệp
26	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Hoàng Văn Lộc, Bạch Thị Thanh Dân, Lê Thu Hiền, Nguyễn Quý Khiêm, Đỗ Thị Sợi, Nguyễn Liên Hương	2004	Kết quả nghiên cứu khả năng sản xuất của gà Lương Phượng hoa Trung Quốc	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999-2000. Phần chăn nuôi gia cầm.	T.P Hồ Chí Minh, 10-12 tháng 4/2001
27	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Hoàng Văn Lộc, Bạch Thị Thanh Dân, Lê Thu Hiền, Nguyễn Quý Khiêm, Phạm Thị Minh Thu, Phạm Thuỳ Linh	2004	Kết quả chọn tạo 3 dòng gà LV1, LV2, LV3.	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999-2000. Phần chăn nuôi gia cầm.	T.P Hồ Chí Minh, 10-12 tháng 4/2001
28	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Văn Trung, Đặng Ngọc Dư, Lê Thị Nga, Đỗ Thị Sợi, Nguyễn Thị Mười, Nguyễn	2004	Kết quả nghiên cứu khả năng sản xuất của 4 dòng gà Kabir ông bà nhập nội trong dự án giống	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999-2000. Phần chăn nuôi gia cầm.	T.P Hồ Chí Minh, 10-12 tháng 4/2001

29	Liên Hương, Đào Thị Bích Loan Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Lê Thị Nga, Đỗ Thị Sỏi, Nguyễn Thị Mười, Đào Thị Bích Loan, Lê Tiến Dũng	2004	Kết quả nghiên cứu chọn tạo 4 dòng gà Kabir K43, K400, K27, K2700.	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
30	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Đăng Vang, Trần Long, Lê Thị Nga, Đỗ Thị Sỏi, Nguyễn Thị Mười, Đào Thị Bích Loan, Lê Tiến Dũng, Nguyễn Quý Khiêm, Vũ Quang Ninh.	2004	Nghiên cứu chọn tạo hai dòng gà K1, K2.	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
31	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Lê Thị Nga, Đỗ Thị Sỏi, Nguyễn Thị Mười, Đào Thị Bích Loan, Lê Tiến Dũng	2004	Nghiên cứu khả năng sản xuất của gà bố mẹ ISA color nuôi tại Trung tâm NCGC Thụy Phương	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
32	Phùng Đức Tiến, Đỗ Thị Sỏi, Nguyễn Quý Khiêm	2004	Nghiên cứu khả năng sản xuất của gà Sasso (X44) nuôi tại Trung tâm NCGC Thụy Phương	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
33	Phùng Đức Tiến, Nguyễn Thị Mười, Lê Thu Hiền	2004	Kết quả nhân thuần chọn lọc một số tính trạng sản xuất của gà Ai Cập qua 6 thế hệ	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
34	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Đăng Vang, Hoàng Văn Lộc, Bạch Thị Thanh Dân, Phạm Thị Minh Thu, Nguyễn Kim Oanh	2004	Kết quả bước đầu nghiên cứu khả năng sản xuất của 3 dòng gà Sao (Guinea Fowl) nhập từ Hungari	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
35	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Đăng Vang, Hoàng Văn Lộc, Bạch Thị Thanh Dân, Phạm Thị Minh Thu, Nguyễn Kim Oanh	2004	Nghiên cứu khả năng sản xuất của 2 dòng gà Newhampshire và Yellow Godollo nhập từ Hungari	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội

PHẦN 3: NGHIÊN CỨU CÁC TỔ HỢP LAI PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI NÔNG HỘ

TT	Tác giả	Năm	Tên bài	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Bùi Quang Tiến và CTV	1987	Kết quả bước đầu tạo các dòng gà nuôi lấy thịt thích hợp với điều kiện chăn nuôi gia đình	Khoa học và Kỹ thuật nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm
2	Trần Công Xuân, Mạc Thị Quý, Nguyễn Thị Khanh, Nguyễn Hoài Tao, Phạm Thị Minh Thu, Phùng Đức Tiến	1994	Kết quả nghiên cứu lai kinh tế giữa gà Leghorn và gà Rhoderi	Công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật chăn nuôi (1991- 1992)	NXB Nông nghiệp Hà Nội
3	Trần Công Xuân, Mạc Thị Quý, Nguyễn Hoài Tao, Hoàng Văn Lộc, Phạm Thị Minh Thu, Nguyễn Thị Khanh	1995	Kết quả nghiên cứu một số tổ hợp lai hường trứng trên nền gà Rhoderi	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật chăn nuôi	NXB Nông nghiệp
4	Lê Hồng Mận, Lê Hồng Hải, Nguyễn Phúc Độ, Trần Long và CS	1996	Kết quả lai tạo gà thương phẩm trứng giữa giống Rhode Island red với giống gà Leghorn trắng	Tuyển tập công trình nghiên cứu KTKH gia cầm	NXB Nông nghiệp
5	Trần Công Xuân, Nguyễn Hoài Tao, Phạm Thị Minh Thu, Bùi Quang Tiến, Phùng Đức Tiến.	1997	Lai kinh tế giữa gà RhodeRi và gà Tam Hoàng dòng 882	Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật chăn nuôi 1996-1997	Nhà xuất bản nông nghiệp - 1997
6	Phạm Thị Minh Thu, Trần Đình Miên, Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến	1999	Xác định một số tổ hợp lai kinh tế giữa gà Rhoderi, Tam Hoàng 882 và Jiangcun để chăn nuôi hộ gia đình	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1998 – 1999 (Hức 28-30/6/1999) phần chăn nuôi gia cầm	Báo cáo khoa học
7	Lê Thị Nga, Nguyễn Đăng Vang, Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Mạnh Hùng	1999	Khả năng sản xuất của gà Đông Tảo và con lai giữa gà Đông Tảo và gà Tam Hoàng	Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật chăn nuôi 1998 - 1999	NXB Nông nghiệp
8	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Hoài Tao, Hoàng Văn Lộc, Phạm Thị Minh Thu, Nguyễn Thị Khanh, Mạc Thị	1999	Lai kinh tế gà Goldline và RhodeRi	Chuyên san chăn nuôi gia cầm	Hội chăn nuôi Việt Nam, Hà Nội -1999

	Quý.				
9	Trần Công Xuân, Nguyễn Hoài Tao và cộng sự Viện Chăn nuôi	1999	Một số tính năng sản xuất của gà lai Tam Hoàng và RhodeRi	Chuyên san chăn nuôi gia cầm	Hội chăn nuôi Việt Nam, Hà Nội -1999
10	Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Đăng Vang, Vũ Thị Hưng	2000	Nghiên cứu một số công thức lai giữa gà Ri và các giống gà thả vườn khác tạo con lai có năng suất và chất lượng cao	Nông nghiệp – công nghiệp thực phẩm	Tạp chí KHCN và quản lý kinh tế
11	Phạm Thị Minh Thu, Trần Đình Miên, Trần Công Xuân	2001	Nghiên cứu khả năng cho thịt của con lai giữa gà Kabir với gà Rhoderi Jiangcun	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999 – 2000. Phần chăn nuôi gia cầm	Thành phố Hồ Chí Minh, 10-12/4/2001
12	Lê Thị Nga, Nguyễn Đăng Vang, Trần Công Xuân, Trần Long, Đào Thị Bích Loan	2001	Nghiên cứu khả năng cho thịt của tổ hợp lai giữa gà Kabir với gà Tam Hoàng Jiangcun	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999 – 2000. Phần chăn nuôi gia cầm	Thành phố Hồ Chí Minh, 10-12/4/2001
13	Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Đăng Vang, Vũ Thị Hưng và CTV	2001	Nghiên cứu một số công thức lai giữa gà Ri và các giống gà thả vườn khác nhằm tạo con lai có năng suất và chất lượng thịt cao.	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999-2000. Phần chăn nuôi gia cầm	NXB Tp HCM 10-12/4/2001
14	Đào Văn Khanh, Nguyễn Đăng Vang	2001	Nghiên cứu so sánh khả năng sinh trưởng và năng suất chất lượng thịt gà Broiler 3 giống Kabir, Lương Phượng, Tam Hoàng nuôi ở vụ hè thu tại Thái Nguyên	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13 giai đoạn 1996-2000	Hà Nội
15	Nguyễn Văn Đại	2001	Theo dõi khả năng sinh trưởng, sinh sản của gà Kabir, Tam Hoàng, và khả năng cho thịt của gà F1 (trống Mía x mái Kabir) nuôi tại Thái nguyên	báo cáo KH đề tài KHCN 08-13 giai đoạn 1996-2000	Hà Nội
16	Lê Thanh Hải, Nguyễn Hữu Tĩnh, Lê Thị Hồng Dung, Nguyễn Thị Lê, Đặng Thị Hạnh-	2001	Nghiên cứu lai tạo, chọn lọc và nuôi thử nghiệm giống gà đẻ thả vườn (BT1) trong điều kiện chăn	Kết quả nghiên cứu KHCN nông nghiệp 1994-1995	NXB Nông nghiệp

	Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam		nuôi gia đình		
17	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Lê Thị Nga	2002	Nghiên cứu khả năng cho thịt của con lai giữa gà Kabir với gà Lương Phượng hoa	Báo cáo khoa học năm 2001. Phân chân nuôi gia cầm	Báo cáo khoa học năm 2001. Hà Nội 2002
18	Nguyễn Huy Đạt, Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Thành Đồng, Phạm Bích Hương	2002	Nghiên cứu lai giữa gà Lương Phượng với gà Ri nhằm chọn tạo giống gà thả vườn phục vụ chăn nuôi nông hộ	Báo cáo khoa học năm 2001. Phân nghiên cứu giống gia cầm	Hà Nội, 2002
19	Vũ Ngọc Sơn, Nguyễn Huy Đạt,	2003	Đặc điểm sinh trưởng của 3 tổ hợp gà lai F1 Ri x Kabir; F1 Mía x Kabir và F1 Đông Tảo x Kabir	Chăn nuôi	KHKT sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm
20	Nguyễn Huy Đạt, Hồ Xuân Tùng	2004	Khả năng sinh trưởng, phát triển của gà Ri lai R1A và R1B tại Trung tâm nghiên cứu gia cầm Vạn Phúc	Chăn nuôi	KHKT sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm
21	Lê Thị Nga, Nguyễn Đăng Vang, Trần Công Xuân, Trần Long, Đào Thị Bích Loan	2004	Nghiên cứu khả năng cho thịt của tổ hợp lai giữa gà Kabir và gà Tam Hoàng Jiangcun	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
22	Lê Thị Nga, Phùng Đức Tiến, Trần Công Xuân, Đào Thị Bích Loan, Nguyễn Thị Mười	2004	Nghiên cứu khả năng sản xuất của tổ hợp lai giữa gà Kabir và gà Lương Phượng Hoa	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
23	Lê Thị Nga, Nguyễn Đăng Vang, Phùng Đức Tiến, Trần Công Xuân, Đào Thị Bích Loan, Trần Long	2004	Kết quả nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất của tổ hợp lai giữa giống gà Mía, Kabir, Jiangcun	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
24	Phạm Thị Minh Thu, Trần Đình Miên, Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến	2004	Xác định năng suất, chất lượng một số tổ hợp lai giữa gà Rhodri, Tam Hoàng 882 và Jiangcun cho chăn nuôi nông hộ	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
25	Trần Công Xuân, Vũ Xuân Diu,	2004	Nghiên cứu khả năng sản xuất của	Tuyển tập công trình	Nhà xuất bản

	Phùng Đức Tiến, Vương Tuấn Ngọc, Nguyễn Quý Khiêm, Đỗ Thị Sợi, Hoàng Văn Lộc		tổ hợp lai giữa gà trống dòng X44 (Sasso) với gà mái Lương Phượng hoa	nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	nông nghiệp Hà Nội
26	Phùng Đức Tiến, Nguyễn Quý Khiêm, Đỗ Thị Sợi, Lê Thị Thu Hiền, Hà Thị Len	2004	Nghiên cứu khả năng sản xuất của một số tổ hợp lai 3/4 máu Lương Phượng và 1/4 máu Sasso X44	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
27	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Đỗ Thị Sợi, Lê Thị Nga, Nguyễn Thị Mười, Đào Thị Bích Loan, Lê Tiến Dũng	2004	Nghiên cứu khả năng cho thịt của con lai giữa gà ISA color với gà Sasso (X44) Kabir, Lương Phượng	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội
28	Phùng Đức Tiến, Nguyễn Thị Mười, Lê Thị Nga, Đỗ Thị Sợi, Trần Thu Hằng	2004	Nghiên cứu khả năng sản xuất của con lai giữa trống Goldline với mái Ai Cập	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- Công nghệ chăn nuôi gà.	Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội

PHẦN 4: CÁC GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

TT	Tác giả	Năm	Tên bài	Tên sách	Nhà xuất bản
<i>Nghiên cứu về thức ăn dinh dưỡng</i>					
1	Bộ môn thức ăn và Dinh dưỡng gia súc, Bộ môn và Trại chăn nuôi gia cầm-Viện Chăn nuôi	1985	Một số kết quả nghiên cứu xác định tiêu chuẩn khẩu phần cho gà Rhoderi	Kết quả nghiên cứu tạo giống gà Rhoderi	Hà Nội 1985
2	Phạm Công Thiệu, Vũ Duy Giảng	2004	Nghiên cứu xác định canxi, photpho thích hợp và ảnh hưởng của việc bổ sung vitamin ADE đến hiệu quả sử dụng canxi, photpho trong khẩu phần gà sinh sản hướng trứng	Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ chăn nuôi gà	NXB Nông nghiệp
3	Trần Công Xuân, Hoàng Văn Lộc, Nguyễn Thị Khanh, Lê	1999	Ảnh hưởng các mức protein và năng lượng trong khẩu phần	Chuyên san chăn nuôi gia cầm	NXB Hội chăn nuôi Việt Nam

	Hồng Sơn và CTV		thức ăn đến năng suất sinh sản của gà Tam Hoàng		
4	Phùng Đức Tiến, Nguyễn Quý Khiêm, Hoàng Văn Lộc	2004	Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm enzyme phytaza bổ sung trong thức ăn cho gà sinh sản	Tuyển tập công trình nghiên cứu KH về công nghệ chăn nuôi gà	NXB Nông nghiệp
5	Phạm Công Thiều, Vũ Duy Giảng, Trần Công Xuân	1999	Nghiên cứu xác định mức canxi, photpho thích hợp nuôi gà Goldline 54 trong giai đoạn đẻ trứng	Chuyên san chăn nuôi gia cầm	NXB Hội chăn nuôi Việt Nam
6	Phùng Đức Tiến, Trần Công Xuân, Nguyễn Thị Mười, Lâm Xuân Thanh, Lê Ngọc Tú, Nguyễn Thị Thu Hà, Bùi Minh Đức, Phan Thị Kim, Hà Thị Anh Đào, Trần Quang Thụy	2004	Nghiên cứu ảnh hưởng bổ sung nguồn thức ăn carotenoit và xơ trong chăn nuôi gà sinh sản nhằm nâng cao chất lượng trứng	Tuyển tập công trình nghiên cứu KH về công nghệ chăn nuôi gà	NXB Nông nghiệp
7	Trần Công Xuân, Hoàng Văn Lộc và CTV	1999	Nghiên cứu xác định mức protein thích hợp nuôi gà Goldline bố mẹ	Tuyển tập công trình nghiên cứu KH gia cầm và động vật mới nhập	NXB Nông nghiệp
8	Phạm Quang Hoán, Bùi Đức Lũng, Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Như Liên, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Kim Anh, Nguyễn Văn Đồng	2000	Nghiên cứu sản xuất, sử dụng thức ăn đậm đặc, thức ăn hỗn hợp năng nguyên liệu sẵn có ở Việt Nam cho gà đẻ	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999-2000	
9	Bùi Đức Lũng, Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Như Liên, Nguyễn Văn Thạch, Phạm Quang Hoán	2000	Nghiên cứu mức năng lượng thích hợp trong khẩu phần thức ăn cho gà sinh sản giống thịt giai đoạn sau 25 tuần tuổi	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999-2000	NXB Hội chăn nuôi Việt Nam

10	Đỗ Việt Minh, Trần Long, Nguyễn Đăng Vang	2000	Xác định lượng thức ăn tìm kiếm của một số giống gà chăn thả, nghiên cứu tạo nguồn thức ăn bổ sung và xây dựng mô hình gà thả vườn	báo cáo KH đề tài KH-CN 09-13 giai đoạn 96 -2000	
11	Trần Quốc Việt, Nguyễn Đăng Vang, Hoàng Hương Giang, Lê Hồng Sơn	2000	Ảnh hưởng của hàm lượng, năng lượng, tỷ lệ các axit amin giới hạn quan trọng trong khẩu phần và các dạng khẩu khác nhau đến sinh trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của gà Tam Hoàng và gà Kabir nuôi thịt	báo cáo KH đề tài KH-CN 08-13 giai đoạn 96 -2000	
12	Trần Sáng Tạo	2000	Nghiên cứu mức năng lượng và protein thích hợp trong khẩu phần cho một số giống gà thả vườn ở khu vực miền Trung	Báo cáo khoa học đề tài KH-CN 08-13 giai đoạn 96 -2000	
13	Hoàng Văn Tiến	2000	Nghiên cứu công thức thức ăn thích hợp cho gà Ri và gà Mía trong điều kiện chăn nuôi bán thâm canh	Báo cáo khoa học đề tài KH-CN 08-13 giai đoạn 96 -2000	
14	Đặng Vũ Bình, Đoàn Thị Liên, Phạm Quang Hùng, Đặng Vũ Hoà	2000	Số sánh hiệu quả nuôi gà thịt Sasso, Kabir và Tam Hoàng theo phương thức nuôi công nghiệp và thả vườn khẩu phần có và không có bột cá	Báo cáo khoa học đề tài KH-CN 08-13 giai đoạn 96 -2000	
15	Nguyễn Đăng Vang, Trần Long, Nguyễn Khánh Quốc, Ngô Nhật Thắng, Nguyễn Văn Toàn	2000	Kết quả chăn nuôi gà Kabir và gà Tam Hoàng 882 bằng thức ăn có và không có đạm động vật	Báo cáo khoa học đề tài KH-CN 09-13 giai đoạn 96 -2000	

16	Bùi Đức Lũng, Nguyễn Kim Anh, Nguyễn Thành Đồng	2004	Nghiên cứu mức năng lượng, protein cho gà Ri cải tiến sinh sản giai đoạn hậu bị và đẻ trứng	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999-2000	Tp Hồ Chí Minh 10-12/4/2001
----	---	------	---	--	-----------------------------

Ấp trứng

1	Lê Thanh Hải, Nguyễn Hữu Tỉnh và CS	1995	Quy trình kỹ thuật ấp trứng gà bằng máy ấp thủ công "IAS"	Chăn nuôi	
2	Nguyễn Quý Khiêm, Nguyễn Đăng Vang, Trần Công Xuân, Bạch Thị Thanh Dân, Đỗ Văn Hoan	1999	Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng và kết quả ấp nở trứng gà Tam Hoàng	Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1998-1999. Phần chăn nuôi gia cầm	
3	Vũ Ngọc Sơn, Nguyễn Huy Đạt, Trần Long	2001	Chất lượng trứng và khả năng ấp nở của trứng gà Lương Phượng hoa	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13	

Thú y

1	Trần Thị Diễm Uyên, Nguyễn Văn Dũng, Lê Thanh Năm, Trịnh Phú Ngọc	1985	Sức đề kháng của giống gà Rhoderi	Kết quả nghiên cứu tạo giống gà Rhoderi	Hà Nội
---	---	------	-----------------------------------	---	--------

Quy trình chăn nuôi

1	Viện Chăn nuôi	1985	Quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng gà Rhoderi	Kết quả nghiên cứu tạo giống gà Rhoderi	Hà Nội
2	Chu Thị Thắng, Trịnh Xuân Cư, Nguyễn Huy Đạt, Nguyễn Văn Thiện, Nguyễn Thuý Hiền	1995	Ảnh hưởng của các chế độ chiếu sáng bổ sung trong thu đông đến năng suất đẻ trứng của gà Goldline 54	Kết quả nghiên cứu KHKT nông nghiệp 1994-1995	NXB Nông nghiệp
3	Lê Thanh Hải, Nguyễn Hữu Tỉnh, Lê Hồng Dung	1995	Một số biện pháp kỹ thuật chăn nuôi gà thả vườn	Một số biện pháp kỹ thuật chăn nuôi gà thả vườn	NXB Nông nghiệp
4	Nguyễn Hữu Tỉnh	1999	Điều chỉnh nhiệt độ trong	Chăn nuôi	

5	Nguyễn Hữu Tĩnh	1999	chuồng trại nuôi gia cầm Nhiệt độ môi trường ảnh hưởng đến năng suất của gia cầm	Chăn nuôi	
6	Hoàng Văn Tiến và CS	2001	Phương pháp chăn nuôi gà Ri có lãi	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13	
7	Cục Khuyến Nông và Khuyến Lâm, Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương	2001	Mô hình nuôi gia cầm chăn thả trong nông hộ	Mô hình nuôi gia cầm chăn thả trong nông hộ	NXB Nông nghiệp
8	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Lê Thị Nga, Nguyễn Thị Mười, Đỗ Thị Sợi, Đào Thị Bích Loan	2002	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi gà Kabir	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi gà Kabir	NXB Nông nghiệp
9	Phùng Đức Tiến, Trần Công Xuân, Nguyễn Thị Mười, Lê Thu Hiền	2002	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi gà Ai Cập	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi gà Ai Cập	NXB Nông nghiệp
10	Trần Công Xuân, Phùng Đức Tiến, Hoàng Văn Lộc, Phạm Thị Minh Thu, Nguyễn Quý Khiêm, Lê Thu Hiền	2002	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi gà Lương Phượng hoa	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi gà Lương Phượng hoa	NXB Nông nghiệp
11	Viện Chăn nuôi – Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương	2002	Hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà chăn thả, ngan Pháp, chim bồ câu và đà điểu (Ostrich)	Hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà chăn thả, ngan Pháp, chim bồ câu và đà điểu (Ostrich)	NXB Nông nghiệp
12	Phùng Đức Tiến, Nguyễn Đặng Vang, Hoàng Văn Lộc, Phạm Thị Minh Thu, Bạch Thị Thanh Dân, Nguyễn Quý Khiêm, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Duy Điều	2005	Kỹ Thuật chăn nuôi gà chăn thả năng suất chất lượng cao	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi gà chăn thả năng suất chất lượng cao	NXB Lao động – Xã hội

PHẦN 5: XÂY DỰNG MÔ HÌNH CHĂN NUÔI GÀ TRONG NÔNG HỘ

TT	Tác giả	Năm	Tên bài	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Đặng Vũ Bình và CTV	2001	Nghiên cứu nuôi gà thịt thả vườn tại vùng đồng bằng sông Hồng	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13	
2	Lương Tất Nhợ, Lê Đình Cường, Đào Hùng Giang, Đinh Xuân Tùng, Đỗ Chí Quyền	2001	Nghiên cứu xây dựng mô hình chăn nuôi gà thả vườn đạt năng suất cao tại vùng núi Bắc Bộ	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13	
3	Nguyễn Đăng Vang, Trần Long, Mai Thế Sang	2001	Chuyển giao TBKT chăn nuôi gà và đưa giống gà Tam Hoàng cho 2 huyện miền núi Quan Hoá và Quan Sơn tỉnh Thanh Hoá	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13	
4	Hoàng Văn Tiến và CTV	2001	Nghiên cứu xây dựng mô hình chăn nuôi gà thả vườn với các cặp lai Ri-Lương Phượng, Mía x Lương Phượng, Ri x Kabir, Mía x Kabir trong điều kiện bán thâm canh	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13	
5	Trịnh Xuân Cư, Nguyễn Đăng Vang, Hồ Lam Sơn	2001	Một số kết quả xây dựng mô hình nuôi gà thả vườn chất lượng cao	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13	
6	Hà Duy Sơn, Đoàn Trọng Tuấn, Phạm Việt Anh, Nguyễn Văn Vỹ, Nguyễn Đăng Vang, Trần Long, Mạc Thị Quý	2001	Kết quả nghiên cứu khảo nghiệm gà màu thả vườn trong hộ gia đình tại An Nhơn, Bình Định	Báo cáo khoa học đề tài KHCN 08-13	
7	Đinh Công Tiến, Nguyễn	2001	Những giải pháp nâng cao hiệu	Báo cáo khoa học đề	

	Đặng Vang, Nguyễn Quốc Đạt, Nguyễn Văn Bắc, Dương Xuân Tuyển, Nguyễn Ngọc Huân, Nguyễn Ngọc Dương		quả chăn nuôi gà thả vườn ở Nam Bộ	tài KHCN 08-13	
8	Trần Công Xuân, Nguyễn Văn Thường, Phùng Đức Tiến, Hoàng Đức Thắng, Ngô Hùng mạnh, Nguyễn Xuân Đỉnh, Hoàng Văn Lộc, Phạm Thị Minh Thu, Lê Thị Nga	2002	Kết quả nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi gia cầm chăn thả tại nông hộ	Báo cáo khoa học năm 2001	

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ KÝ HỢP ĐỒNG NHẬN CHUYỂN GIAO TBKT

TT	Tên cơ sở
1	Trung tâm tư vấn đầu tư & phát triển KHCN môi trường Thanh Hoá
2	Trung tâm giống Gia súc gia cầm Vạn Phúc
3	Hội làm vườn xã Thuỷ Xuân tỉnh Hà Tây
4	Hội chăn nuôi 2 -9 xã Tiên Phong tỉnh Mê Linh Vĩnh Phúc
5	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên
6	Ban điều hành dự án xã Liên Sơn, Tân Yên tỉnh Bắc Giang
7	Trung tâm Khuyến nông khuyến lâm tỉnh Bắc Giang
8	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên
9	Sở khoa học công nghệ tỉnh Thái Bình
10	Công ty gia cầm thành phố Hồ Chí Minh
11	Trung tâm Khuyến nông quốc gia
12	Cục hợp tác xã và phát triển nông thôn
13	Trung tâm giống và kỹ thuật vật nuôi Phú Yên
14	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
15	Xí nghiệp giống thức ăn chăn nuôi tỉnh Thừa Thiên Huế
16	Trung tâm Khuyến nông khuyến lâm tỉnh Bắc Giang
17	Công ty giống chăn nuôi tỉnh Thái Bình
18	Xã Trung Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
19	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
20	Phường Minh Tân, thành phố Yên Bái
21	Công ty cổ phần giống và gia cầm tỉnh Thanh Hoá
22	Hội nông dân xã Kim Sơn, Gia Lâm thành phố Hà Nội
23	Trạm ấp Ngọc Hồi thành phố Hà Nội
24	Số 50 đường Hồng Quang, thành phố Hải Phòng
25	Trung tâm hỗ trợ tỉnh Hải Dương
26	Số 93 đường Bạch Đằng, thành phố Hải Dương
27	Xí nghiệp gà giống Cẩm Bình
28	Lê Thị Đàm (ĐT: 034.825908)
29	Dương Văn Chung (Dương Nội, Hoài Đức tỉnh Hà Tây)
30	Nguyễn Phú Chung (xã Đức Thượng, Hoài Đức tỉnh Hà Tây)
31	Lê Thanh Trọng (Xí nghiệp gà giống Lương Mỹ, Hà Tây)

32	Trương Cao Sơn (Khu công nghệ cao Hoà Lạc, Hà Tây)
33	Lê Thị Tám (Trại giống Đông Cương Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Tây)
34	Nguyễn Kim Thoa (Minh Khai, Thanh Oai, Hà Tây)
35	Trại gà cột 8 thành phố Hạ Long
36	Phạm Thị Bảy (169 đường Cái Lân, phường Giếng Đàng, TP Hạ Long)
37	Nguyễn Tài Minh (Hố Nai 3, Thống Nhất, Đồng Nai)
38	Dương Quốc Cường (Đồng Nai) ĐT: 090.3821203
39	Đoàn Ngọc Thanh (xã Hoàng Tây, Kim Bảng, Hà Nam)
40	Cục khuyến nông - triển khai ở Hà Tây
41	Cục khuyến nông - triển khai ở Hà Tây
42	Cục khuyến nông - triển khai ở Hà Tây
43	Cục khuyến nông - triển khai ở Phú Thọ
44	Cục khuyến nông - triển khai ở Hà Tây
45	Cục khuyến nông - triển khai ở Phú Thọ, Hà Tây

HÌNH ẢNH MỘT SỐ GIỐNG GÀ

I. Chọn tạo giống

1. Chọn tạo 3 dòng gà LV1, LV2, LV3



Gà LV1 38 tuần tuổi và 01 ngày tuổi



Gà LV1 38 tuần tuổi và 01 ngày tuổi



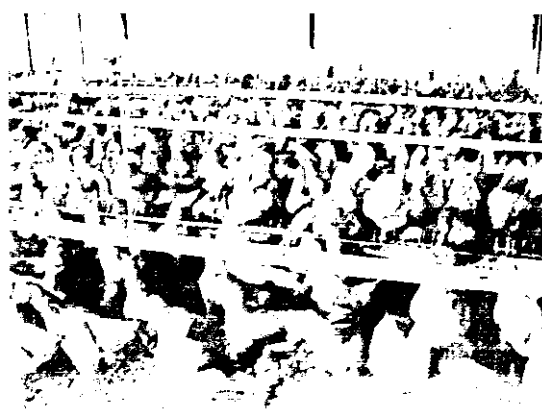
Gà LV3 38 tuần tuổi và 01 ngày tuổi



Gà LV1 lúc 20 tuần tuổi



Gà LV2 lúc 20 tuần tuổi



Gà LV3 lúc 20 tuần tuổi

Đàn gà
sinh sản
nuôi tại
Trung tâm
nghiên cứu
gia cầm
Thụy
Phương



Mô hình
nuôi gà
sinh sản
tại Đan
Phượng,
Hà Tây



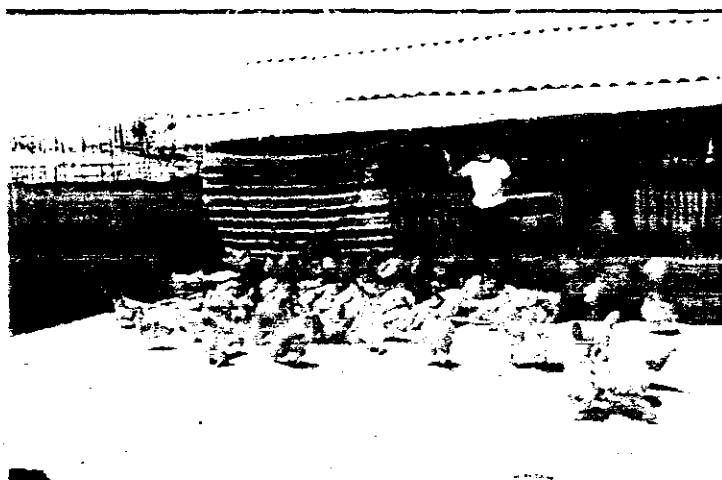
Mô hình
nuôi gà
thương
phẩm tại
Hoài Đức,
Hà Tây



Mô hình
nuôi gà
thương
phẩm tại
Bình Định,
Thái Bình



Mô hình
nuôi gà
sinh sản
tại Hoài
Đức, Hà
Tây



2. Bốn dòng gà kabir ông bà (K43, k400, k27, k2700)



Trống K43



Mái K400

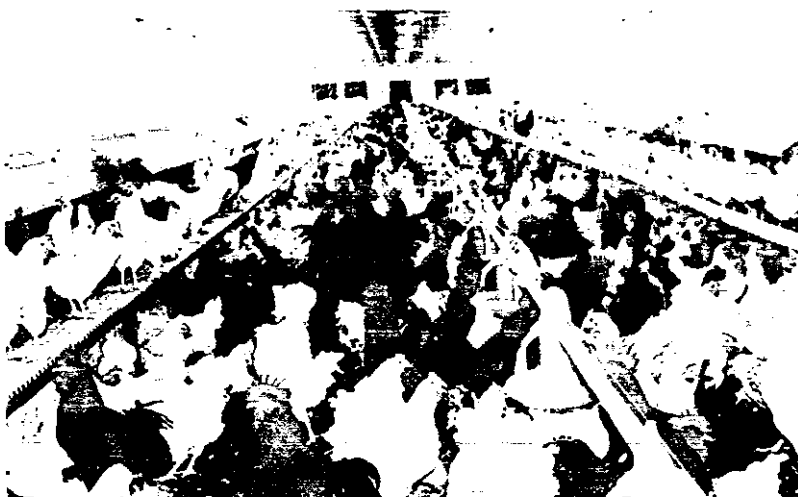


Trống K27



Mái K2700

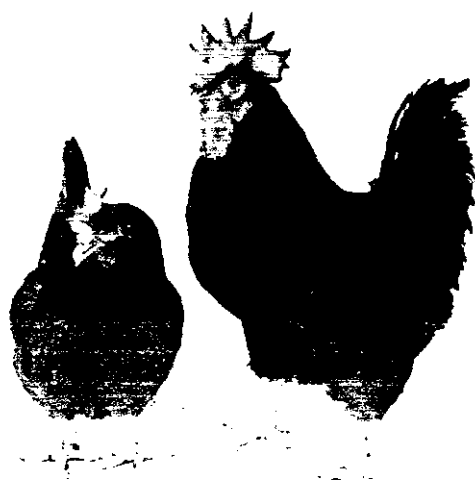
Đàn gà
Kabir bố
mẹ nuôi tại
Trung tâm
NCGC
Thuy
Phuong



Đàn gà
Kabir
nuôi
thương
phẩm



3. Chọn tạo hai dòng gà hb5, hb7

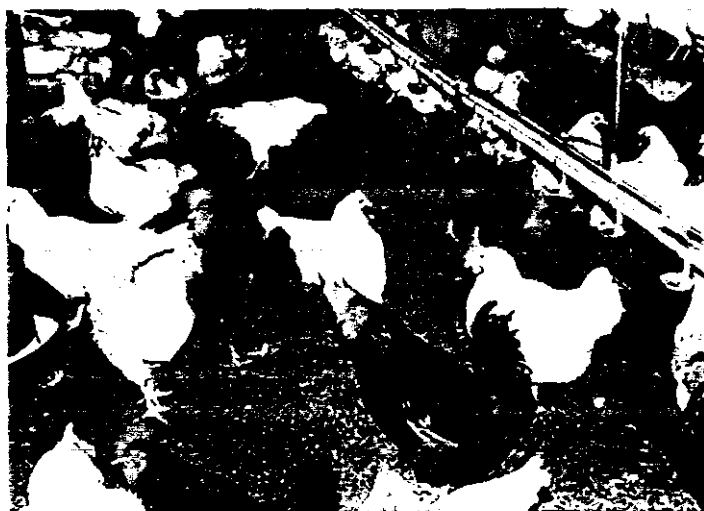


Dòng HB5



Dòng HB7

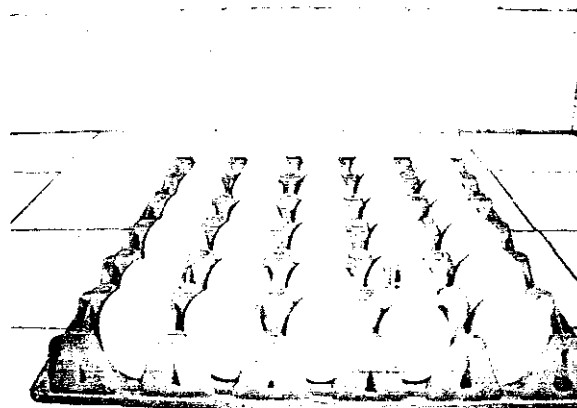
Đàn gà bố
mẹ HB57
nuôi tại
Trung tâm
NCGC
Vạn Phúc



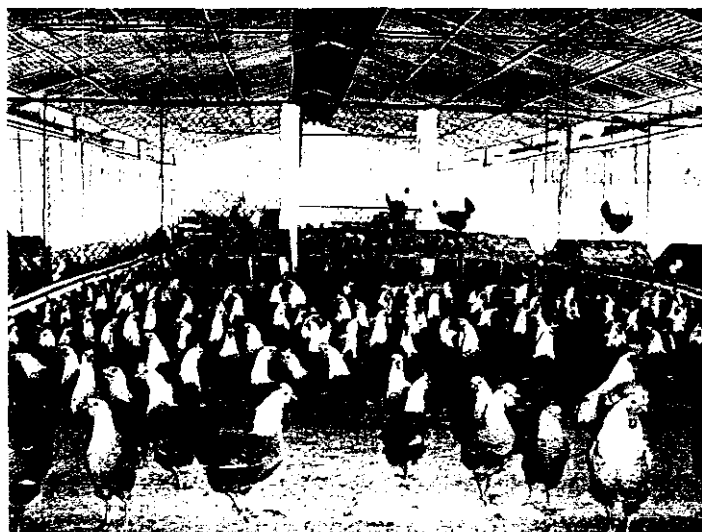
4. Gà Ai Cập



Gà Ai Cập 38 tuần tuổi



Trứng gà Ai Cập

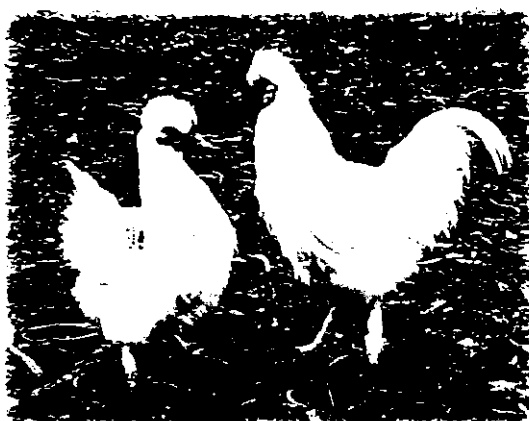


Đàn gà Ai Cập sinh sản nuôi tại Trung tâm NCGC Thụy Phương

Đàn
gà Ai
cập
nuôi
tại



5. Gà Ác thái hoà



Gà trống, mái 38 tuần tuổi



Gà ác Thái Hoà nuôi theo phương
thức chăn thả tự do

Mô hình
nuôi gà
ác lấy thịt
tại Nam
Định



6. Gà ri



Nuôi
gà Ri
sinh
sản



II. Các tổ hợp lai

1. Tổ hợp lai Kabir x Lương Phượng



Trống Kabir

X



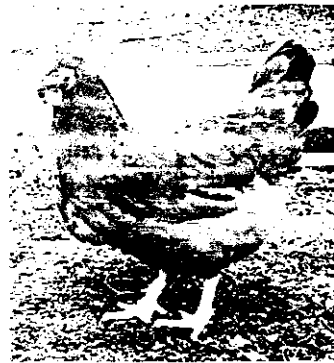
Mái Lương Phượng

Kabir-Lương Phượng



Trống Lương Phương

X



Mái Kabir

Lương Phương-Kabir

Đàn gà
thương
phẩm nuôi
tại Trung
tâm NCGC
Thụy
Phương



Gà F1 (Lương Phương - Kabir)

2. Tạo tổ hợp lai Sasso x Lương Phương

Trống
X44



X



Mái
LV2

Con
thương
phẩm
XL42



Gà lai XL42



Gà lai XL412



Gà lai LV12 để
so sánh



Thịt gà XL42

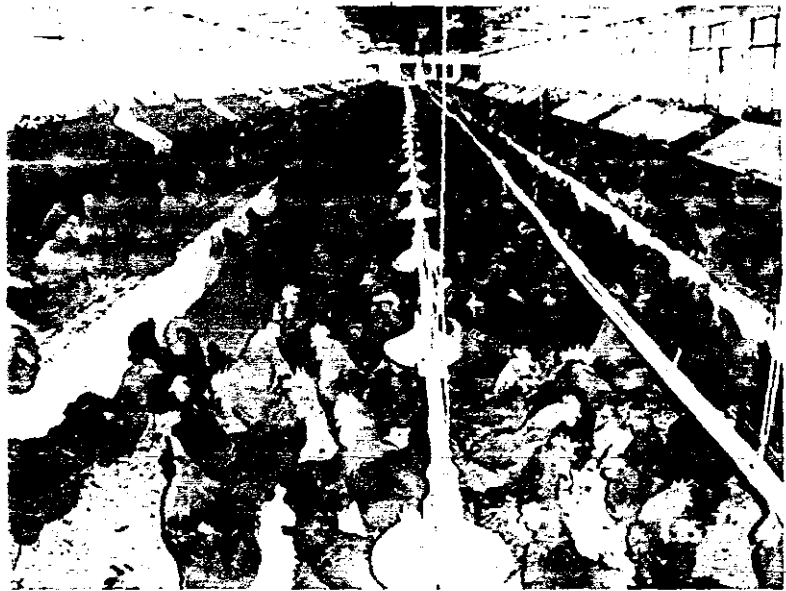
Thịt gà XL412

Thịt gà
LV12

Đàn gà
bố mẹ
trống
Sasso
X44 x
mái LV2



Đàn gà bố mẹ
trống F1 x mái LV2



Đàn gà bố mẹ
trống LV1 x mái LV2



Mô hình
nuôi gà lai
XL412 tại
xã Đông Á
- Thái Bình



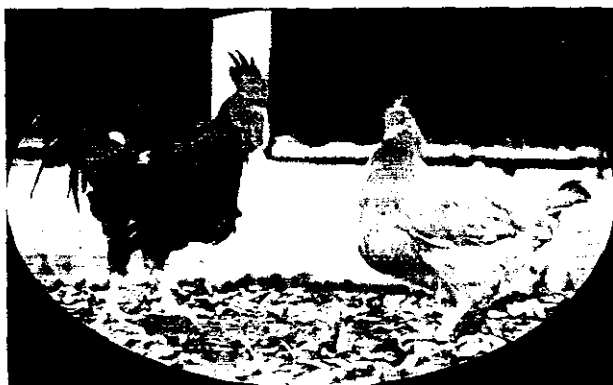
Mô hình
nuôi gà lai
XL412 tại
xã Bình
Định – Thái
Bình



Mô hình
nuôi gà lai
XL412 tại
xã Thượng
Mỗ – Hà
Tây



3. Tạo tổ hợp gà lai Mía x Kabir x Jiangcun



Trống Mía x Mái KJ



F1 (Kabir x Jiangcun)

Con lai MKJ



4. Tạo tổ hợp gà lai Rhoderi-Tam Hoàng 882-Jiangcun



Trống Rhoderi

X



Mái Jiangcun

Gà lai
RhodeRi -Jiangcun



Trống
Tam
Hoàng
882



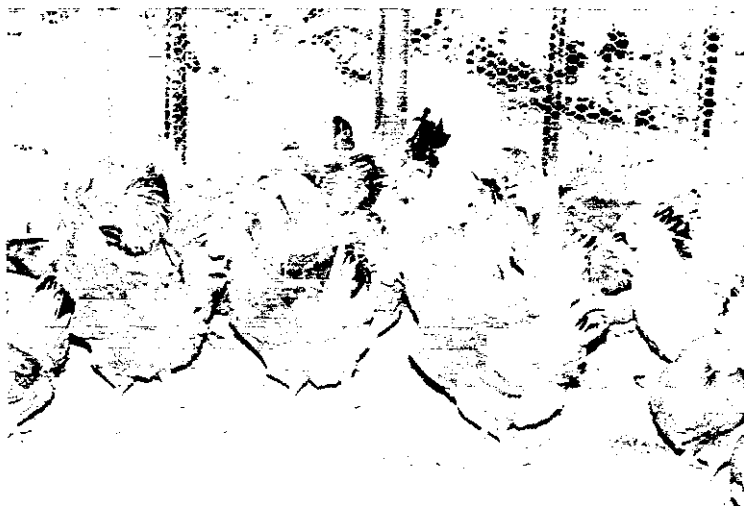
X



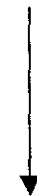
Mái
Rhoderi



Gà lai Tam
hoàng 882-
Rhoderi



X



Trống Tam
Hoàng 882

Mái Rhoderi
Jiangcun



Gà lai Tam
hoàng 882-
Rhoderi
Jiangcun



Gà lai bố mẹ
RhodeRi -Jiangcun



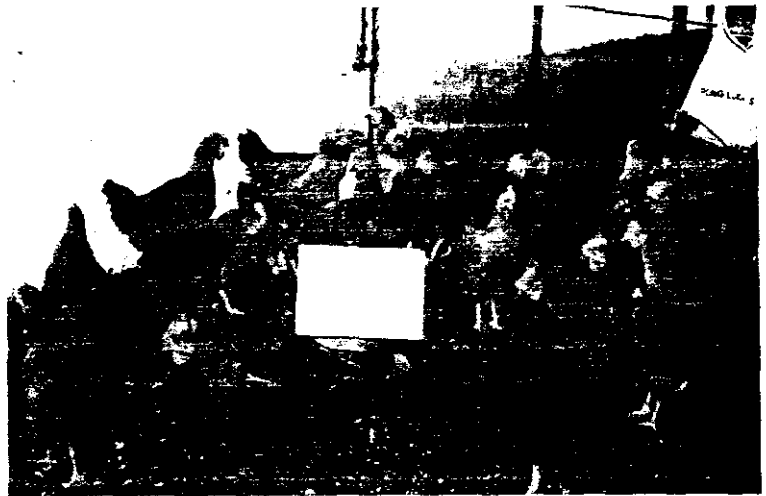
Gà lai bố mẹ
Tam hoàng
882- Rhoderi



Gà lai thương phẩm
Tam hoàng 882-
Rhoderi Jiangcun



Gà lai thương phẩm
Rhoderi - Jiangcun



Gà lai thương phẩm
Tam hoàng 882-
Rhoderi



Mô hình chuyển
giao vào sản xuất



Mô hình nuôi gà
thương phẩm ở hộ
nông dân



TRONG THỊ SSEN X MALL
15 tuổi



GIẢI TRÌNH CHU CHUYỂN ĐÀN, SẢN PHẨM VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ

SỐ LƯỢNG GÀ CHÂN THẢ HÀNG NĂM																			
STT	Giống gà	Đơn vị	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	Tổng số	
	ÔNG BÀ	CON	0	5500	7500	9000	11000	12500	11500	13700	17500	23250	24500	22500	21500	21500	11000	212450	
1	Tam hoàng882	Con			2000	2000	2000	3000	4000	4000	4500	4000	3000	2500	2000	2000	500	35500	
	Tam hoàng JC	Con					2000	2500	2500	2500	3000	3000	2500	2000	2000	2000	500	24500	
	Lương Phương	Con								4500	6000	7500	7500	7500	7500	7500	4500	52500	
	Kabir	Con								1000	2000	2000	4000	3000	2000	1500	500	16000	
	Sasso	Con								1500	1500	1500	2000	2000	2500	2500	1500	15000	
	isa color	Con										2500	2500	2500	2500	2500	1500	14000	
	JA57	Con										2000	2000	2000	2000	2000	1000	11000	
	Aicáp	Con							200	500	750	1000	1000	1000	1000	1500	1000	6950	
	Moravia	Con		2000	2000	2000	2000	2000										10000	
	Goldline	Con		3500	3500	5000	5000	5000	5000									27000	
	BỔ MẸ	Nghìn con	0	168	216	264	312	348	316	358,4	462	608	650	598	572	574	298	5744,4	
	Tam hoàng882	Nghìn con			48,0	48,0	48,0	72,0	96,0	96,0	108,0	96,0	72,0	60,0	48,0	48,0	12,0	852,0	
	Tam hoàng JC	Nghìn con					48,0	60,0	60,0	60,0	72,0	72,0	60,0	48,0	48,0	48,0	12,0	588	
	Lương Phương	Nghìn con								126,0	168,0	210,0	210,0	210,0	210,0	210,0	126,0	1470,0	
	Kabir	Nghìn con								28,0	56,0	56,0	112,0	84,0	56,0	42,0	14,0	448,0	
	Sasso	Nghìn con								42,0	42,0	42,0	56,0	56,0	70,0	70,0	42,0	420,0	
	isa color	Nghìn con								0,0	0,0	60,0	60,0	60,0	60,0	60,0	36,0	336	
	JA57	Nghìn con								0,0	0,0	48,0	48,0	48,0	48,0	48,0	24,0	264	
	Aicáp	Nghìn con								6,4	16,0	24,0	32,0	32,0	32,0	48,0	32,0	222,4	
	Moravia			56	56	56	56	56									0,0	280	
	Goldline			112	112	160	160	160	160								0,0	864	

	Thương phẩm thịt	Nghin con			4224	4224	8448	11616	13728	32320	41096	54656	58488	53576	51120	49720	25256	408472
	Tam hoàng882	Nghin con			4224	4224	4224	6336	8448	8448	9504	8448	6336	5280	4224	4224	1056	74976
	Tam hoàng JC	Nghin con					4224	5280	5280	5280	6336	6336	5280	4224	4224	4224	1056	51744
	Lương Phương	Nghin con								11592	15456	19320	19320	19320	19320	19320	11592	135240
	Kabir	Nghin con								2800	5600	5600	11200	8400	5600	4200	1400	44800
	Sasso	Nghin con								4200	4200	4200	5600	5600	7000	7000	4200	42000
	isa color	Nghin con								0		5760	5760	5760	5760	5760	3456	32256
	JA57	Nghin con								0		4992	4992	4992	4992	4992	2496	27456
	Thương phẩm trứng			47,04	47,04	66,24	66,24	66,24	64	256	640	960	1280	1280	1280	1920	1280	9252,8
	Aicáp	Nghin con								256	640	960	1280	1280	1280	1920	1280	8896
	Moravia			2,24	2,24	2,24	2,24	2,24	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,2
	Goldline			44,8	44,8	64	64	64	64	0	0	0	0	0	0	0	0	345,6
	Sản phẩm thịt				6821,8	6821,8	13643,5	18760	22171	57857	73828,7	99526,6	108641	99644,36	95411,9	92618,9	47613,24	743359,8
	Tam hoàng882	ngh tấn			6821,8	6821,8	6821,76	10233	13644	13644	15349	13643,5	10232,6	8527,2	6821,76	6821,76	1705,44	121086,2
	Tam hoàng JC	ngh tấn					6821,76	8527,2	8527,2	8527,2	10232,6	10232,6	8527,2	6821,76	6821,76	6821,76	1705,44	83566,56
	Lương Phương	ngh tấn								20924	27898,1	34872,6	34872,6	34872,6	34872,6	34872,6	20923,56	244108,2
	Kabir	ngh tấn								5586	11172	11172	22344	16758	11172	8379	2793	89376
	Sasso	ngh tấn								9177	9177	9177	12236	12236	15295	15295	9177	91770
	isa color	ngh tấn										10944	10944	10944	10944	10944	6566,4	61286,4
	JA57	ngh tấn										9484,8	9484,8	9484,8	9484,8	9484,8	4742,4	52166,4
	Aicáp	nghin quả	200	0		0	0	0	0	4352	10880	16320	21760	21760	21760	32640	21760	151232
	Moravia	nghin quả	220	41,9	41,9	41,9	41,9	41,9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Goldline	nghin quả	265	1009	1009	5490	1442	1442	1442	0	0	0	0	0	0	0	0	0

	Tổng trứng	triệu quả		1051	1051	5531,5	1483,49	1483,5	1441,6	4352	10880	16320	21760	21760	21760	32640	21760	151232
	Tổng giá trị sp	tỷ đồng		0,6	96,1	135,5	205,5	282,3	333,4	870,5	1114,0	1502,7	1642,7	1507,7	1444,2	1408,9	727,3	11241,1
	Thịt	tỷ đồng		0	95,5	102,3	204,7	281,4	332,6	867,9	1107,4	1492,9	1629,6	1494,7	1431,2	1389,3	714,2	11150,4
	Trứng	tỷ đồng		0,6	0,6	33,2	0,9	0,9	0,9	2,6	6,5	9,8	13,1	13,1	13,1	19,6	13,1	90,7
	Gia trị làm lợi	tỷ đồng		4,1	106,8	108,6	210,7	287,6	337,8	804,4	1030,5	1376,4	1483,7	1361,9	1301,6	1281,1	659,1	10352,4
	Thịt	tỷ đồng			17,1	17,1	34,1	46,9	55,4	144,6	184,6	248,8	271,6	249,1	238,5	231,5	119,0	1858,4
	Trứng	tỷ đồng		0,16	0,16	0,83	0,22	0,22	0,22	0,65	1,63	2,45	3,26	3,26	3,26	4,90	3,26	22,68
	Nhập giống ông bà			3,03	4,13	4,95	6,05	6,88	6,33	7,54	9,63	12,79	13,48	12,38	11,83	11,83	6,05	116,85
	Nhập bố mẹ			0,9408	85,421	85,805	170,285	233,64	275,84	651,52	834,72	1112,32	1195,36	1097,12	1048	1032,8	530,72	8354,496
	Tam hoàng 882			0	84,48	84,48	84,48	126,72	168,96	168,96	190,08	168,96	126,72	105,6	84,48	84,48	21,12	1499,52
	Tam hoàng JC			0	0	0	84,48	105,6	105,6	105,6	126,72	126,72	105,6	84,48	84,48	84,48	21,12	1034,88
	Lương Phương			0	0	0	0	0	0	231,84	309,12	386,4	386,4	386,4	386,4	386,4	231,84	2704,8
	Kabir			0	0	0	0	0	0	56	112	112	224	168	112	84	28	896
	Sasso			0	0	0	0	0	0	84	84	84	112	112	140	140	84	840
	isa color			0	0	0	0	0	0	0	0	115,2	115,2	115,2	115,2	115,2	69,12	645,12
	JA57			0	0	0	0	0	0	0	0	99,84	99,84	99,84	99,84	99,84	49,92	549,12
	Aicáp			0	0	0	0	0	0	5,12	12,8	19,2	25,6	25,6	25,6	38,4	25,6	177,92
	Moravia			0,0448	0,0448	0,0448	0,0448	0,0448	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,224
	Goldline			0,896	0,896	1,28	1,28	1,28	1,28	0	0	0	0	0	0	0	0	6,912
	Giá trị lợi thực tế			1,10	102,63	103,69	204,62	280,77	331,48	796,82	1020,92	1363,58	1470,23	1349,49	1289,79	1269,24	653,02	10235,58

TRUNG TÂM THÔNG TIN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2005

Số : 5256 / KQNC

GIẤY CHỨNG NHẬN

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

- Căn cứ Quyết định số 271/QĐ ngày 06/06/1980 của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành bản Quy định về đăng ký Nhà nước đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật và nộp báo cáo kết quả nghiên cứu.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia (nay là Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia) ban hành kèm theo Quyết định 247/QĐ-TCCB ngày 04/05/1994 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Xét hồ sơ đăng ký kết quả đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ.

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số đăng ký báo cáo: 2005 - 02 - 178 /KQ

Tên đề tài : Xác định tính năng sản xuất của các giống gà trứng cao sản Moravia, Goldline và một số công thức lai mới khác

Chủ nhiệm đề tài : *PTS Nguyễn Huy Đạt*

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM THÔNG TIN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phùng Minh Lai

Cơ quan chủ trì đề tài : Trung tâm Nghiên cứu gia cầm Vạn Phúc
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan quản lý đề tài : Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
(Nay là Bộ Khoa học và Công nghệ)

Cán bộ phối hợp : PTS Trần Long; PTS Vũ Đài
BSTY Nguyễn Thành Đồng
PTS Đoàn Xuân Trúc
BSTY Hà Đức Tính
KS Đỗ Văn Thụ
BSTY Nguyễn Văn Tường
PGS-TS Nguyễn Văn Thiện
KS Nguyễn Hoàn Tạo
ThS Nguyễn Thuý Hiền
ThS Hoàng Văn Lộc
KS Lưu Thị Xuân, KS Trần Công Xuân
PGS Trịnh Xuân Cử; KS Chu Thị Thắng

Biên bản của Hội đồng đánh giá chính thức kết quả nghiên cứu khoa học thành lập theo
Quyết định số : 1441/QĐ-NCTK ngày 22 tháng 8 năm 1995

của: Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Họp ngày 26 tháng 9 năm 1995 tại Hà Nội

Hồ sơ lưu tại Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 24 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

Số hồ sơ : 5256 / KQNC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM THÔNG TIN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2005

Số : 5303 / KQNC

GIẤY CHỨNG NHẬN

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

- Căn cứ Quyết định số 271/QĐ ngày 06/06/1980 của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành bản Quy định về đăng ký Nhà nước đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật và nộp báo cáo kết quả nghiên cứu.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia (nay là Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia) ban hành kèm theo Quyết định 247/QĐ-TCCB ngày 04/05/1994 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Xét hồ sơ đăng ký kết quả đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ.

CHỨNG NHẬN

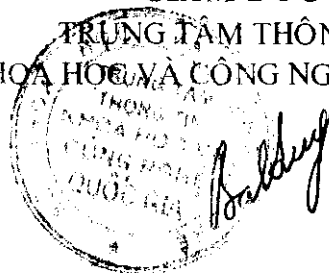
ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số đăng ký báo cáo: 2005 - 02 - 222 / KQ

Tên đề tài: Nghiên cứu chọn lọc, nhân thuần nâng cao năng suất và chất lượng một số giống gia cầm trong nước và nhập nội tạo các tổ hợp lai nhằm phát triển chăn nuôi trong hộ nông dân

Chủ nhiệm đề tài : PGS-TS Nguyễn Đăng Vang

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM THÔNG TIN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA



Trần Bá Hùng

Cơ quan chủ trì đề tài : Viện Chăn nuôi ,
Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Cơ quan quản lý đề tài : Bộ Khoa học và Công nghệ

Cán bộ phối hợp : TS Trần Long
PGS-TS Đặng Vũ Bình
TS Nguyễn Quế Côi
PGS-TS Nguyễn Huy Đạt
TS Lương Tất Nhộ
PGS-TS Nguyễn Khánh Quốc
PGS-TS Bùi Quang Tiến
PGS-TS Hoàng Văn Tiều
TS Trần Công Xuân
TS Phùng Đức Tiến

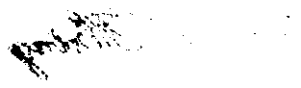
Biên bản của Hội đồng đánh giá chính thức kết quả nghiên cứu khoa học thành lập theo
Quyết định số : 1100/QĐ-BKHONMT ngày 03 tháng 7 năm 2001

của: Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Họp ngày 21 tháng 7 năm 2001 tại Hà Nội

Hồ sơ lưu tại Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 24 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

Số hồ sơ : 5303 / KQNC



Số: 1100 /QĐ-BKHCNMT

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Về việc thành lập Hội đồng khoa học - công nghệ nghiệm thu
Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Căn cứ Quyết định số 282/QĐ ngày 20 tháng 6 năm 1980 của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) quy định thể thức đánh giá nghiệm thu các công trình khoa học-công nghệ;
- Căn cứ thông tư số 1060/THKH ngày 1 tháng 10 năm 1991 của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) hướng dẫn tổ chức, xây dựng, quản lý thực hiện chương trình khoa học - công nghệ cấp Nhà nước;
- Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Quản lý Khoa học & Công nghệ Nông nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp Nhà nước đánh giá nghiệm thu kết quả Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước : "*Nghiên cứu chọn lọc, nhân thuần nâng cao năng suất và chất lượng một số giống gia cầm trong nước và nhập nội tạo các tổ hợp lai nhằm phát triển chăn nuôi trong hộ nông dân*" mã số KHCN.08.13 do PGS.TS Nguyễn Đăng Vang làm chủ nhiệm và Viện Chăn nuôi quốc gia là cơ quan chủ trì đề tài.

Điều 2: Cử ông GS.TS Lê Hồng Mẫn - Hội Chăn nuôi Việt nam làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 3: Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu Đề tài theo các qui định hiện hành.

Điều 4: Ông Chủ tịch và các thành viên Hội đồng, Vụ trưởng Vụ Quản lý Khoa học & Công nghệ Nông nghiệp, Vụ trưởng các Vụ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K/T BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Thức trưởng

Nơi nhận:

- Như điều 4

- Lưu VT, NN

ume



BÙI MẠNH HẢI

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG KHCN
ĐÁNH GIÁ NGHIÊN THU DE TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC :
"Nghiên cứu chọn lọc, nhân thuần nâng cao năng suất và chất lượng một số
giống gia cầm trong nước và nhập nội tạo các tổ hợp lai nhằm phát triển chăn
nuôi trong hộ nông dân" mã số KHCN.08.13

(Kèm theo quyết định số: 140/QĐ-BKHCNMT ngày 03 tháng 7 năm 2001)

Số TT	Họ và tên	Chuyên môn	Cơ quan	Chức danh trong Hội đồng
1	GS.TS Lê Hồng Mận	Chăn nuôi	Hội Chăn nuôi Việt Nam	Chủ tịch
2	TS Đoàn Xuân Trúc	Chăn nuôi	Tổng Công ty Chăn nuôi VN	Ủy viên, phản biện
3	KS Trần Kim Anh	Chăn nuôi	Cục khuyến nông- khuyến lâm	Ủy viên, phản biện
4	GS.TS Lê Văn Liên	Sinh lý động vật	Viện Chăn nuôi	Ủy viên
5	PGS.TS Nguyễn Thiện	Chăn nuôi	Hội Chăn nuôi Việt Nam	Ủy viên
6	KS Đặng Tất Nhiễm	Chăn nuôi	Vụ KHCN&CLSP - Bộ NN&PTNT	Ủy viên
7	TS Nguyễn Hưng	Chăn nuôi	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp VN	Ủy viên
8	TS Đỗ Thị Tính	Chăn nuôi	Tổng Công ty Chăn nuôi VN	Ủy viên
9	ThS. Nguyễn Hữu Cường	Chăn nuôi	Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Ủy viên, thư ký

Hội đồng gồm 9 thành viên

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ MÔI TRƯỜNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**HỌP HỘI ĐỒNG KHCN CẤP NHÀ NƯỚC ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU KẾT QUẢ ĐỀ TÀI**

1. Tên đề tài: *"Nghiên cứu chọn lọc, nhân thuần nâng cao năng suất và chất lượng một số giống gia cầm trong nước và nhập nội tạo các tổ hợp lai nhằm phát triển chăn nuôi trong hộ nông dân"*

Mã số: KHCN-08-13

Thuộc Chương trình: *"Phát triển nông nghiệp toàn diện, đa dạng và từng bước hiện đại hoá"*

Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Nguyễn Đăng Vang

Thời gian tiến hành: Từ tháng 12/1996 đến tháng 12/2000.

Tổng kinh phí:

- Do Nhà nước cấp : 1.940 triệu đồng.
- Từ nguồn khác: 10.000 triệu đồng

2. Quyết định thành lập Hội đồng KHCN cấp Nhà nước số 1100/QĐ-BKHCNMT ngày 03/7/2001 của Bộ trưởng Bộ KHCNMT.

3. Ngày họp Hội đồng: 23/7/2001.

Địa điểm: Bộ KHCN&MT

4. Hội đồng gồm có: 09 thành viên (danh sách kèm theo Quyết định)

a. Số thành viên có mặt: 08 người

b. Số thành viên vắng mặt: 01 người

1. KS. Trần Kim Anh

5. Phía Đề tài có mặt:

Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Nguyễn Đăng Vang

Các cộng tác viên chính:

1. TS. Trần Long

2. TS. Nguyễn Hữu Tào

Và một số cộng tác viên khác

6. Khách mời tham dự :

a. Đại diện các cơ quan quản lý

1. TS. Lê Minh Sắt

2. KS. Nguyễn Trọng Bình

3. GS. TS. Nguyễn Ngọc Kính

4. KS. Nguyễn Hồng Ly

b. Các cơ quan sản xuất, tiêu thụ/sử dụng

7. Kết quả bỏ phiếu đánh giá:

- Số phiếu phát ra: 08
- Số phiếu hợp lệ: 08
- Số phiếu đạt loại A: 08 (có 01 ý kiến cần lưu ý bổ sung)
- Số phiếu đạt loại B: 0
- Số phiếu đạt loại C: 0
- Số phiếu không đạt: 0

8. Hội đồng đánh giá sau khi Chủ nhiệm đề tài báo cáo, các phản biện và các thành viên Hội đồng, các đại biểu nhận xét:

Chủ tịch Hội đồng kết luận

a. Về kết quả bỏ phiếu:

- Đạt loại A: 8/8
- Đạt loại B
- Đạt loại C
- Không đạt

b. Về các kết luận cụ thể:

- Về mục tiêu và kết quả thực hiện nội dung đề tài:

Đề tài KHCN 08.13 nghiên cứu KHCN về giống, dinh dưỡng, thức ăn, tạo mô hình, kỹ thuật và chuyển giao tiến bộ nhằm đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gà vườn đang chiếm tỷ lệ trên 70% tổng đàn gà cả nước. Đề tài nghiên cứu định hướng nâng cao năng suất, chất lượng giống gà vườn nội và gà ngoại

nhập. Sử dụng nguồn gen tốt của các giống ngoại tạo các tổ hợp lai F_1 ổn định chất lượng giống, kỹ thuật chăn nuôi nông hộ, trang trại, đào tạo cán bộ chuyên ngành, tập huấn kỹ thuật cho người chăn nuôi. Đề tài đã đánh giá đầy đủ về đặc tính, năng suất các giống gà nội và giống gà nhập nội.

Đề tài gồm 49 tiểu đề tài, nội dung nghiên cứu khá phong phú, toàn diện. Chọn lọc, nhân thuần, cải tiến giống nội, ngoại, tạo con lai F_1 có năng suất chất lượng cao. Xác định nhu cầu dinh dưỡng và khẩu phần thức ăn, kỹ thuật chăn nuôi gà giống và gà nuôi thịt, tạo mô hình chuyển giao tiến bộ cho người chăn nuôi. Các tiểu đề tài đạt kết quả khá tốt.

Về giống: Đã nghiên cứu được 5 giống gà nội: Gà Ri, gà Mía, gà Đông Tảo, gà Tàu vàng phục vụ sản xuất tốt. Tuy nhiên giống gà Hồ cần tiếp tục nghiên cứu. Các giống gà vườn nhập nội: gà Tam Hoàng, gà Ma Hoàng, gà Lương Phượng, gà Jiang Cun, ISA-JA, Susso, Kabir, Ngan Pháp R31, R51, ngan siêu nặng đều thích nghi và phát triển tốt, cho năng suất cao ở các vùng sinh thái khác nhau.

Sử dụng nguồn gen giống ngoại, các tiến đề tài đã nghiên cứu có kết quả. 15 công thức lai để tạo tổ hợp lai F_1 gà nuôi thịt và ngan lai vịt thể hiện tính trạng năng suất của con lai được cải tiến đáng kể so với giống địa phương đem lai hiệu quả kinh tế cho các nông hộ.

Về dinh dưỡng và khẩu phần thức ăn: Đã được nghiên cứu cho từng giống, tập trung chủ yếu vào các thành phần chủ yếu: Năng lượng trao đổi, protein thô, các axit amin giới hạn, khoáng đa lượng, vitamin và các công thức phối hợp thức ăn tự trộn ở các vùng.

Về dựng mô hình: Tạo được mô hình nuôi gà vườn ở vùng đồng bằng sông Hồng (Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Tây..), đồng bằng Nam Bộ, vùng núi phía Bắc..

Đề tài đã có tiểu đề tài nghiên cứu cơ bản về so sánh sự sai khác di truyền ở giống gia cầm Việt Nam. Bằng kỹ thuật di truyền phân tử cho thấy vị trí cắt của enzym có sự đa hình rất cao, mở ra hướng nghiên cứu phân tích mối liên quan giữa các tính trạng cơ thể, năng suất, phẩm chất thịt.

Về đào tạo: Đã đào tạo, tập huấn cán bộ, công nhân, người chăn nuôi. Chuyển giao tiến bộ về các quy trình chăn nuôi, thức ăn. Đã đào tạo được 06 nghiên cứu sinh, 06 cao học, 30 sinh viên tốt nghiệp.

Về tiến bộ kỹ thuật: Đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quyết định công nhận 09 tiến bộ kỹ thuật đưa vào sản xuất.

- Về giá trị ứng dụng của kết quả đề tài:

Kết quả đề có giá trị ứng dụng cao. Đề tài được tiến hành nghiên cứu theo hướng nghiên cứu ứng dụng, có một số tài liệu đề tài nghiên cứu cơ bản cũng là hỗ trợ cho việc chọn lọc và nhân giống gia cầm. Các thí nghiệm được tiến hành trong điều kiện gần tương tự thực tế và gắn với sản xuất, vì thế những tiến bộ

kỹ thuật đạt được đều có giá trị ứng dụng cao, đáp ứng yêu cầu chăn nuôi đại trà.

Thực tế quá trình nghiên cứu mỗi kết quả thu được nhanh chóng được người chăn nuôi đưa vào thử nghiệm sản xuất. Các tiến bộ kỹ thuật đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quyết định công nhận phổ biến ứng dụng vào sản xuất chăn nuôi ở các vùng. Chính vì thế chỉ một thời gian chưa dài các giống gà vườn nội và nhập nội được nuôi rộng rãi ở khắp các vùng, năng suất được cải tiến và có hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho các nông hộ.

- Về trình độ công nghệ các kết quả:

Về năng suất và hiệu quả chăn nuôi thì giống là một yếu tố quyết định đầu tiên, vì thế việc tạo tiến bộ trong di truyền giống động vật để có năng suất cao là rất quan trọng, nhưng cũng rất khó khăn và phức tạp, đòi hỏi phải nghiên cứu nghiêm túc và có sáng tạo để đạt đến trình độ công nghệ tương đối cao mới hy vọng có tiến bộ. Kết quả của đề tài KHCHN 08.13 đạt được trình độ cao trong công tác giống, chọn lọc nhân thuần, tạo được một số giống gà nội, chọn nuôi tốt một số giống gà nhập nội, sử dụng nguồn gen ngoại tạo được các tổ hợp lai năng suất được cải tiến. Về dinh dưỡng khẩu phần thức ăn nghiên cứu cho từng loại gà vườn, có quy trình nuôi cho từng giống, từng tổ hợp lai, như vậy đảm bảo ổn định chất lượng giống, chính vì thế đã đáp ứng được nhu cầu giống cho sản xuất chăn nuôi ngày càng tăng.

II - Về khả năng chấp nhận của người sử dụng và nhu cầu thị trường đối với sản phẩm đề tài:

Sản phẩm của đề tài là giống gia cầm nội (gà ri, gà mía, gà tàu vàng) được chọn nhân thuần, nâng cao năng suất. Giống gà ngoại nhập (gà Tam Hoàng, Ma Hoàng, Lương Phượng, Jiang cun...) được chọn lọc, nhân đàn phát triển tốt, đồng thời sử dụng nguồn gen tạo các tổ hợp lai năng suất được cải tiến, đáp ứng được yêu cầu của sản xuất. Mỗi giống đều có công thức, khẩu phần thức ăn, quy trình nuôi dưỡng phù hợp và được chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người chăn nuôi.

Có được sản phẩm phân mềm trong quản lý chăn nuôi là tiến bộ, làm cơ sở cho việc phát triển hiện đại hoá, công nghiệp hoá chăn nuôi trang trại của ngành. Do vậy những tiến bộ kỹ thuật được công nhận của đề tài được người chăn nuôi tiếp nhận nhanh chóng và nhu cầu của thị trường về các sản phẩm của đề tài ngày càng tăng cao.

- Về khả năng phát triển sau khi đề tài kết thúc

Khả năng sử dụng các sản phẩm nghiên cứu của đề tài là ở mức độ cao và ngày càng tăng, đòi hỏi con giống tốt, có quy trình kỹ thuật, cải tiến quản lý... cho nên kết quả nghiên cứu của đề tài có khả năng tiếp tục phát triển sau khi đề tài kết thúc. Tuy nhiên cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về một số giống, biện pháp kỹ thuật.

9. Kiến nghị và các lưu ý khác của Hội đồng:

Cần tiếp tục nghiên cứu gà vườn chất lượng cao bằng nguồn protein thực vật cho tiêu thụ trong nước và dần dần tiến đến xuất khẩu.

Từ 15 công thức nội ngoại tạo con lai F₁, cần tạo tổ hợp lai có triển vọng tiếp tục nghiên cứu để có thể phát triển đại trà.

Cần nghiên cứu công thức lai ngan Pháp với ngan nội.

Đúc kết mô hình chăn nuôi nông hộ ở các vùng sinh thái để phổ biến chuyển giao, chú trọng vùng miền núi, trung du.

Tiếp tục nghiên cứu giống gà Hồ và mở rộng quy mô thực nghiệm. Mở rộng quy mô đàn để chọn lọc và nhân phát triển. Đối với giống ngoại đề nghị Nhà nước cho nhập giống ông bà để tạo giống bố mẹ cung cấp cho nhu cầu sản xuất.

Mở thêm hướng nghiên cứu cơ bản về di truyền giống gia cầm Việt Nam làm cơ sở cho công tác giống lai tạo cải tiến

Một vấn đề đáng quan tâm đó là tạo hương nghiên cứu để có thể chọn lọc, lai tạo giữ giống gần như thuần từ ông bà nhập vào. Có như vậy mới đảm bảo được vấn đề về giống mà không phải phụ thuộc vào nước ngoài.

Tồn tại:

Đề tài cần đánh giá hiệu quả kinh tế của việc đầu tư kinh phí để tạo ra sản phẩm của đề tài.

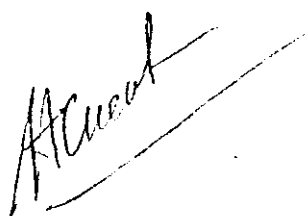
Tổ hợp lai chưa được nghiên cứu lặp lại nên sức thuyết phục của kết quả chưa cao. Đề tài chưa đưa ra công thức lai cụ thể để phù hợp với từng vùng sinh thái và thị trường.

10. Ý kiến của Chủ nhiệm đề tài và đơn vị:

Mặc dù đề tài có nhiều nội dung nghiên cứu nhưng kết quả đạt được đã có ý nghĩa thực tiễn rất lớn. Các ý kiến đóng góp của Hội đồng Viện và Chủ nhiệm Đề tài xin tiếp thu và bổ sung.

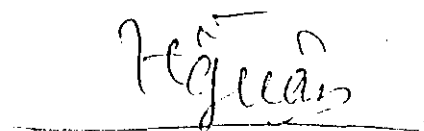
Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2001

Thư ký Hội đồng



Th.S. Nguyễn Hữu Cường

Chủ tịch Hội đồng



GS.TSKH. Lê Hồng Mận